TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CHO HÒA GIẢI VIÊN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
PHẦN I. NGHIỆP VỤ, KỸ NĂNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ	3
I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÂU THUẪN, TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN, TRANH CHẤP	3
1. Khái niệm, đặc điểm, các loại mâu thuẫn, tranh chấp	3
1.1. Khái niệm mâu thuẫn, tranh chấp	3
1.2. Đặc điểm của mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở	5
1.3. Các loại mâu thuẫn, tranh chấp thường phát sinh ở cơ sở	6
2. Các phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở	7
2.1. Tự thương lượng giữa các bên	7
2.2. Hòa giải ở cơ sở	9
2.3. Giải quyết thông qua cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở địa phương	10
2.4. Giải quyết tranh chấp tại Trọng tài hoặc Tòa án	10
3. Nguyên tắc chung khi giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp	12
II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ	12
1. BƯỚC 1. Trước khi hòa giải	13
2. BƯỚC 2. Tiến hành hòa giải	15
3. BƯỚC 3. Sau khi hòa giải	29
III. KỸ NĂNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ	30
1. Khái niệm kỹ năng	30
2. Kỹ năng chung của hòa giải viên	31
2.1. Kỹ năng thu thập thông tin về vụ, việc và nắm bắt nhu cầu của các bên	31

2.2. Kỹ năng tra cứu pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc	33
2.3. Kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, giải thích, thuyết phục, vận động các bên tự thỏa thuận, dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp	40
2.4. Kỹ năng ghi chép (ghi chép nội dung sự việc khi thu thập thông tin; ghi biên bản hòa giải, ghi Sổ theo dõi hoạt động hòa giải...)	43
2.5. Kỹ năng lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật trong quá trình hòa giải ở cơ sở	47
2.6. Kỹ năng "dân vận khéo" trong hòa giải ở cơ sở	50
2.7. Kỹ năng công nghệ thông tin trong hòa giải ở cơ sở	53
3. Một số kỹ năng cụ thể của hòa giải viên	58
3.1. Kỹ năng giao tiếp của hòa giải viên	58
3.2. Kỹ năng điều hành, kiểm soát buổi hòa giải	61
3.3. Kỹ năng quan sát	65
IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG, KIẾN THỨC PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI HÒA GIẢI VIÊN Ở CƠ SỞ	65
1. Khái quát chung về kiểm tra, đánh giá đối với hòa giải viên ở cơ sở	65
2. Chủ thể thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với hòa giải viên ở cơ sở	66
3. Quy trình tiến hành kiểm tra, đánh giá	67
4. Thời điểm kiểm tra, đánh giá	73
PHẦN II. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT THỰC TẾ TRONG LĨNH VỰC: HÔN NHÂN - GIA ĐÌNH, DÂN SỰ VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC	74

PHẦN I. NGHIỆP VỤ, KỸ NĂNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÂU THUẪN, TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN, TRANH CHẤP

1. Khái niệm, đặc điểm, các loại mâu thuẫn, tranh chấp

1.1. Khái niệm mâu thuẫn, tranh chấp

Trong đời sống xã hội, mâu thuẫn và tranh chấp là những hiện tượng phổ biến, phát sinh gắn liền với quá trình con người tham gia vào các quan hệ xã hội, quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh và sinh hoạt cộng đồng. Đối với hòa giải viên ở cơ sở, việc hiểu đúng và đầy đủ khái niệm mâu thuẫn, tranh chấp là điều kiện tiên quyết để xác định đúng bản chất vụ việc, từ đó lựa chọn phương pháp hòa giải phù hợp.

Theo Từ điển Tiếng Việt *"Mâu thuẫn là trạng thái trái ngược nhau trong quan hệ với nhau"*[1]. Trong đời sống xã hội, mâu thuẫn được hiểu là sự không thống nhất, xung đột về nhận thức, quan điểm, lợi ích, nhu cầu hoặc cảm xúc giữa các cá nhân, hộ gia đình hoặc nhóm người trong quá trình chung sống và tương tác xã hội. Mâu thuẫn có thể biểu hiện ở nhiều mức độ khác nhau, từ những bất đồng nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày cho đến những xung đột gay gắt kéo dài. Theo cách tiếp cận xã hội học, mâu thuẫn không phải lúc nào cũng mang ý nghĩa tiêu cực; nếu được nhận diện và xử lý kịp thời, đúng cách, mâu thuẫn có thể được hóa giải, góp phần điều chỉnh hành vi và củng cố các mối quan hệ xã hội.

Ví dụ, trong một khu dân cư, giữa hai hộ gia đình có thể phát sinh mâu thuẫn do việc sử dụng lối đi chung. Ban đầu, mâu thuẫn chỉ là sự khó chịu, lời qua tiếng lại do một bên thường xuyên để xe chắn lối đi. Nếu được nhắc nhở kịp thời, mâu thuẫn có thể được giải quyết đơn giản. Tuy nhiên, nếu để kéo dài, mâu thuẫn này có thể phát triển thành tranh chấp phức tạp, thậm chí dẫn đến khiếu kiện.

---

[1] Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học do GS. Hoàng Phê chủ biên của Nhà xuất bản Hồng Đức năm 2021.

Theo Từ điển Tiếng Việt thì "Tranh chấp là giành nhau một cách giằng co cái không rõ thuộc về bên nào"[2]. Tranh chấp là bước phát triển cao hơn của mâu thuẫn, trong đó các bên có yêu cầu, đòi hỏi cụ thể liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp mà không thể tự thỏa thuận, thống nhất được.

Trong khoa học pháp lý, tranh chấp được hiểu là sự bất đồng, mâu thuẫn hoặc xung đột về quyền, nghĩa vụ hoặc lợi ích hợp pháp giữa hai hoặc nhiều chủ thể trong quan hệ pháp luật, mà các bên không thể tự thỏa thuận giải quyết và cần đến cơ chế giải quyết theo quy định của pháp luật. Ví dụ, khi hai anh em ruột không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cha mẹ để lại, thì mâu thuẫn phân chia di sản đã chuyển hóa thành tranh chấp thừa kế, gắn liền với việc xác định quyền và nghĩa vụ cụ thể theo quy định của pháp luật.

Có nhiều nguyên nhân gây ra mâu thuẫn, tranh chấp, trong đó phải kể đến các nguyên nhân như:

- Xuất phát điểm khác nhau, sự hơn thua trong những mối quan hệ nhất định;

- Mục tiêu không thống nhất;

- Chênh lệch về nguồn lực;

- Quan điểm sống khác nhau;

- Có sự tác động từ các vấn đề nội tại hoặc bên ngoài;

- Căng thẳng/áp lực tâm lý từ nhiều người;

- Sự mơ hồ về phạm vi quyền hạn;

- Giao tiếp bị sai lệch…

Như vậy, có thể hiểu một cách khái quát rằng mâu thuẫn là hiện tượng xã hội có phạm vi rộng, có thể tồn tại ở dạng tiềm ẩn hoặc đã bộc lộ ra bên ngoài. Trong khi đó, tranh chấp là mức độ phát triển cao hơn của mâu thuẫn, khi sự bất đồng đã trở nên rõ ràng, gắn với việc xác định cụ thể quyền và nghĩa vụ giữa các

[2] Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học do GS. Hoàng Phê chủ biên của Nhà xuất bản Hồng Đức năm 2021.

bên, và thường đòi hỏi phải được giải quyết thông qua các thiết chế như hòa giải hoặc bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.2. Đặc điểm của mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở

Cả mâu thuẫn và tranh chấp đều mang tính chất đối kháng giữa hai hoặc nhiều chủ thể khác nhau; thể hiện quan điểm khác nhau của mỗi bên về sự vật, hiện tượng hoặc vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.

Mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở có những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, tính gắn kết về chủ thể, các mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở thường là các cá nhân, hộ gia đình có mối quan hệ gần gũi, gắn bó lâu dài như quan hệ hôn nhân, gia đình, họ hàng, láng giềng, hoặc cùng sinh sống trong một cộng đồng dân cư. Chính mối quan hệ thân quen này khiến mâu thuẫn, tranh chấp mang nặng yếu tố tình cảm, đạo đức, văn hóa, phong tục, tập quán.

Thứ hai, nội dung tranh chấp thường đa dạng và phức tạp. Nội dung mâu thuẫn, tranh chấp chủ yếu phát sinh từ những va chạm, bất đồng trong sinh hoạt thường ngày, các quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình hoặc quyền lợi của người dân tại địa bàn cư trú. Đây là những vụ việc có mức độ nghiêm trọng không cao, chủ yếu có thể giải quyết dựa trên sự thỏa thuận của các bên hơn là sự can thiệp hành chính.

Thứ ba, sự đan xen giữa yếu tố tâm lý và dư luận, người dân thường lo lắng khi có tranh chấp, mâu thuẫn; tranh chấp ở cơ sở chịu tác động mạnh mẽ bởi tâm lý cộng đồng và dư luận xã hội. Một vụ việc nhỏ nếu không được xử lý có thể ảnh hưởng đến thể diện gia đình, uy tín cá nhân và làm rạn nứt khối đoàn kết tại tổ dân phố, thôn bản.

Thứ tư, tranh chấp thường chưa đến mức phải ra tòa. Các mâu thuẫn, tranh chấp này nằm trong phạm vi pháp luật cho phép tự thỏa thuận, thuộc phạm vi của hòa giải ở cơ sở. Những tranh chấp này không xuất phát từ những mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của pháp luật tố tụng

dân sự không được hòa giải; vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính; mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở theo quy định pháp luật.

Thứ năm, nguy cơ tiềm ẩn và khả năng lan tỏa, mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở có đặc tính "âm ỉ", dễ gây mất trật tự, nếu không được nhận diện và giải quyết sớm sẽ dễ tích tụ, biến tướng thành những xung đột gay gắt, làm phát sinh các khiếu kiện phức tạp hoặc hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

1.3. Các loại mâu thuẫn, tranh chấp thường phát sinh ở cơ sở

Có nhiều tiêu chí khác nhau để phân loại mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở, cụ thể như sau:

a) Căn cứ vào quan hệ xã hội phát sinh, mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở có thể được chia thành:

- Mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình (vợ chồng, cha mẹ – con cái, anh chị em);

- Mâu thuẫn trong họ hàng, dòng tộc;

- Mâu thuẫn giữa hàng xóm, cộng đồng dân cư.

b) Căn cứ vào giá trị tranh chấp, có thể phân thành:

- Tranh chấp có thể định lượng được bằng tiền hoặc tài sản như: thừa kế, vay mượn, lối đi chung, bồi thường thiệt hại;

- Tranh chấp không định lượng được như: mâu thuẫn về quan điểm sống, lối sống, ứng xử trong sinh hoạt.

c) Căn cứ vào lĩnh vực pháp luật điều chỉnh

Đây là cách phân loại phổ biến, bao gồm các nhóm chủ yếu sau:

- Tranh chấp dân sự: phát sinh từ các quan hệ tài sản và nhân thân như tranh chấp hợp đồng vay mượn, thừa kế, lối đi chung, bồi thường thiệt hại…, Những

tranh chấp này thường gắn liền với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và là loại việc mà hòa giải viên ở cơ sở thường xuyên tiếp cận.

- Tranh chấp hôn nhân và gia đình: bao gồm mâu thuẫn giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái, anh chị em trong gia đình, hoặc liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, phân chia tài sản chung. Đây là loại tranh chấp mang tính nhạy cảm, chịu ảnh hưởng lớn của yếu tố tình cảm và đạo đức và truyền thống gia đình Việt Nam, đòi hỏi hòa giải viên phải đặc biệt thận trọng, tinh tế trong cách tiếp cận.

- Tranh chấp về đất đai, môi trường và điều kiện sinh hoạt: như tranh chấp ranh giới, lấn chiếm đất, ô nhiễm môi trường, tiếng ồn…. Những mâu thuẫn này không chỉ liên quan đến quyền lợi của cá nhân mà còn tác động đến lợi ích chung của cộng đồng, cần được giải quyết trên cơ sở kết hợp giữa quy định của Luật Đất đai năm 2024, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, pháp luật dân sự và các quy ước, hương ước của địa phương.

- Mâu thuẫn trong lao động và kinh doanh nhỏ lẻ: phát sinh giữa chủ cơ sở với người lao động hoặc giữa các hộ kinh doanh với người tiêu dùng; tuy giá trị không lớn nhưng có thể ảnh hưởng đến trật tự xã hội nếu không được giải quyết kịp thời.

Việc phân loại mâu thuẫn, tranh chấp theo các tiêu chí nêu trên giúp hòa giải viên ở cơ sở xác định đúng tính chất vụ việc, lựa chọn quy định pháp luật phù hợp và áp dụng phương pháp hòa giải hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hòa giải trong thực tiễn.

2. Các phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp ở cơ sở

Giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp là quá trình tác động có chủ đích nhằm làm chấm dứt hoặc giảm thiểu sự đối lập về lợi ích, quan điểm giữa các bên, hướng tới việc khôi phục, duy trì các mối quan hệ xã hội ổn định, hài hòa. Trong thực tiễn đời sống ở cơ sở, mâu thuẫn, tranh chấp có thể được giải quyết thông qua nhiều phương thức khác nhau. Mỗi phương thức có phạm vi áp dụng, ưu điểm và hạn chế riêng, phù hợp với từng loại mâu thuẫn, mức độ xung đột và điều kiện cụ

thể của các bên. Việc nhận diện và lựa chọn đúng phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp phù hợp có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả giải quyết vụ việc và sự ổn định lâu dài của các mối quan hệ xã hội. Đối với hòa giải viên ở cơ sở, hiểu rõ đặc điểm của từng phương thức không chỉ giúp nâng cao chất lượng hòa giải mà còn góp phần định hướng hành vi pháp lý đúng đắn cho người dân.

2.1. Tự thương lượng giữa các bên

Thương lượng là phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trong đó các bên trực tiếp gặp gỡ, trao đổi, bàn bạc với nhau nhằm tìm ra giải pháp dung hòa lợi ích mà không có sự can thiệp của bên thứ ba. Đây là phương thức đơn giản, linh hoạt, tiết kiệm thời gian, chi phí và được pháp luật khuyến khích áp dụng trong các quan hệ dân sự. Bộ luật Dân sự năm 2015, tại Điều 3, khẳng định nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận, theo đó các bên có quyền tự thỏa thuận về việc xác lập, thực hiện và chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự, miễn là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Trong thực tế ở cơ sở, nhiều mâu thuẫn nhỏ có thể được giải quyết hiệu quả thông qua thương lượng nếu các bên có thiện chí và còn giữ được sự tôn trọng lẫn nhau. Ví dụ, giữa hai hộ gia đình phát sinh mâu thuẫn về việc chặt tỉa cây xanh vươn sang đất hàng xóm. Nếu hai bên chủ động trao đổi, thống nhất thời gian và cách thức xử lý, mâu thuẫn có thể được giải quyết nhanh chóng mà không cần đến sự can thiệp của hòa giải viên hay chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, thương lượng chỉ thực sự hiệu quả khi các bên có vị thế tương đối ngang bằng, có khả năng kiểm soát cảm xúc và sẵn sàng lắng nghe quan điểm của nhau. Trong những trường hợp mâu thuẫn đã kéo dài, các bên có tâm lý đối đầu, thiếu niềm tin hoặc có sự chênh lệch rõ rệt về hiểu biết pháp luật, thì thương lượng thường gặp nhiều khó khăn, thậm chí có thể làm mâu thuẫn trầm trọng hơn. Khi đó, vai trò của hòa giải viên ở cơ sở trở nên cần thiết để hỗ trợ các bên tìm lại tiếng nói chung.

2.2. Hòa giải ở cơ sở

Hòa giải ở cơ sở là phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp có sự tham gia của bên thứ ba trung lập là hòa giải viên, nhằm hỗ trợ các bên tự thỏa thuận, thống nhất phương án giải quyết phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương. Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 xác định hòa giải ở cơ sở là hoạt động mang tính xã hội, dựa trên sự tự nguyện của các bên, không mang tính quyền lực nhà nước nhưng có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn đoàn kết nội bộ nhân dân, phòng ngừa vi phạm pháp luật và khiếu kiện phức tạp.

Ưu điểm nổi bật của hòa giải ở cơ sở là tính linh hoạt, gần gũi, dễ tiếp cận. Hòa giải viên là những người có uy tín trong cộng đồng, am hiểu phong tục, tập quán, nắm rõ hoàn cảnh cụ thể của các bên, do đó, có điều kiện thuận lợi để tác động đến tâm lý, tình cảm và nhận thức của các bên tranh chấp. Không giống như các phương thức giải quyết mang tính đối kháng, hòa giải hướng tới giải quyết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ xã hội, giúp các bên hiểu rõ quyền, nghĩa vụ của mình và tự nguyện điều chỉnh hành vi.

Ví dụ, trong vụ việc mâu thuẫn giữa hộ gia đình chăn nuôi và các hộ xung quanh do xả thải gây ô nhiễm môi trường, hòa giải viên không chỉ viện dẫn các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, mà còn phân tích tác động lâu dài của ô nhiễm đến sức khỏe cộng đồng, uy tín của gia đình trong thôn xóm, từ đó giúp các bên nhận thức được lợi ích của việc khắc phục hậu quả và chung tay bảo vệ môi trường sống.

Hòa giải ở cơ sở đặc biệt phù hợp với các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong quan hệ gia đình, láng giềng, cộng đồng dân cư, nơi mà việc duy trì mối quan hệ lâu dài có ý nghĩa quan trọng hơn so với việc "thắng – thua" về mặt pháp lý. Tuy nhiên, hòa giải ở cơ sở không áp dụng đối với những vụ việc thuộc trường hợp không được hòa giải theo quy định của pháp luật, hoặc những tranh chấp mà một bên kiên quyết không chấp nhận hòa giải.

Thực tiễn cho thấy, những mâu thuẫn được giải quyết sớm bằng thương lượng hoặc hòa giải thường ít để lại hậu quả tiêu cực, trong khi những tranh chấp phải giải quyết bằng con đường tố tụng thường kéo dài, phức tạp và khó hàn gắn quan hệ. Do đó, hòa giải ở cơ sở cần được coi là "hàng rào mềm" nhưng hiệu quả trong việc phòng ngừa, hạn chế tranh chấp, góp phần xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, ổn định và thượng tôn pháp luật.

2.3. Giải quyết thông qua cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở địa phương

Trong một số trường hợp, mâu thuẫn, tranh chấp có thể được giải quyết thông qua sự can thiệp, hướng dẫn của các cơ quan, tổ chức ở địa phương như Ủy ban nhân dân cấp xã. Phương thức này thường được áp dụng đối với các vụ việc có liên quan đến quản lý hành chính nhà nước, trật tự công cộng, môi trường, đất đai hoặc những vấn đề vượt quá khả năng tự thỏa thuận của các bên nhưng chưa đến mức phải giải quyết bằng con đường tố tụng.

Chẳng hạn, đối với tranh chấp về lấn chiếm lòng, lề đường hoặc sử dụng sai mục đích đất công cộng, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể tiến hành kiểm tra, lập biên bản, yêu cầu khắc phục vi phạm theo thẩm quyền. Trong quá trình đó, hòa giải viên có thể phối hợp, giải thích pháp luật, vận động người vi phạm tự nguyện chấp hành, hạn chế việc áp dụng các biện pháp xử lý mang tính cưỡng chế.

Phương thức này có ưu điểm là dựa trên thẩm quyền quản lý nhà nước, có tính ràng buộc nhất định, góp phần bảo đảm kỷ cương, trật tự pháp luật. Tuy nhiên, nếu lạm dụng hoặc áp dụng không phù hợp, có thể làm gia tăng tâm lý đối đầu giữa người dân và chính quyền, ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội. Vì vậy, trong thực tiễn, cần kết hợp hài hòa giữa biện pháp hành chính và công tác hòa giải, vận động, thuyết phục.

2.4. Giải quyết tranh chấp tại Trọng tài hoặc Tòa án

Giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài là phương thức giải quyết chính thức, mang tính quyền lực nhà nước hoặc quyền lực tài phán, được áp dụng khi các bên không thể tự thỏa thuận hoặc hòa giải không thành. Luật Trọng tài

thương mại năm 2010, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật liên quan quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án.

Phương thức này có ưu điểm là bảo đảm tính pháp lý cao, phán quyết có giá trị bắt buộc thi hành, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Tuy nhiên, tố tụng thường kéo dài, tốn kém thời gian, chi phí và có thể làm rạn nứt nghiêm trọng các mối quan hệ xã hội, đặc biệt là trong các tranh chấp giữa những người có quan hệ thân thích hoặc láng giềng.

Trong thực tế, tố tụng thường kéo dài, tốn kém thời gian, chi phí và có thể làm rạn nứt nghiêm trọng các mối quan hệ xã hội, đặc biệt là trong các tranh chấp giữa những mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng của hòa giải viên là tư vấn, phân tích để người dân hiểu rõ ưu, nhược điểm của từng phương thức giải quyết, từ đó cân nhắc lựa chọn con đường phù hợp, ưu tiên hòa giải trước khi sử dụng biện pháp tố tụng.

3. Nguyên tắc chung khi giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp

Trong quá trình giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, việc tuân thủ các nguyên tắc chung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần định hướng cách thức tiếp cận, lựa chọn phương pháp phù hợp và bảo đảm hiệu quả, bền vững của kết quả giải quyết. Các nguyên tắc này không chỉ mang tính kỹ thuật mà còn phản ánh yêu cầu về thái độ, ứng xử và trách nhiệm của các bên tham gia, cũng như của hòa giải viên và các chủ thể có liên quan.

Thứ nhất, tôn trọng sự tự nguyện và quyền tự định đoạt

Việc giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp cần được bắt đầu bằng các phương pháp mang tính hợp tác, đối thoại và thuyết phục. Hoạt động hòa giải phải dựa trên sự tự nguyện hoàn toàn của các bên; hòa giải viên không được áp đặt, cưỡng ép hoặc đưa ra quyết định thay cho người trong cuộc. Việc ưu tiên thương lượng, đối thoại giúp các bên có cơ hội bày tỏ quan điểm, nguyện vọng một cách bình

đẳng, tự thỏa thuận giải pháp trên cơ sở hiểu biết pháp luật, từ đó nâng cao tính ổn định và bền vững của kết quả hòa giải.

Thứ hai, khách quan, vô tư và công bằng. Hòa giải viên phải luôn giữ thái độ trung lập, vô tư, không vì mối quan hệ thân quen mà nghiêng về bất cứ bên nào. Mọi phân tích về lý và tình đề xuất phải dựa trên sự thật khách quan, bảo đảm sự công bằng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân.

Thứ ba, bảo mật thông tin đời tư và bí mật gia đình, Hòa giải viên có trách nhiệm tôn trọng và giữ bí mật thông tin về đời tư, bí mật gia đình của các bên; không được tiết lộ nội dung buổi hòa giải ra bên ngoài để tránh làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của các bên tại cộng đồng dân cư.

Thứ tư, kết hợp hài hòa giữa "Lý" và "Tình", vận dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp với hoàn cảnh cụ thể của từng vụ việc. Cần tránh cách làm việc khô cứng; hòa giải viên phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc giải thích quy định của pháp luật với việc khơi dậy đạo đức truyền thống, tình làng nghĩa xóm và các quy ước tốt đẹp của địa phương. Đồng thời, cần chủ động ứng dụng công nghệ số để hỗ trợ tra cứu văn bản pháp luật mới nhất, đảm bảo tư vấn chính xác, kịp thời.

Thứ năm, không vi phạm điều cấm của luật và đạo đức xã hội, mọi nội dung thỏa thuận đạt được giữa các bên phải đảm bảo không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng hay quyền của người thứ ba; phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và truyền thống văn hóa dân tộc.

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

Hòa giải ở cơ sở là hoạt động mang tính tự nguyện, dựa trên sự tham gia chủ động của cộng đồng dân cư, gắn với tình làng nghĩa xóm, phong tục, tập quán và các mối quan hệ xã hội bền chặt. Pháp luật về hòa giải ở cơ sở không đặt ra thủ tục bắt buộc, cứng nhắc khi tiến hành hòa giải mà trao quyền chủ động cho hòa

giải viên trong việc lựa chọn cách thức, thời điểm và phương pháp phù hợp với từng vụ việc cụ thể. Việc tổ chức hòa giải phụ thuộc vào đối tượng tham gia, tính chất và mức độ, điều kiện phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, cũng như mối quan hệ giữa các bên.

Tuy nhiên, để bảo đảm tính hiệu quả, thống nhất và nâng cao chất lượng hòa giải, hòa giải viên có thể tham khảo quy trình chung gồm ba bước cơ bản: trước khi hòa giải, tiến hành hòa giải và sau khi hòa giải. Việc vận dụng linh hoạt các bước này sẽ giúp hòa giải viên từng bước hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ và xử lý tốt hơn các tình huống phát sinh trong thực tiễn.

1. BƯỚC 1. TRƯỚC KHI HÒA GIẢI

- Hòa giải viên phải tìm hiểu nội dung vụ việc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, lợi ích mà mỗi bên hướng tới. Việc tìm hiểu đầy đủ nội dung vụ việc có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của toàn bộ quá trình hòa giải. Hòa giải viên không chỉ cần nắm được "sự việc đã xảy ra" mà còn phải hiểu rõ "vì sao sự việc xảy ra" và "điều gì các bên thực sự mong muốn".

Ví dụ, trong một vụ mâu thuẫn giữa hai hộ gia đình liền kề liên quan đến việc xây tường rào lấn ranh giới đất, qua gặp gỡ riêng từng bên, hòa giải viên nhận thấy nguyên nhân sâu xa không chỉ xuất phát từ tranh chấp đất đai mà còn do mâu thuẫn kéo dài trước đó trong quan hệ gia đình, cộng đồng. Một bên cho rằng bị coi thường khi không được thông báo trước việc xây dựng, trong khi bên còn lại cho rằng mình có đầy đủ giấy tờ hợp pháp nên không cần trao đổi. Việc nắm bắt yếu tố tâm lý này giúp hòa giải viên định hướng cách tiếp cận phù hợp, tránh chỉ tập trung vào khía cạnh pháp lý khô cứng.

Để nắm được các thông tin này, hòa giải viên cần gặp gỡ, trao đổi với từng bên tranh chấp (có thể gặp ở nhà riêng của mỗi bên hoặc gặp tại nơi thuận tiện như quán cà phê hoặc trong giờ giải lao tại nơi làm việc…). Ngoài ra, để nắm được tổng thể vụ việc một cách khách quan, toàn diện, hòa giải viên nên gặp gỡ, trao đổi với những người có liên quan, người biết về vụ việc (như hàng xóm, cha,

mẹ, con của các bên tranh chấp). Hòa giải viên cũng cần đề nghị được cung cấp tài liệu, bằng chứng liên quan đến vụ việc và xem xét cụ thể, tỉ mỉ các tài liệu, bằng chứng đó.

- Hòa giải viên phải tìm hiểu các quy định pháp luật điều chỉnh trực tiếp mối quan hệ giữa các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Hòa giải viên cần đọc quy định pháp luật (Bộ luật, luật, nghị định, thông tư), các tài liệu pháp luật liên quan điều chỉnh vấn đề, nội dung tranh chấp, mâu thuẫn giữa các bên để đối chiếu quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi bên trong mối quan hệ đó. Hòa giải viên phải trả lời được các câu hỏi: Về mặt pháp lý thì ai sai, ai đúng, sai đến đâu và đúng ở mức độ nào, vấn đề này sẽ giải quyết như thế nào theo quy định pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, hòa giải viên có thể đưa vụ việc ra trao đổi, thảo luận trong tổ hòa giải để tìm ra các quy định pháp luật thích hợp áp dụng cho giải quyết vụ việc hoặc tham khảo ý kiến của những người có trình độ pháp lý (như công chức tư pháp cấp xã, luật gia, luật sư, trợ giúp viên pháp lý, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên… sinh sống trong khu vực hoặc mình biết).

- Hòa giải viên cần thống nhất với các bên mâu thuẫn, tranh chấp về thời gian và địa điểm thực hiện hòa giải, thành phần tham dự hòa giải, việc hòa giải tiến hành công khai hay không công khai. Điều này nhằm tạo sự thoải mái cho các bên, tránh tình trạng cảm thấy bị gò bó, không thoải mái hoặc miễn cưỡng, không thích thành phần tham dự hòa giải.

Ngoài ra, việc lựa chọn thời gian, địa điểm hòa giải cũng cần cân nhắc yếu tố văn hóa, tâm lý. Ví dụ, đối với tranh chấp trong gia đình liên quan đến nghĩa vụ phụng dưỡng cha mẹ, hòa giải viên có thể đề xuất với các bên tổ chức hòa giải tại nhà văn hóa thôn hoặc nhà riêng của một trong các con để cha mẹ già không biết việc này, tránh làm tổn thương cha mẹ. Hạn chế tiến hành hòa giải tại nhà người cao tuổi, tránh những ngày giỗ chạp, lễ tết để không làm gia tăng căng thẳng hoặc tổn thương tình cảm.

Thời gian thực hiện các công việc trước khi tiến hành hòa giải là 03 ngày kể từ ngày được phân công hòa giải (Khoản 2 Điều 20 Luật Hòa giải ở cơ sở).

2. BƯỚC 2. TIẾN HÀNH HÒA GIẢI

a) Địa điểm, thời gian thực hiện hòa giải

Địa điểm và thời gian thực hiện buổi hòa giải do hòa giải viên đã thống nhất trước đó với các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Địa điểm thực hiện hòa giải có thể là nhà riêng của một bên, nhà riêng của hòa giải viên, nhà văn hóa hay địa điểm khác mà các bên đề xuất nhằm tạo cảm giác dễ chịu, thoải mái. Về thời gian, buổi hòa giải thường được bố trí vào thời điểm các bên có thể tham gia đầy đủ, như buổi tối hoặc ngày nghỉ, đồng thời cần bảo đảm tính kịp thời để giải quyết mâu thuẫn ngay từ khi mới phát sinh; trong nhiều trường hợp, việc hòa giải có thể được tiến hành trong một buổi hoặc kéo dài qua nhiều buổi tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc.

Ví dụ, trong một vụ tranh chấp giữa hai chủ cửa hàng tại chợ địa phương về việc lấn chiếm lối đi chung, hòa giải viên đã lựa chọn địa điểm hòa giải tại phòng sinh hoạt cộng đồng của khu phố, thay vì tổ chức ngay tại sạp hàng của một trong hai bên. Điều này giúp các bên cảm thấy bình đẳng, không bị ở vị thế bất lợi, từ đó dễ trao đổi và lắng nghe hơn. Đồng thời, hòa giải viên nên sắp xếp thời gian hòa giải vào buổi tối sau giờ kinh doanh để cả hai bên đều có mặt đầy đủ.

b) Thành phần tham dự buổi hòa giải

Thành phần tham dự buổi hòa giải gồm những người sau:

- Hòa giải viên: chủ trì buổi hòa giải

- Các bên mâu thuẫn, tranh chấp

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

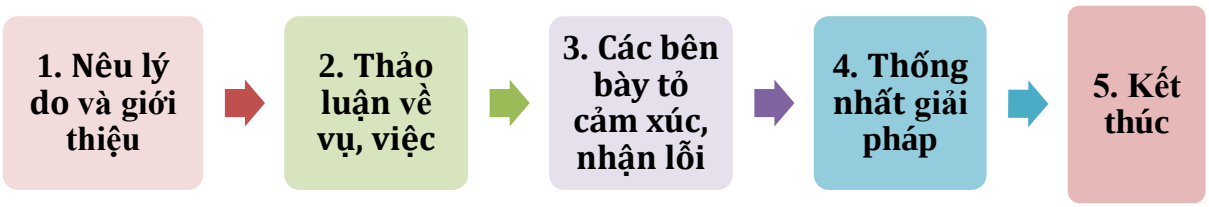
- Hòa giải viên hoặc các bên có thể mời người khác tham gia hòa giải. Việc mời người khác tham gia hòa giải phải được sự đồng ý của các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Người được mời có thể là người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, trưởng

bản, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác.

Ví dụ, trong một vụ mâu thuẫn giữa con bác, con chú, con cô về việc dành một phần đất của ông bà để lại xây nhà thờ họ, thì hòa giải viên nên mời thêm Trưởng họ tham gia buổi hòa giải để cho ý kiến. Sự có mặt của người này giúp các bên nhìn nhận lại trách nhiệm chung đối với dòng họ, từ đó giảm bớt quan điểm cá nhân, dễ đi đến thống nhất phương án đóng góp kinh phí.

c) Trình tự tiến hành 01 buổi hòa giải

Để đạt được mục tiêu hòa giải và giúp các bên đạt thỏa thuận, 01 buổi hòa giải nên được tiến hành một cách bài bản, có thể theo 05 bước như sau:



1. NÊU LÝ DO VÀ GIỚI THIỆU THÀNH PHẦN DỰ BUỔI HÒA GIẢI

Mục đích:

- Nêu lý do tổ chức buổi hòa giải và giới thiệu mọi người với nhau;
- Tạo bầu không khí cởi mở;
- Nhắc lại cho người tham gia về các bước trong buổi hòa giải;
- Nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản trong buổi hòa giải;

Ở bước mở đầu buổi hòa giải, hòa giải viên cần tạo không khí thân thiện, tôn trọng. Khi người tham gia buổi hòa giải đến, hòa giải viên cần chào hỏi nhiệt tình, tạo không khí thân thiện, tôn trọng và hướng dẫn họ đến chỗ ngồi chỉ định. Khi tất cả mọi người đã ổn định chỗ ngồi, hòa giải viên nên bắt đầu buổi hòa giải bằng cách chào đón mọi người, giới thiệu bản thân và thành phần tham gia buổi hòa giải.

Ví dụ: "Xin chào tất cả mọi người. Tên tôi là… Hôm nay tôi chủ trì buổi hòa giải này nhằm giúp các bên giải quyết mâu thuẫn một cách ổn thỏa nhất trên tinh thần có tình có lý. Tham gia buổi hòa giải hôm nay có ông/bà…, các bên… Cảm ơn tất cả mọi người đã dành thời gian tham dự. Sự tham gia của mọi người tại đây sẽ giúp chúng ta giải quyết thành công vấn đề".

Sau khi giới thiệu, hòa giải viên cần tóm tắt ngắn gọn mục đích của buổi hòa giải, các bước sẽ thực hiện và nhắc lại cho người tham gia về các nguyên tắc cơ bản trong buổi hòa giải.

Ví dụ: "Buổi hòa giải này sẽ tập trung vào sự việc xảy ra ngày…, tại (địa điểm) mâu thuẫn giữa anh/chị… với anh/chị… về việc… (nêu câu tiêu đề về nội dung mâu thuẫn). Chúng ta sẽ trao đổi về những hành vi mà các bên đã thực hiện, hành vi đó ảnh hưởng/tác động như thế nào và hy vọng có những giải pháp phù hợp để hai bên vui vẻ chấm dứt mâu thuẫn, tranh chấp. Mọi người có nhất trí không?"

Hòa giải viên thống nhất với các bên về một số nguyên tắc cơ bản trong buổi hòa giải

- Lịch sự và tôn trọng nhau.
- Mọi người lần lượt nói, không ngắt lời nhau và cần lắng nghe người khác nói một cách tôn trọng.
- Mọi người được bày tỏ quan điểm của mình và nói lên suy nghĩ, cảm nhận, hiểu biết của mình.
- Mọi người nên ngồi yên tại chỗ, không di chuyển xung quanh hoặc di chuyển về phía người tham gia khác.
- Không đe dọa, gọi người khác bằng từ khiếm nhã, lớn tiếng hoặc có hành vi hăm dọa.

- Tôn trọng quyền được bảo mật thông tin của nhau. Không tiết lộ bất cứ nội dung nào với người khác.
- Nên tắt điện thoại di động hoặc để chế độ rung.

2. THẢO LUẬN VỀ MÂU THUẪN, TRANH CHẤP

Mục đích:

- Để tất cả những người tham gia trình bày lại sự việc theo quan điểm và sự chứng kiến của họ.
- Để những người tham gia bày tỏ cảm xúc về sự việc và ảnh hưởng của sự việc đó đối với họ.

Trước khi để các bên trình bày lại sự việc thì hòa giải viên cần tạo không khí thân thiện, tôn trọng. Ví dụ, trong một vụ mâu thuẫn giữa vợ chồng trẻ với cha mẹ chồng liên quan đến việc đóng góp tiền sinh hoạt hàng tháng; hòa giải viên nên bắt đầu buổi hòa giải bằng việc ghi nhận những nỗ lực của cả hai thế hệ trong việc vun đắp gia đình, qua đó giảm bớt tâm lý phòng thủ của các bên trước khi đi vào nội dung chính.

Hòa giải viên cần bắt đầu bằng cách đọc to tóm tắt sự việc và đề nghị từng người trình bày.

Ví dụ: "Buổi hòa giải này sẽ tập trung vào sự việc xảy ra tại [địa điểm] vào lúc [thời gian] ngày [ngày] liên quan đến anh/chị [tên của một bên tranh chấp] và anh/chị [tên của bên tranh chấp còn lại]. Trong ngày đó, hai bên đã … [nêu vắn tắt diễn biến sự việc]. Sau đây tôi xin mời anh/chị [tên của một bên tranh chấp] trình bày diễn biến sự việc".

Trước tiên, hòa giải viên mời một trong các bên tranh chấp trình bày lại sự việc, khuyến khích họ nói về các tình tiết xoay quanh sự việc, suy nghĩ và cảm xúc của họ tại thời điểm đó, những ảnh hưởng, thiệt hại xảy ra. Sau đó, hòa giải viên mời từng người kể lại sự việc từ góc nhìn của họ. Hòa giải viên cần dành đủ

thời gian để tất cả các bên tham gia kể lại diễn biến sự việc cũng như bày tỏ cảm xúc về những gì đã xảy ra.

Ví dụ về dẫn dắt các bên trình bày

- Trên tinh thần chủ động, mời một người nói lại sự việc đã xảy ra cho mọi người biết được không?
- "Vâng, xin mời anh/chị [tên của bên tranh chấp muốn nói trước]. Anh/chị hãy kể lại chi tiết những chuyện xảy ra trong ngày hôm đó"
- "Sau đó thì sao?"
- "Anh/chị đã làm gì tiếp theo?"
- "Anh/chị cảm thấy thế nào về cách cư xử của anh/chị [tên của bên tranh chấp bên kia]?"
- "Lúc đó có ai ở đó nữa không?"
- "Anh/chị cảm thấy thế nào từ khi sự việc xảy ra?"
- "Anh/chị [tên của bên tranh chấp bên kia] cho biết lời trình bày vừa rồi anh/chị có đúng sự thật không?"
- "Anh/chị [tên của bên tranh chấp bên kia] muốn bổ sung thêm gì không?"
- "Anh/chị phản ứng ra sao lúc xảy ra sự việc?"
- "Anh/chị bị ảnh hưởng như thế nào từ việc này?"
- "Anh/chị mong [tên của bên tranh chấp bên kia] sẽ làm gì để bù đắp tổn thất đã gây ra?"
- Còn điều gì mà bạn muốn hỏi với anh/chị [tên của bên tranh chấp bên kia] nữa không?

Hòa giải viên phải bảo đảm rằng mỗi người đều có cơ hội như nhau để nói về sự việc từ góc nhìn của họ. Hòa giải viên không được ngắt lời người đang trình bày

(trừ trường hợp họ không tôn trọng người khác hoặc đi lệch hướng nội dung của buổi hòa giải); người liên quan, người được mời tham gia hòa giải phát biểu sau.

Ví dụ về câu nói gợi ý đối với người liên quan, người được mời tham gia hòa giải

- "Anh/chị nghĩ gì về hành vi của anh/chị [tên của bên tranh chấp]?"
- "Anh/chị cảm thấy thế nào về chuyện đã xảy ra?"
- "Chuyện đó ảnh hưởng đến gia đình, dòng họ, cộng đồng ra sao?"
- "Anh/chị có đề xuất giải pháp nào để giúp các bên khắc phục hậu quả không?"

Lưu ý: Đây là phần dễ dẫn đến xung đột, đổ lỗi cho nhau giữa các bên tranh chấp, vì vậy hòa giải viên phải là người điều hành, tránh tình trạng các bên căng thẳng, đối đầu nhau; hòa giải viên đề nghị ai nói trước, ai nói sau; có biện pháp ngắt lời người đang lấn át khi cần thiết.

Chẳng hạn, trong tranh chấp vay mượn tiền giữa hàng xóm, một bên cho rằng đã trả đủ, trong khi bên kia cho rằng chưa nhận đủ tiền. Khi cho từng bên trình bày không bị ngắt lời, hòa giải viên phát hiện ra rằng khoản tiền trả được chia làm nhiều lần nhưng không có giấy biên nhận. Việc làm rõ chi tiết này giúp hai bên nhận ra nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ sự thiếu chặt chẽ trong giao dịch, chứ không phải từ ý đồ gian dối.

3. TẠO CƠ HỘI ĐỂ CÁC BÊN CHIA SẺ, BÀY TỎ SUY NGHĨ, CẢM XÚC, ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ VIỆC ĐỐI VỚI BẢN THÂN MỖI BÊN

Mục đích: Để các bên có cơ hội:

- Chia sẻ, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc, ảnh hưởng của sự việc đối với bản thân mỗi bên để các bên "thấu hiểu" lẫn nhau.

- Nhận trách nhiệm về hành động của mình; bày tỏ sự cảm thông đối với hành động của bên kia sau khi lắng nghe họ trình bày.
- Chân thành xin lỗi nhau.

Sau khi tất cả những người tham gia đã trình bày sự việc, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân và hậu quả của sự việc đối với bản thân, gia đình mỗi bên. Hòa giải viên nên để các bên trao đổi với nhau những suy nghĩ về hành động của bản thân. Thực hiện việc này bằng cách hỏi một bên xem hiện giờ họ cảm thấy thế nào, họ có muốn nói điều gì với bên kia không. Sau đó quay sang hỏi bên còn lại họ thấy thế nào đối với ý kiến của bên kia, họ có đồng ý với đề xuất vừa rồi của bên kia không.

Ví dụ về câu nói gợi ý để các bên chia sẻ, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc để thấu hiểu lẫn nhau

- "Sau khi nghe anh/chị B [tên của một bên tranh chấp] trình bày, hiện giờ anh/chị A [tên của bên tranh chấp còn lại] cảm thấy thế nào về hành động của mình?"
- "Anh/chị A [tên của bên tranh chấp] có đề nghị gì đối với anh/chị B không?"
- "Xin hỏi, anh/chị B thấy thế nào đối với ý kiến của anh/chị A? Anh/chị có đồng ý với đề xuất vừa rồi của anh/chị A không?"

Ví dụ, trong mâu thuẫn giữa hai anh em ruột liên quan đến việc chăm sóc cha mẹ già, khi hòa giải viên đặt câu hỏi mở như "Anh/chị cảm thấy thế nào khi phải gánh trách nhiệm này một mình?", các bên đã bộc lộ cảm xúc bị tổn thương, mệt mỏi. Từ đó, họ dần thấu hiểu hoàn cảnh của nhau và sẵn sàng điều chỉnh cách ứng xử.

Mặc dù giai đoạn hòa giải này thường khá ngắn, nhưng hòa giải viên không nên bỏ qua vì việc này sẽ tạo nền tảng cho giai đoạn tiếp theo (các bên đã hiểu, thông cảm với nhau thì dễ dàng đi đến thống nhất giải pháp hòa giải).

4. THỐNG NHẤT GIẢI PHÁP

Mục đích:

- Chuyển tiếp câu chuyện từ nhắc lại, kể lại tranh chấp, mâu thuẫn đã xảy ra và hậu quả đối với các bên sang thảo luận các giải pháp tháo gỡ tranh chấp, khắc phục hậu quả.
- Giúp những người tham gia tự thỏa thuận với nhau trên cơ sở bình đẳng, công bằng, tuân thủ pháp luật, khả thi, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng bên.

Hòa giải viên bắt đầu bước này trong quy trình hòa giải bằng một câu chuyển tiếp để chuyển sự chú ý sang trao đổi những giải pháp khắc phục.

Ví dụ: "Bây giờ, khi đã hiểu hơn về nguyên nhân của sự việc, nhận ra hành vi của ai đúng, ai sai, mức độ vi phạm của mỗi bên như thế nào, chúng ta hãy cùng trao đổi về giải pháp để hai bên cùng vui vẻ chấp nhận, anh/chị B có thể làm gì đối với anh/chị A và ngược lại anh/chị A có thể làm gì để giải quyết việc này".

Hòa giải viên nên bắt đầu bằng việc mời người bị thiệt hại nhiều hơn đưa ra ý kiến đề xuất về những điều mà người bên kia có thể thực hiện để khắc phục thiệt hại cho mình.

Ví dụ về câu nói gợi ý, mời một người đề xuất giải pháp khắc phục thiệt hại

- "Sau đây, mời anh/chị B [tên của bên tranh chấp] cho biết anh/chị A [tên của bên tranh chấp còn lại] có thể làm gì để khắc phục hậu quả?" hoặc "anh/chị B [tên của bên tranh chấp] muốn đạt được điều gì từ buổi hòa giải hôm nay?"
- "Tại sao việc này lại có ý nghĩa quan trọng đối với anh/chị?"

Sau đó, hòa giải viên cần suy nghĩ, cân nhắc xem đề xuất đó có đúng pháp luật không, có phù hợp với phong tục, tập quán và thực tế xảy ra, cũng như khả

năng thực hiện của bên kia không. Nếu thấy đáp ứng được các điều kiện đó thì hòa giải viên để người bị hại tự gợi ý giải pháp.

Ví dụ về câu nói gợi ý đối với đề xuất giải pháp của một bên

- [Hỏi bên tranh chấp còn lại]: "Anh/chị A thấy đề xuất của anh/chị B có phù hợp không? Anh/chị có đồng ý với đề xuất đó không?"
- "Anh/chị A có đề xuất giải pháp gì khác không?"

Trong giai đoạn này, hòa giải viên phải giữ thái độ khách quan và không đưa ra ý kiến cá nhân. Hòa giải viên phân tích lợi ích của việc hòa giải thành, hậu quả pháp lý mà các bên có thể gặp phải nếu tiếp tục tranh chấp và có những hành vi sai trái. Hòa giải viên có vai trò thúc đẩy và hỗ trợ các bên thương lượng về nội dung thỏa thuận, thay vì áp đặt ý kiến của mình. Hòa giải viên phải:

- Luôn có thái độ khách quan;

- Bảo đảm rằng tất cả các bên được trình bày ý kiến của mình trong quá trình thống nhất giải pháp;

- Kiểm soát cảm xúc của các bên và đảm bảo rằng mọi người đều có quyền đưa ra quan điểm theo cách lịch sự và tôn trọng;

- Luôn tập trung vào những gì có thể làm để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra, không đổ lỗi, chỉ trích hay xúc phạm người bất kỳ người nào tham gia hòa giải;

- Bảo đảm tính hợp pháp, công bằng và hợp lý của thỏa thuận trong mọi tình huống.

Nếu các bên đề xuất phương án không hợp pháp hoặc không thích hợp (chẳng hạn như biện pháp nghiêm khắc hơn đối với thiệt hại thực tế xảy ra) hoặc trái phong tục, tập quán, thì hòa giải viên cần giải thích hoặc điều tiết nội dung trao đổi theo hướng lưu ý người tham gia về các quy định pháp luật liên quan và nhấn mạnh rằng các giải pháp hòa giải đưa ra không nhằm mục đích trừng phạt.

Nếu thỏa thuận hòa giải bao gồm yêu cầu trả tiền bồi thường cho người thiệt bị hại, hòa giải viên phải đảm bảo rằng:

✓ Mức tiền theo thỏa thuận là công bằng và hợp lý (đúng với thiệt hại thực tế xảy ra);

✓ Người có trách nhiệm trả tiền có khả năng chi trả;

✓ Người có trách nhiệm trả tiền có một khoảng thời gian cần thiết để chuẩn bị tiền (bao gồm cả phương án trả góp nếu cần).

Khi giúp những người tham gia thống nhất về thỏa thuận, hòa giải viên nên khuyến khích những người tham gia xem xét các phương án có thể khắc phục hậu quả. Có thể tham khảo các phương án sau:

- **Xin lỗi người bị thiệt hại**

Bên gây thiệt hại có thể xin lỗi ngay tại buổi hòa giải hoặc gặp riêng bên kia hoặc viết thư, nhắn tin để xin lỗi. Việc xin lỗi cần thực hiện một cách riêng tư và tôn trọng quyền (bao gồm cả tôn trọng danh dự, nhân phẩm) của bên xin lỗi.

- **Bên gây ra thiệt hại cam kết khắc phục hậu quả**

Việc ký Biên bản hòa giải thành giữa hai bên thể hiện việc chịu trách nhiệm và cam kết khắc phục hậu quả của bên gây ra thiệt hại. Có thể như cam kết sửa chữa thứ đã bị hư hại hoặc trả/thay thế đồ vật bị mất, hỏng...

- **Làm công việc tình nguyện cho người bị hại**

Nếu thích hợp, bên gây thiệt hại có thể thực hiện một số công việc cho người bị thiệt hại để khắc phục hậu quả (ví dụ: phối hợp xây dựng lại bức tường bị đạp đổ; trồng lại cây đã bị nhổ, dập nát…)

Các yếu tố bảo đảm một thỏa thuận phù hợp, đảm bảo tính khả thi	**Các yếu tố trong một thỏa thuận hòa giải không hợp lý**

- Xuất phát từ đề xuất tự nguyện của các bên (không bên nào bị ép buộc). - Không xâm phạm lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. - Phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa. - Trong khả năng thực hiện của các bên. - Tạo điều kiện để khắc phục hậu quả và hàn gắn mối quan hệ giữa các bên.	- Cưỡng ép, tạo áp lực cho một bên, buộc họ phải chịu trách nhiệm. - Đưa ra biện pháp trái pháp luật, xâm phạm lợi ích của công cộng, quyền và lợi ích của người khác; đi ngược lại truyền thống văn hóa. - Áp đặt các điều kiện bất khả thi, nặng nề, không thực tế cho một bên. - Có hoạt động hạ thấp hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người gây ra thiệt hại hoặc chỉ nhằm mục đích trừng phạt.

Sau khi những người tham gia trao đổi và thống nhất về các giải pháp cũng như điều kiện thỏa thuận (những việc phải làm và hậu quả nếu không tuân thủ thỏa thuận), hòa giải viên sẽ đọc to biên bản hòa giải (các bên thống nhất lập biên bản hòa giải), xác nhận rằng các bên đồng ý và đảm bảo rằng mỗi mục trong thỏa thuận đều rõ ràng và cụ thể.

Danh sách công việc cần làm để giúp các bên thống nhất giải pháp giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp	
☑	Luôn tập trung vào phần giao tiếp giữa những người tham gia.
☑	Luôn giữ thái độ khách quan. Không đưa ra ý kiến cá nhân.
☑	Khuyến khích mọi người chủ động đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề với sự tích cực, đoàn kết, hóa giải mâu thuẫn.

☑	Diễn đạt lại đề xuất hoặc định hướng lại (nếu cần) để giải pháp tập trung vào việc khắc phục hậu quả, bù đắp thiệt hại chứ không phải trừng phạt nghiêm khắc.
☑	Tận dụng các khoảng nghỉ ngắn (nếu cần) để xoa dịu căng thẳng hoặc những khó khăn trong khi trao đổi.
☑	Thúc đẩy tiến trình hòa giải theo một nhịp độ cân bằng được nhu cầu của tất cả những người tham gia.

Trong một số trường hợp, mặc dù hòa giải viên đã nỗ lực hết sức, nhưng các bên có thể không sẵn sàng hoặc không thể đạt được thỏa thuận về cách giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp. Nếu các bên không thể thống nhất về giải pháp, tùy theo đánh giá về tình hình, hòa giải viên có thể:

➢ Đề xuất hoãn lại trong thời gian ngắn (tối đa là 05 ngày) để các bên cân nhắc những phương án, sau đó mời họ gặp mặt lại vào ngày khác để xem có thể đạt được thỏa thuận hay không.

➢ Kết thúc hòa giải, nếu hòa giải viên thấy rằng nếu tiếp tục cũng không hiệu quả.

Ví dụ, trong tranh chấp ranh giới đất, thay vì chỉ tranh luận nguyên nhân xảy ra tranh chấp thì hòa giải viên gợi ý phương án đo đạc lại ranh giới với sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương. Giải pháp này vừa phù hợp pháp luật, vừa giữ được tình làng nghĩa xóm.

Trong trường hợp buổi hòa giải kết thúc mà không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên cần hướng dẫn các bên đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để giải quyết vấn đề theo quy định của pháp luật.

5. KẾT THÚC VÀ KÝ BIÊN BẢN HÒA GIẢI

Mục đích:

- Kết thúc buổi hòa giải khi các bên đã trình bày hết ý kiến.
- Hướng dẫn các bên thực hiện những việc cần làm tiếp theo.

Giai đoạn cuối cùng trong buổi hòa giải là kết thúc buổi hòa giải khi các bên đã trình bày hết ý kiến và thúc đẩy các bên ký Biên bản hòa giải (nếu họ đồng ý). Ở giai đoạn này, hòa giải viên nên:

⇨ Hỏi người tham gia xem họ còn có ý kiến nào không;

⇨ Nhắc lại cho người tham gia về việc giữ bí mật thông tin đời tư của các bên và nội dung của vụ, việc;

⇨ Mời người tham gia uống nước, ăn trái cây, bánh kẹo (nếu có) như một cách để thúc đẩy sự tương tác.

Ví dụ về lời kết thúc

"Trước khi chính thức kết thúc buổi hòa giải này, tôi muốn hỏi còn ai muốn chia sẻ điều gì không ạ?"

Đợi người tham gia trả lời, sau đó nói:

"Cảm ơn tất cả mọi người đã tới đây hôm nay. Thỏa thuận giữa hai bên chắc chắn sẽ giúp khắc phục những thiệt hại đã xảy ra. Tôi rất mong muốn các bên thực hiện các giải pháp sẽ theo đúng thời gian và công việc đã thống nhất. Tôi đã ghi biên bản hòa giải. Trong lúc tôi hoàn thiện biên bản hòa giải, mời mọi người uống nước.

Một lần nữa, tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo mật thông tin. Đề nghị tất cả mọi người không tiết lộ bất kỳ nội dung nào của buổi hòa giải hôm nay ra bên ngoài.

Xin cảm ơn".

Trường hợp hòa giải thành

Hòa giải viên lập biên bản hòa giải thành và đưa cho các bên ký biên bản hòa giải thành trước khi ra về. Ví dụ, trong vụ hòa giải thành về bồi thường thiệt hại do gây hư hỏng tài sản, hòa giải viên đã giải thích cụ thể thời hạn, phương thức bồi thường và nhấn mạnh trách nhiệm thực hiện cam kết, giúp các bên nhận thức rõ nghĩa vụ của mình và hạn chế phát sinh tranh chấp mới. Đồng thời, hòa giải viên phổ biến cho các bên quy định về thủ tục đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở, giá trị pháp lý của quyết định công nhận của Tòa án.

Trường hợp hòa giải không thành

Khi các bên không đạt được thỏa thuận hoặc hòa giải viên thấy việc tiếp tục hòa giải không đạt được kết quả thì hòa giải viên hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết vụ, việc theo quy định của pháp luật. Nếu các bên yêu cầu lập biên bản hòa giải không thành, thì hòa giải viên lập biên bản hòa giải không thành; đề nghị các bên ký biên bản hòa giải thành trước khi ra về.

Trường hợp các bên chỉ thỏa thuận được một phần những vấn đề có tranh chấp, hòa giải viên tiếp tục thuyết phục các bên bàn bạc, thỏa thuận tiếp. Nếu các bên thống nhất được thì thuộc trường hợp hòa giải thành; nếu các bên vẫn không thống nhất được thì thuộc trường hợp hòa giải không thành.

Ví dụ: Vào năm 1990, cụ C cho hai con trai của mình là ông T và ông A mỗi người 10 công ruộng, nhưng do ông T mất sớm và con của ông T là chị M còn nhỏ, không thể quản lý phần tài sản cha mình để lại, nên cụ C cho ông A mượn canh tác với điều kiện là khi nào chị M lớn và có nhu cầu sử dụng canh tác phần đất trên thì ông A phải trả lại phần đất trên cho chị M. Khi chị M lớn lên và có nhu cầu sử dụng canh tác, đòi lại phần đất trên thì ông A không đồng ý trả lại đất với lý do đất này cụ C trước khi chết đã cho ông và ông đã sử dụng canh tác nhiều năm qua. Chị M gửi đơn yêu cầu đến tổ hoà giải nhờ hoà giải.

Mặc dù được các hòa giải viên phân tích, động viên, nhưng ông A và chị M không đi đến thống nhất giải quyết tranh chấp - vụ việc hòa giải không thành. Tại khoản 1,2 Điều 235 của Luật Đất đai năm 2024 quy định, Nhà nước khuyến

khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải. Theo đó, trường hợp hòa giải không thành, hòa giải viên cần hướng dẫn một trong các bên hoặc cả hai bên làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã hòa giải.

Danh sách công việc thực hiện trong giai đoạn kết thúc hòa giải	
☑	Mời người tham gia phát biểu hoặc bày tỏ quan điểm lần cuối về thỏa thuận nếu họ muốn.
☑	Nhắc nhở người tham gia về tầm quan trọng của bảo mật thông tin.
☑	Chính thức kết thúc buổi hòa giải; lập biên bản hòa giải (nếu các bên đồng ý lập biên bản hòa giải)
☑	Mời uống nước, ăn trái cây, bánh kẹo (nếu có).
☑	Đọc lại biên bản hòa giải cho các bên nghe và và đề nghị các bên ký tên trước khi ra về (nếu các bên đồng ý).
☑	Cảm ơn mọi người đã có mặt.

3. BƯỚC 3. SAU KHI HÒA GIẢI

Sau hòa giải, việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kết quả hòa giải là khâu không thể thiếu. Nếu hòa giải thành, sau khi kết thúc hòa giải, hòa giải viên có trách nhiệm:

✓ Giám sát và đôn đốc, thúc đẩy việc thực hiện thỏa thuận hòa giải;

✓ Gặp mặt định kỳ với các bên để kiểm tra tình hình thực hiện và động viên, nhắc nhở họ về những cam kết họ đưa ra;

✓ Kịp thời phát hiện vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện thỏa thuận, khuyến khích các bên đưa ra giải pháp hoặc thông báo cho Tổ trưởng Tổ hòa giải để giải quyết theo luật định.

Ví dụ, trong trường hợp hòa giải thành về việc phân chia di sản thừa kế, hòa giải viên đã chủ động gặp lại các bên sau một tháng để nắm tình hình thực hiện thỏa thuận, kịp thời trao đổi, động viên khi phát sinh khó khăn trong quá trình sang tên quyền sử dụng đất.

Ví dụ, trong một vụ hòa giải về mâu thuẫn sinh hoạt cộng đồng liên quan đến việc nuôi gia súc gây ô nhiễm môi trường, hòa giải viên sau buổi hòa giải đã phối hợp với trưởng thôn kiểm tra việc di dời chuồng trại theo thỏa thuận. Sự theo dõi sát sao này không chỉ bảo đảm kết quả hòa giải được thực hiện nghiêm túc mà còn củng cố niềm tin của người dân vào vai trò của hòa giải viên và tổ hòa giải ở cơ sở.

III. KỸ NĂNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Khái niệm kỹ năng

Kỹ năng là khả năng của một người áp dụng, sử dụng những kiến thức, hiểu biết của mình để thực hiện một công việc cụ thể hoặc giải quyết một tình huống thực tiễn (Ví dụ kỹ năng tranh tụng của luật sư, kỹ năng chăm sóc cây cảnh của người làm vườn, kỹ năng tốc ký của phóng viên…).

Kỹ năng hòa giải ở cơ sở là khả năng của hòa giải viên áp dụng, sử dụng hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, kinh nghiệm bản thân, kiến thức pháp luật để hướng dẫn các bên mâu thuẫn, tranh chấp đi đến thống nhất giải pháp chấm dứt mâu thuẫn, tranh chấp và thỏa thuận quyền, trách nhiệm của mỗi bên nhằm khắc phục hậu quả do mâu thuẫn, tranh chấp gây ra (giúp các bên mâu thuẫn, tranh chấp đạt được hòa giải thành).

Kỹ năng được hình thành và phát triển thông qua việc học tập, rèn luyện, tích lũy kiến thức, thường xuyên rút kinh nghiệm và thực hành. Để có kỹ năng hòa giải tốt, hòa giải viên phải nắm rõ phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa

trong cộng đồng dân cư; thường xuyên học tập, tìm hiểu pháp luật, cập nhật nội dung pháp luật mới ban hành; đặc biệt cần rút kinh nghiệm sau mỗi lần hòa giải để lần sau làm tốt hơn, hạn chế tối thiểu sự lúng túng trong quá trình hòa giải.

Có thể phân chia kỹ năng của hòa giải viên thành hai nhóm: Kỹ năng chung và kỹ năng cụ thể. Kỹ năng chung là những kỹ năng mang tính bao quát, cơ bản như Kỹ năng thu thập thông tin về vụ, việc; kỹ năng tra cứu, tìm hiểu pháp luật; kỹ năng ghi chép; kỹ năng hướng dẫn, thuyết phục; kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật; kỹ năng dân vận khéo… Kỹ năng cụ thể là những kỹ năng chuyên biệt, như: kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng điều hành phiên hòa giải, kỹ năng kiểm soát cảm xúc của các bên tranh chấp…

2. Kỹ năng chung của hòa giải viên

2.1. Kỹ năng thu thập thông tin về vụ, việc và nắm bắt nhu cầu của các bên

Ngay sau khi tiếp nhận vụ, việc (hòa giải viên việc tiếp nhận vụ, việc do chứng kiến, biết vụ việc thuộc phạm vi hòa giải hoặc được một/các bên yêu cầu hòa giải hoặc được Tổ trưởng tổ hòa giải phân công), hòa giải viên cần thu thập thông tin về vụ, việc và nhu cầu, nguyện vọng của các bên (gọi chung là thu thập thông tin).

a) Mục đích của thu thập thông tin liên quan đến mâu thuẫn, tranh chấp:

Thu thập đầy đủ thông tin liên quan đến vụ, việc có ý nghĩa quan trọng để hòa giải viên tiến hành hòa giải thành công mâu thuẫn, tranh chấp.

- Giúp hòa giải viên có sự hiểu biết đầy đủ về mâu thuẫn, tranh chấp; hoàn cảnh xảy ra và hậu quả.

- Giúp hòa giải viên xác định mối quan hệ xã hội cần giải quyết cũng như lĩnh vực tranh chấp mâu thuẫn xảy ra để từ đó xem xét phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, ca dao - tục ngữ có thể được áp dụng khi hòa giải; giúp hòa giải viên xác định văn bản pháp luật cần tra cứu, quy định pháp luật điều chỉnh về mối

quan hệ đó, lĩnh vực đó để hiểu quyền và nghĩa vụ của mỗi bên tranh chấp theo quy định pháp luật.

- Giúp hòa giải viên định hướng được cách thức tiến hành hòa giải và xây dựng kế hoạch hòa giải hiệu quả nhất.

b) Nội dung thu thập thông tin

Không phải mọi thông tin đều thu thập, hòa giải viên chỉ lựa chọn những thông tin phục vụ việc giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các bên (tức là trả lời câu hỏi: Thu thập thông tin gì). Những thông tin cơ bản sau cần thu thập:

- Đặc điểm của các bên mâu thuẫn, tranh chấp: Độ tuổi (người cao tuổi, trung niên, thanh niên hay chưa thành niên); giới tính (nam hay nữ); tính cách (tử tế, hòa đồng, hiền lành, chất phác hay nóng nảy, thô lỗ…); trình độ học vấn, nghề nghiệp (học vấn như thế nào, làm nghề gì, môi trường làm việc)… Thu thập được các thông tin này, hòa giải viên sẽ giải đáp câu hỏi "Người có mâu thuẫn tranh chấp là ai, là người như thế nào?"

- Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp: Nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân gián tiếp, chủ thể (ai), hành vi nào dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp xảy ra. Thu thập được thông tin này, hòa giải viên sẽ trả lời được câu hỏi "Tại sao xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp?".

- Quá trình xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp: Thu thập toàn bộ diễn biến sự việc, từ lúc bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp đến thời điểm hiện tại. Thu thập được thông tin này, hòa giải viên sẽ trả lời được câu hỏi "Chủ thể nào (ai) đã thực hiện những hành vi gì, đã nói gì, sự việc xảy ra ở đâu, diễn biến như thế nào?".

- Hậu quả của tranh chấp, mâu thuẫn: Có thiệt hại về sức khỏe, tính mạng hoặc thiệt hại về tài sản không; có xâm phạm danh dự, nhân phẩm của ai không. Thu thập được thông tin này, hòa giải viên sẽ giải đáp được câu hỏi "Thiệt hại xảy ra là gì? Do ai gây ra? Lỗi của mỗi bên như thế nào?".

- Nhu cầu, nguyện vọng của các bên tranh chấp: Các bên tranh chấp có suy nghĩ, cảm nghĩ, kỳ vọng, mong muốn bên kia phải làm gì để giải quyết tranh chấp

mâu thuẫn. Nắm được nguyện vọng của các bên, hòa giải viên sẽ trả lời được câu hỏi "Các bên định giải quyết mâu thuẫn này như thế nào? Cách giải quyết đó có đúng pháp luật, đạo đức, phong tục, tập quán không? Có khả thi không?…"

Ngoài những thông tin cơ bản trên, tùy vào từng trường hợp cụ thể, hòa giải viên sẽ thu thập những thông tin cần thiết khác để phục vụ hòa giải. Việc thu thập thông tin đầy đủ sẽ giúp hòa giải viên chuẩn bị hòa giải kỹ lưỡng, đưa ra phương án hòa giải khả thi, khả năng hòa giải thành cao, bảo đảm tính thuyết phục đối với các bên.

c) Cách thức thu thập thông tin

Việc thu thập thông tin về sự việc thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị hòa giải. Tùy vào điều kiện thực tiễn, hòa giải viên có thể thu thập thông tin từ các bên tranh chấp và những người liên quan đến tranh chấp bằng cách thức phù hợp để thu thập được nhiều nhất, nhanh nhất các thông tin. Hòa giải viên có thể thực hiện thu nhập thông tin bằng các cách thức sau.

- Gặp gỡ trực tiếp với các bên tranh chấp, người liên quan để phỏng vấn, nghe các bên trình bày.

- Gọi điện thoại cho các bên để trao đổi, hỏi nội dung tranh chấp, mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn.

- Nhắn tin bằng tin nhắn hoặc nhắn tin qua zalo để hỏi han, quan tâm và khai thác thông tin từ các bên liên quan.

- Các cách thức khác phù hợp với phong tục, tập quán, hoàn cảnh của các bên tranh chấp và hòa giải viên.

2.2. Kỹ năng tra cứu pháp luật, phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc

a) Mục đích của tra cứu pháp luật, phong tục, tập quán liên quan đến mâu thuẫn, tranh chấp

Tra cứu pháp luật, phong tục, tập quán liên quan đến mâu thuẫn, tranh chấp có vai trò quan trọng để hòa giải viên phổ biến, giải thích cho các bên về quyền và nghĩa vụ của họ

- Giúp hòa giải viên nắm rõ pháp luật quy định về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trước khi xảy ra tranh chấp và sau khi xảy ra tranh chấp.

- Giúp hòa giải viên biết thêm các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, phong tục tập quán của địa phương trong giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn tương tự.

- Giúp hòa giải viên xác định được nên phổ biến quy định nào của pháp luật, hướng dẫn cách ứng xử của mỗi bên theo truyền thống văn hóa.

b) Nội dung pháp luật cần tra cứu; cách thức tra cứu

Sau khi thu thập đầy đủ thông tin cần thiết về vụ việc tranh chấp, mâu thuẫn giữa các bên, hòa giải viên đã xác định được mối quan hệ trong tranh chấp, mâu thuẫn đó thuộc lĩnh vực gì. Ví dụ tranh chấp về lối đi qua nhà thuộc lĩnh vực dân sự; tranh chấp về xác định ranh giới thửa đất thuộc lĩnh vực đất đai; tranh chấp về phân chia tài sản của chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình… Trên cơ sở xác định các lĩnh vực tranh chấp, mâu thuẫn đó, hòa giải viên tìm kiếm, tra cứu văn bản quy phạm pháp luật tương ứng điều chỉnh về vấn đề đó; tìm đọc những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ của dân tộc có nội dung liên quan đến tranh chấp.

* Nội dung pháp luật cần tra cứu:

Hòa giải viên cần tìm chính xác điều luật quy định về mối quan hệ xã hội đang có tranh chấp. Tuy nhiên có những tranh chấp phát sinh nhiều mối quan hệ xã hội khác nhau và được điều chỉnh bởi những văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Do đó, hòa giải viên cần xác định đâu là mối quan hệ cốt lõi cần giải quyết và để giải quyết được mối quan hệ cốt lõi đó thì cần giải quyết những mối quan hệ liên quan nào khác.

Ví dụ: Bà E vay của bà P một khoản tiền lớn để làm vốn kinh doanh. Quá hạn 03 tháng không trả được nợ nên bà P đòi bà E trả cả gốc và lãi bằng quyền sử dụng 150m^2 đất. Bà E đã giấu chồng viết giấy tay về việc gán mảnh đất của gia đình để trả nợ. Bà P chỉ nhận giấy viết tay và không làm thủ tục sang tên, 3 năm sau bà E chết, lúc này P viết giấy tay chuyển mảnh đất này cho ông G. Khoảng 02 năm sau, ông G đến dựng nhà thì bị chồng và con bà E ngăn cản vì cho rằng ông G xâm phạm vào quyền sử dụng đất của họ. Tranh chấp quyền sử dụng đất xảy ra căng thẳng giữa ông G và chồng, con của bà E.

Trong ví dụ này, về hình thức là tranh chấp quyền sử dụng đất, nhưng để xác định quyền sử dụng đất thuộc về ai thì phải xem giao dịch giữa các bên có hợp pháp không. Tức là phải căn cứ vào Bộ luật dân sự và Luật Hôn nhân và gia đình để xem giao dịch giữa bà E và bà P có hiệu lực không; giao dịch giữa bà P và ông G có hiệu lực không (bao gồm năng lực thực hiện hành vi dân sự, thẩm quyền thực hiện giao dịch, hình thức của giao dịch có đúng quy định pháp luật không…).

+ Khi tìm hiểu được quy định pháp luật điều chỉnh mối quan hệ đang tranh chấp, hòa giải viên nắm được quyền và nghĩa vụ của mỗi bên theo quy định pháp luật; hành vi của mỗi bên có vi phạm pháp luật không; nếu có vi phạm pháp luật thì sẽ bị xử lý như thế nào. Tức là hòa giải viên sẽ giải đáp câu hỏi "Pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào? Cách thức giải quyết ra sao?".

+ Hiểu được quy định pháp luật liên quan đến nội dung tranh chấp sẽ giúp hòa giải viên nhận biết được nội dung thỏa thuận của các bên có đúng pháp luật không (có nội dung thỏa thuận nào trái pháp luật hoặc xâm phạm lợi ích nhà nước, lợi ích của người thứ ba không) để từ đó đồng thuận, ủng hộ thỏa thuận giải quyết tranh chấp hoặc phân tích cho các bên hiểu rõ thỏa thuận của họ trái pháp luật ở điểm nào.

+ Nắm rõ quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên giúp hòa giải viên định hướng cho các bên thống nhất cách giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi bên, bảo đảm tính công bằng, bình đẳng giữa các bên. Do đó, kết quả hòa giải thành có giá trị thi hành và bền vững.

Một số lưu ý khi tra cứu văn bản pháp luật:

+ Văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm xảy ra tranh chấp (ví dụ: Tranh chấp về phân chia di sản thừa kế cần tìm đọc Bộ luật dân sự có hiệu lực tại thời điểm người để lại di sản chết. Ví dụ: Ông A chết năm 2013, đến năm 2018 các con ông A phát sinh tranh chấp về chia di sản của ông A thì khi hòa giải vụ việc này, hòa giải viên phải nghiên cứu quy định về thừa kế tại Bộ luật dân sự năm 2005. Vì thời điểm năm 2013 Bộ luật này đang có hiệu lực thi hành).

+ Bảo đảm tính chính xác của văn bản: Hòa giải viên phải tra cứu văn bản tại nguồn tin cậy (Văn bản quy phạm pháp luật do Nhà xuất bản được cấp phép hoạt động hợp pháp ban hành hoặc đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước).

+ Tra cứu toàn diện, đầy đủ các quy định liên quan đến việc giải quyết tranh chấp. Hòa giải viên phải tìm kiếm đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp. Ngoài những điều luật quy định trực tiếp về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong vụ việc, hòa giải viên còn phải tìm kiếm các điều luật khác có liên quan. (Ví dụ: Tranh chấp về chuyển quyền sử dụng đất thì cần nghiên cứu người thực hiện giao dịch có năng lực hành vi dân sự không (được quy định tại Bộ luật dân sự); quyền sử dụng đất là tài sản giao dịch thuộc sở hữu riêng hay sở hữu chung (nếu sở hữu chung thì gồm những ai); giao dịch có tuân thủ nội dung và hình thức theo quy định pháp luật không; quyền sử dụng đất đó có được chuyển nhượng không…).

** Cách thức tra cứu, tìm hiểu quy định pháp luật*

Ngày nay, khoa học công nghệ thông tin rất phát triển, do đó thuận lợi cho việc tra cứu, tìm hiểu pháp luật. Hòa giải viên có thể tra cứu pháp luật bằng cách thức truyền thống hoặc ứng dụng công nghệ số như sau:

- Xác định văn bản quy phạm pháp luật cần tra cứu:

Hòa giải viên ở cơ sở cần xác định văn bản quy phạm liên quan đến vụ, việc tiến hành hòa giải bằng cách trả lời các câu hỏi sau: Xác định vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn là gì? thuộc lĩnh vực nào? Có những văn bản quy phạm pháp luật nào điều chỉnh những vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn?

- Tìm đọc nội dung quy định pháp luật trực tiếp đối với vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn; những quy định pháp luật liên quan (như năng lực chịu trách nhiệm hành vi dân sự, hình thức của giao dịch, hành vi vi phạm…).

+ Đối với việc tra cứu thông tin bản giấy, hòa giải viên có thể tìm đọc tài liệu của cá nhân hòa giải viên hoặc đến Tủ sách pháp luật đặt tại địa phương (thường đặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu).

+ Đối với việc tra cứu thông tin bằng công nghệ thông tin, hòa giải viên cần xác định từ khóa để tra cứu trên Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc công cụ tìm kiếm (Ví dụ các từ khóa: quyền đơn phương xin ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp; quyền đi qua bất động sản liền kề, quyền thoát nước qua bất động sản liền kê…). Đặc biệt, trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển như hiện nay, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tra cứu sẽ mang lại hiệu quả nhanh. Hòa giải viên có thể sử dụng AI pháp luật trên Cổng pháp luật quốc gia tại địa chỉ https://ai.phapluat.gov.vn để đề nghị AI phân tích quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, quy định pháp luật về vấn đề đó, cách thức giải quyết….

+ Đề nghị người có kiến thức pháp luật hỗ trợ, tư vấn pháp luật cho hòa giải viên để giải quyết vụ việc. Ngoài cách tự mình tìm kiếm văn bản pháp luật quy định về nội dung tranh chấp đang được giải quyết, hòa giải viên có thể đề nghị

người có kiến thức pháp luật tư vấn pháp luật để giải quyết vụ việc. Hòa giải viên có thể đề nghị luật sư, luật gia, hội thẩm nhân dân, trợ giúp viên pháp lý, tuyên truyền viên pháp luật hoặc bộ đội biên phòng, thẩm phán đã nghỉ hưu, lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở… hướng dẫn, tư vấn cho hòa giải viên về quy định pháp luật liên quan đến vụ, việc hoặc cách thức giải quyết vụ, việc.

* Nội dung phong tục tập quán cần tra cứu

Căn cứ vào thông tin thu thập được, thái độ, tâm lý của mỗi bên, hòa giải viên tìm hiểu những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ tốt đẹp của dân tộc, vùng miền liên quan đến mối quan hệ giữa các bên tranh chấp để khơi dậy truyền thống đạo lý, cách ứng xử văn hóa, tình người.

> Ví dụ: Vợ chồng AO cãi vã do làm ăn khó khăn, kinh tế gia đình eo hẹp, nhiều khoản chi tiêu. Chị O hay so sánh chồng không kiếm được nhiều tiền như người khác, không lo được cho vợ con cuộc sống sung túc, trong mắt chị O thì anh A là người bất tài. Vì vậy, ngoài việc phân tích cho chị O thấy rằng chị đã vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình (bạo lực về kinh tế) thì hòa giải viên cần cho chị O biết cách ứng xử của chị O thể hiện quan điểm bất bình đẳng giới (đàn ông phải là trụ cột kinh tế trong gia đình và so sánh chồng với người khác). Đồng thời chị O cũng chưa cảm thông, chia sẻ với chồng. Hòa giải viên có thể đưa ra câu ca dao, tục ngữ về mối quan hệ đồng cam cộng khổ của vợ chồng như "Chồng em áo rách em thương - Chồng người áo gấm xông hương mặc người" hoặc "Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn".

Một số lưu ý khi tra cứu phong tục tập quán

- Không nêu ra những câu ca, mệnh đề có chứa nội dung bất bình đẳng giới (Ví dụ: Hòa giải viên không nói "con hư tại mẹ, cháu hư tại bà" mà thay vào đó là câu "Con hư là tại mẹ cha, cháu hư là tại cả bà lẫn ông" hoặc không nói câu

“Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” mà thay vào đó là câu “trai mà chi gái mà chi - con nào có nghĩa có nghì là hơn”.

- Không nêu ra những phong tục, tập quán lạc hậu (Ví dụ: Hòa giải viên không nói câu “Phép vua thua lệ làng” mà nói “Quốc có quốc pháp, gia có gia quy”.

Hòa giải viên tham khảo thêm Danh mục tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng (được quy định tại Phụ lục ban hành tại Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hôn nhân và gia đình).

2.3. Kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, giải thích, thuyết phục, vận động các bên tự thỏa thuận, dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp

a) Mục đích

Một trong những kỹ năng quan trọng nhất của hòa giải viên ở cơ sở là kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, giải thích, thuyết phục, vận động các bên tự thỏa thuận, dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp; điều hành, kiểm soát phiên hòa giải. Hòa giải viên có kỹ năng này tốt thì khả năng hòa giải thành cao. Kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, giải thích, vận động các bên tự thỏa thuận, dàn xếp mâu thuẫn, tranh chấp; điều hành, kiểm soát phiên

- Giúp hòa giải viên chủ động tổ chức, điều hành buổi hòa giải.

- Giúp hòa giải viên kiểm soát tốt buổi hòa giải và biết cách xử lý những tình huống phát sinh trong quá trình hòa giải.

- Hòa giải viên thực hiện đúng vai trò trung gian, làm chủ phiên hòa giải.

- Có kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, điều hành phiên hòa giải sẽ giúp hòa giải viên không bị lúng túng, bị động trong bất kỳ tình huống nào.

b) Nội dung

Hòa giải viên cần xuyên suốt nguyên tắc “tự nguyện” trong hòa giải ở cơ sở và nắm chắc tâm tư, suy nghĩ, mong muốn, nguyện vọng của các bên để từ đó xác định các bước tiến hành trong buổi hòa giải nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Trước hết, hòa giải viên cần phổ biến cho các bên hiểu rõ quyền lựa chọn biện pháp hòa giải ở cơ sở để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp của họ. Họ phải thật sự thoải mái và nhất trí sử dụng hòa giải. Việc quyết định sử dụng biện pháp hòa giải ở cơ sở hoặc không sử dụng hòa giải của các bên dựa trên cơ sở là họ đã nắm được quy định pháp luật do hòa giải viên phổ biến.

Hòa giải viên cần giải thích, nếu áp dụng biện pháp hòa giải thì mâu thuẫn sẽ được giải quyết theo sự quyết định, thống nhất của các bên; nếu các bên không thỏa thuận được cách giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp thì vụ, việc sẽ được đưa ra cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, việc giải quyết sẽ như thế nào, quyền và nghĩa vụ của họ như thế nào…

- Tiếp theo, nếu các bên đồng ý hòa giải, hòa giải viên cần phổ biến các quy tắc của buổi hòa giải như các bên cần thiện chí, hợp tác, ứng xử tôn trọng nhau…

- Trước khi vào buổi hòa giải, hòa giải viên phải xác định thứ tự nội dung cần trình bày, vấn đề gì nói trước, vấn đề gì nói sau; dự kiến các tình huống, phản ứng, hành vi của các bên có thể xảy ra và dự trù phương án xử lý.

- Về truyền thống văn hóa, đạo đức, phong tục tập quán được hòa giải viên đưa ra trước để các bên thấy rõ tình làng nghĩa xóm, cách ứng xử giữa các bên để hợp đạo lý. Có nhiều câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ phù hợp với từng vụ, việc để khuyên răn các bên, khơi gợi tình người, lòng yêu thương, quý mến trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư (nội dung này đã được hòa giải viên thu thập, chuẩn bị theo kỹ năng nêu tại mục 2.2 trên).

- Sau khi đã phân tích cho các bên về truyền thống đạo lý mà chưa thuyết phục được các bên đi đến thống nhất giải pháp giải quyết mâu thuẫn thì hòa giải viên phổ biến quy định pháp luật. Về nội dung pháp luật được đưa ra tư vấn, hướng dẫn, giải thích đã được hòa giải viên tìm hiểu, nghiên cứu (theo kỹ năng nêu tại mục 2.2 trên). Theo đó hòa giải viên phải nêu rõ quy định pháp luật đối với vấn đề đó như thế nào (ví dụ khi các bên cho nhau vay, mượn tiền, vàng thì lập hợp đồng như thế nào, mức lãi suất tối đa là bao nhiêu); trong trường hợp sự

kiện pháp lý xảy ra (có hành vi vi phạm của một bên và dẫn đến tranh chấp) thì pháp luật quy định giải quyết vấn đề đó như thế nào (ví dụ bên đi vay trả nợ không đúng hạn thì có trách nhiệm trả nợ như thế nào, lãi suất cho vay và lãi suất chậm trả do bên cho vay đặt ra có đúng pháp luật không…). Khi hòa giải viên tư vấn, phổ biến được quy định pháp luật liên quan đến tranh chấp, mâu thuẫn cho các bên là giúp các bên hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

c) Cách thức thực hiện

Trong quá trình hòa giải, hòa giải viên cần phải luôn kết hợp cả tình và lý để phân tích, giải thích, thuyết phục các bên tranh chấp hòa giải với nhau. Để tư vấn, hướng dẫn, thuyết phục các bên tranh chấp thương lượng thành công, đạt được thỏa thuận, hòa giải viên cần:

- Nắm rõ tâm lý, mong muốn, nguyện vọng của các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Hòa giải viên sẽ có được những nội dung này thông qua việc thu thập thông tin (xem mục 2.1). Do đó, hòa giải viên cần dự trù phương án hòa giải, sử dụng lời nói, ngữ điệu như thế nào đối với mỗi bên mâu thuẫn, tranh chấp để có hiệu quả cao nhất.

> Ví dụ: Đối với người nói to, lấn át người khác thì hòa giải viên cần cương quyết, thẳng thắn đề nghị họ bình tĩnh, nói đủ nghe… Hoặc đối với người hi vọng thông qua cuộc hòa giải sẽ không phải bồi thường hoặc bồi thường giá trị thấp hơn thiệt hại thực tế xảy ra thì hòa giải viên cũng cần nhấn mạnh, khẳng định trách nhiệm của họ theo quy định pháp luật, mức độ bồi thường sẽ phụ thuộc vào ý chí của người bị thiệt hại…

- Hòa giải viên phải giữ vai trò trung gian, vô tư, khách quan, công bằng, không áp đặt khi tiến hành hòa giải; sử dụng ngôn ngữ dễ nghe, dễ hiểu, nên sử dụng ngôn ngữ đời thường, hạn chế tối đa sử dụng thuật ngữ pháp lý; sử dụng linh hoạt nhiều loại câu hỏi để tháo gỡ hiệu quả mâu thuẫn, tranh chấp giữa các đương sự (như câu hỏi mở; câu hỏi gợi ý; câu hỏi tác động suy nghĩ…); kết hợp việc sử dụng lời nói

với các tài liệu, chứng cứ có liên quan để thuyết phục các bên.

- Luôn thông cảm và tôn trọng đối tượng: Khi phân tích, giải thích cho các bên biết hành vi của họ là đúng hay sai, hòa giải viên cần phải xây dựng không khí gần gũi và tin tưởng, cảm thông và tôn trọng các bên, luôn có thái độ ân cần, chia sẻ, nhiệt tình, cần phải làm cho không khí nói chuyện được vui vẻ, chan hòa. Điều này sẽ giúp các bên giải tỏa được căng thẳng, họ sẽ bày tỏ suy nghĩ, tâm tư cũng như trăn trở của mình để các bên cùng cảm nhận, thấu hiểu nhau.

- Khơi gợi cho các bên tranh chấp những tình cảm tốt đẹp vốn có giữa họ (tình cảm gia đình, tình cảm hàng xóm, tình cảm bạn bè…) để họ dễ thông cảm cho nhau.

- Đưa ra những dẫn chứng, ví dụ cụ thể đã xảy ra và được giải quyết trước đó để làm căn cứ phân tích, vận động, thuyết phục các bên.

- Cần kiên trì thuyết phục, không nên nôn nóng: hòa giải viên cần phải suy nghĩ chín chắn, cân nhắc ngôn từ, điều gì không nên nói; không nên cắt lời các bên (trừ trường hợp họ có thái độ không đúng mực thì hòa giải viên phải cắt lời); không nên phán xét, áp đặt quan điểm của hòa giải viên đối với bất kỳ bên nào...

- Hòa giải viên luôn luôn giữ vai trò điều hành buổi hòa giải, mời các bên trình bày, dẫn dắt buổi hòa giải đi đúng kế hoạch, đúng trọng tâm, mục tiêu của hòa giải.

2.4. Kỹ năng ghi chép (ghi chép nội dung sự việc khi thu thập thông tin; ghi biên bản hòa giải, ghi Sổ theo dõi hoạt động hòa giải...)

Việc ghi chép đầy đủ giúp hòa giải viên hệ thống được toàn bộ sự việc. Đây là cơ sở để hòa giải viên tiến hành hòa giải đúng pháp luật, hiệu quả hòa giải cao. Trong quá trình hòa giải, hòa giải viên cần ghi chép lại tất cả thông tin thu thập được từ khi tiếp nhận vụ, việc đến khi các bên thực hiện xong thỏa thuận hòa giải thành hoặc vụ, việc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Việc ghi chép của hòa giải viên gồm: Ghi thông tin về vụ, việc trong quá trình thu thập thông tin theo lời kể, lời trình bày của các bên và người liên quan; ghi biên bản

hòa giải; ghi sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở; ghi việc theo dõi thực hiện thỏa thuận hòa giải thành.

a) Mục đích

- Giúp hòa giải viên theo dõi sự việc một cách hệ thống, bài bản; rà soát, đối chiếu lời trình bày của các bên; kịp thời thu thập những thông tin cần bổ sung.

- Giúp hòa giải viên nắm bắt toàn bộ sự việc, nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp, hành vi của mỗi bên…từ đó tra cứu văn bản pháp luật điều chỉnh nội dung tranh chấp, mâu thuẫn; tra cứu câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ liên quan.

- Giúp hòa giải viên nhận ra lời trình bày của các bên có thống nhất không (lời trình bày trước đó có khác gì so với lời trình bày sau này không; lời trình bày của các bên có khớp với sự kiện xảy ra không, có mâu thuẫn, trái ngược nhau không. Trên cơ sở đó, hòa giải viên sẽ đặt những câu hỏi tương ứng để có dữ liệu cho câu trả lời vì sao lại có sự khác nhau đó?...

- Giúp hòa giải viên và các bên có tài liệu để xem lại sau khi việc hòa giải đã kết thúc. Hòa giải viên có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, vì thế nếu bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng thỏa thuận đã thống nhất thì hòa giải viên có thể nhắc lại cho họ về nội dung tại buổi hòa giải cũng như lời trình bày của mỗi bên, để họ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận.

- Giúp hòa giải viên có cơ sở để trình bày với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như Tòa án hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã) khi được đề nghị cung cấp thông tin trong trường hợp hòa giải không thành hoặc vụ, việc hòa giải thành được đưa ra Tòa án đề nghị công nhận.

- Việc ghi Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở giúp thống kê số lượng vụ, việc hòa giải (tỷ lệ hòa giải thành, lĩnh vực nào hay xảy ra tranh chấp, mâu

thuẫn…). Đây cũng là cơ sở để hòa giải viên xuất trình để đối chiếu khi đề nghị thanh toán chi thù lao vụ việc3.

b) Nội dung của kỹ năng ghi chép

Trường hợp hòa giải vụ, việc phức tạp, thời gian hòa giải có thể kéo dài hòa giải viên có thể mất nhiều thời gian đi lại để trao đổi, thống nhất với các bên. Việc ghi chép sẽ giúp hòa giải viên đối chiếu được những thông tin trước đó với thông tin tiếp nhận sau, xem các thông có mâu thuẫn, trái ngược nhau không, kiểm chứng thông tin nào là chính xác, thông tin nào chưa chính xác.

- Ghi chép toàn bộ, đầy đủ những thông tin hòa giải viên thu thập được từ các bên tranh chấp, mâu thuẫn hoặc những người liên quan, người biết, chứng kiến về tranh chấp, mâu thuẫn đó. Việc ghi chép cần cụ thể, chi tiết, không bỏ sót bất cứ nội dung nào, ghi trung thực, nguyên văn lời phát biểu, trình bày của các bên. Điều này giúp hòa giải viên nắm bắt được thái độ, quan điểm, nguyện vọng của từng bên trong tranh chấp.

- Ghi biên bản hòa giải: Luật Hòa giải ở cơ sở không bắt buộc hòa giải viên phải lập biên bản hòa giải (khoản 4 Điều 21 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định "*Trường hợp các bên đồng ý thì lập văn bản hòa giải thành*"; Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định "*Trường hợp các bên yêu cầu lập văn bản hòa giải không thành thì hòa giải viên lập văn bản*"). Do đó, khi hòa giải viên ghi chép lại nội dung, diễn biến của buổi hòa giải sẽ giúp hòa giải viên dễ dàng lập văn bản hòa giải thành hoặc không thành theo quy định này.

- Ghi Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở được thiết kế rất rõ ràng từng cột với nội dung cụ thể để Hòa giải viên điền thông tin vụ việc nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước (giúp các cơ quan nhà nước theo dõi, thống kê số lượng vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp diễn ra hàng năm; lĩnh vực thường xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn, tranh chấp… trên cơ sở đó các cơ quan nhà nước đề ra giải pháp phù hợp để giải

3 Theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

quyết những vấn đề đó hiệu quả nhất bao gồm cả xây dựng hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật).

c) Cách thức

Hòa giải viên nên có một quyển sổ cá nhân để ghi chép các vụ việc tiến hành hòa giải ở cơ sở.

- Ngay khi tiếp nhận vụ, việc để tiến hành hòa giải, hòa giải viên phải ghi chép những thông tin nhận được. Trên cơ sở nghiên cứu những dữ liệu ban đầu có được đó, hòa giải viên dự kiến những nội dung cần thu thập trong giai đoạn chuẩn bị, khi gặp gỡ các bên. Hòa giải viên ghi lại những nội dung cần thu thập, dự kiến câu hỏi sẽ đặt ra cho các bên.

- Ở giai đoạn chuẩn bị, khi gặp gỡ từng bên, hòa giải viên sẽ hỏi họ những câu hỏi đã chuẩn bị trước và ghi lại nội dung trả lời. Nếu thấy cần làm sáng tỏ vấn đề gì thì hòa giải viên tiếp tục đặt câu hỏi cho họ. Hòa giải viên cần ghi đầy đủ lời trình bày của bên mâu thuẫn, tranh chấp, việc ghi chép này sẽ giúp hòa giải viên có cơ sở để đối chiếu với lời trình bày của bên tranh chấp còn lại và đưa ra câu hỏi cho bên còn lại để xác thực tính khách quan, trung thực của thông tin, dữ liệu do các bên đưa ra.

- Chi chép nội dung, diễn biến tại buổi hòa giải. Hòa giải viên ghi lại lời trình bày của từng bên, đối chiếu xem lời trình bày của họ có khác so với lời họ đã trình bày khi gặp gỡ riêng với hòa giải viên ở giai đoạn chuẩn bị không?; phản ứng của bên kia như thế nào?...

- Ghi biên bản hòa giải: Mặc dù pháp luật quy định việc lập biên bản hòa giải phụ thuộc vào ý chí của các bên tranh chấp. Tuy nhiên nếu để sau khi hòa giải xong (có kết quả hòa giải thành hoặc hòa giải không thành), hòa giải viên mới lập biên bản theo sự đồng ý hoặc đề nghị của các bên thì sẽ mất một khoảng thời gian. Vì vậy, hòa giải viên có thể lập biên bản ngay trong quá trình hòa giải, để ngay sau khi hòa giải, nếu các bên đồng ý hoặc đề nghị thì hòa giải viên đọc lại biên bản cho các bên cùng nghe và cùng ký tên.

- Ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. Đây là trách nhiệm của hòa giải viên sau khi kết thúc hòa giải.

Thực tiễn cho thấy hòa giải viên còn lúng túng trong việc ghi thông tin tại cột số 6 của Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở "Nội dung chủ yếu của vụ việc và yêu cầu của các bên". Tại cột này, hòa giải viên chỉ cần ghi nội dung, diễn biến cơ bản, chính của mâu thuẫn, tranh chấp; không ghi chi tiết, không miêu tả hoặc kể lể chi tiết từng hành vi, lời nói của mỗi bên.

Ví dụ ghi phần "Nội dung chủ yếu của vụ, việc và yêu cầu của các bên"

"Bà H chuyển nhượng 500m^2 đất ruộng cho ông D vào năm 2000 với giá 3 chỉ vàng. Hai bên không ký giấy tờ gì. Nay bà H đề nghị trả lại ông D 3 chỉ vàng và đòi lại đất. Ông D không đồng ý mà yêu cầu bà H phải ký hợp đồng chuyển nhượng để ông làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận; nếu bà H không ký hợp đồng chuyển nhượng thì phải trả ông D 30 cây vàng.

2.5. Kỹ năng lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật trong quá trình hòa giải ở cơ sở

Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hoà giải ở cơ sở là việc hoà giải viên bằng hoạt động hoà giải của mình hướng dẫn, giải thích và cung cấp các kiến thức pháp luật, tình cảm pháp luật cho các bên tranh chấp và những người khác trong cộng đồng dân cư nhằm mục đích hình thành ở họ sự hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật và xử sự theo quy định pháp luật. Do đó hòa giải ở cơ sở không chỉ là phương thức giải quyết tranh chấp có hiệu quả mà còn là một trong những hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật được quy định tại Điều 11 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.

a) Mục đích

- Giúp các bên tin tưởng vào vai trò trung gian hòa giải của hòa giải viên "nói có sách, mách có chứng"

- Giúp các bên hiểu rõ quy định pháp luật trong lĩnh vực tranh chấp; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng và nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật trong cộng đồng dân cư.

- Hình thành ý thức tự nghiên cứu pháp luật cho người dân trước khi tham gia vào các quan hệ pháp luật.

b) Nội dung

Phổ biến pháp luật thông qua hòa giải ở cơ sở là việc phổ biến pháp luật trực tiếp từ hòa giải viên đến các bên trong quan hệ xã hội đang nảy sinh tranh chấp. Thông qua hòa giải, ngoài việc đề cao đạo đức, truyền thống văn hóa, trọng tình nghĩa, hòa giải viên còn phân tích, dẫn chiếu các quy định pháp luật điều chỉnh mối quan hệ xã hội đang có tranh chấp, để các bên hiểu rõ quyền, nghĩa vụ trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật; từ đó nhận biết ai đúng ai sai, sai đến đâu và nhận lỗi, đề xuất giải pháp khắc phục "cái sai" đó trên sự thiện chí, hợp tác.

- Phổ biến quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên trước khi có tranh chấp, mâu thuẫn.

- Phổ biến quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên khi nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp do một bên thực hiện quyền mà bên kia không đồng ý hoặc một bên vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật.

- Phổ biến quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp (trong trường hợp đã nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp thì mỗi bên có quyền, nghĩa vụ gì, bên nào phải bồi thường hay phải làm công việc gì để khắc phục hậu quả).

> Ví dụ: G và H kết hôn được 02 năm, nay chồng muốn áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận. Tuy nhiên người vợ không đồng ý do đó mâu thuẫn vợ chồng trở xảy ra, lục đục kéo dài. Vì vậy hòa giải viên phải phân tích cho vợ chồng hiểu chế độ tài sản của vợ chồng

theo thỏa thuận phải được lập trước khi kết hôn4. Nếu như trước khi kết hôn, chị G và anh H không lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận thì đương nhiên tài sản của hai người sẽ thực hiện theo luật định. Giải quyết trường hợp này, hòa giải viên có thể phân tích cho hai vợ chồng lựa chọn giải pháp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân (vợ chồng có thể thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung)

c) Cách thức thực hiện

Trên cơ sở pháp luật đã tra cứu, tìm hiểu được (xem mục 2.2.), hòa giải viên phổ biến đến các bên để họ hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Hòa giải viên đọc điều luật, văn bản bản pháp luật (Ví dụ: Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có quyền lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hoặc chế độ tài sản theo thỏa thuận. Điều 47 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận thì thỏa thuận này phải được lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn).

- Sau khi đọc điều luật cho các bên nghe, hòa giải viên phân tích vào trường hợp cụ thể của hai bên mâu thuẫn, tranh chấp (Ví dụ: Hỏi chị G và anh H có lập văn bản thỏa thuận chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kế hôn không. Nếu có thì áp dụng văn bản đó, nếu không có thì sau khi kết hôn không thể xác lập chế độ tài sản vợ chồng theo thỏa thuận. Do đó, các bên chỉ có thể thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân (theo Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình) hoặc thỏa thuận một bên đưa tài sản chung vào kinh doanh (theo Điều 36 Luật hôn nhân và gia đình).

Việc hướng dẫn, phân tích các quy định pháp luật cho các bên tranh chấp và những người có liên quan trong quá trình hòa giải rất quan trọng, không chỉ

4 Điều 47 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

cung cấp kiến thức pháp luật cho các bên mà còn nhằm bảo đảm thỏa thuận của các bên không trái pháp luật, đồng thời dần dần hình thành ý thức tự giác tìm hiểu pháp luật của cho các bên và tác động đến những người xung quanh ý thức tìm hiểu pháp, từ đó xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

2.6. Kỹ năng "dân vận khéo" trong hòa giải ở cơ sở

Để thực hiện "dân vận khéo" đòi hỏi hòa giải viên phải thường xuyên trau dồi kỹ năng, theo dõi, nắm bắt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; Khéo tuyên truyền, giải thích để các bên tranh chấp hiểu rõ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm mục tiêu tối thượng là bảo đảm sự công bằng, bảo đảm quyền và lợi ích của người dân để người dân được sống trong hạnh phúc, bình yên.

- Hòa giải viên đều là những người thường trú tại cơ sở, được nhân dân trong thôn, bản tín nhiệm nên để làm tốt công tác dân vận thì hòa giải viên cần nghe dân nói, nói dân hiểu và tin tưởng vào những điều mình nói. Bản thân hòa giải viên và gia đình của hòa giải viên phải luôn gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các quy định của điịa phương, hương ước, quy ước của thôn, làng, tổ dân phố; có phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh nhằm củng cố niềm tin của nhân dân, từ đó lôi cuốn, vận động người dân làm theo.

- Phối hợp và tham khảo các ý kiến của các tổ chức, đoàn thể liên quan đến việc giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các bên nhằm tìm ra giải pháp tối ưu cho hòa giải; việc giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các bên có thể vận dụng, kết hợp với việc thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Mục đích

- Vận động Nhân dân giữ gìn truyền thống văn hóa "tương thân, tương ái", tương trợ lẫn nhau, xây dựng tinh thần đoàn kết cộng đồng.

- Đưa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với người dân một cách thiết thực nhất, gần gũi nhất, gắn với cuộc sống hàng ngày

của Nhân dân; hướng tới xây dựng một xã hội đồng thuận, đoàn kết, cùng thực hiện những nhiệm vụ cách mạng do Đảng và Nhà nước đề ra.

b) Nội dung

- Với vai trò trung gian hòa giải, hòa giải viên phải thật sự quan tâm nguyện vọng chính đáng của các bên tranh chấp; từ đó phân tích, thuyết phục, vận động các bên thống nhất giải pháp hiệu quả tối ưu nhất trong giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp.

- Đối với vấn đề bức xúc của một hoặc hai bên tranh chấp, hòa giải viên phải nghiên cứu kỹ quy định pháp luật, đặt mình vào vị trí của các bên tranh chấp để hiểu, cảm thông và tìm ra giải pháp hữu hiệu nhằm giải tỏa bức xúc kịp thời, đáp ứng tốt nhất nhu cầu, nguyện vọng cho người dân, từ đó giúp người dân yên tâm.

- Vận động nhân dân, làm cho người dân tin tưởng rằng luôn luôn được Đảng và Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp; dù các bên lựa chọn giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp bằng con đường hòa giải hay bằng con đường tư pháp thì mọi quyết định đều bảo đảm sự công bằng, bảo vệ tối đa lợi ích của người dân.

c) Cách thức

** Kỹ năng "Chọn điểm rơi" (Thời điểm và Không gian):* Dân vận khéo không nhất thiết phải diễn ra tại những nơi trang trọng như nhà văn hóa hay trụ sở.

- Nội dung: Hòa giải viên cần tinh tế lựa chọn thời điểm khi tâm lý các bên đã bình tĩnh lại hoặc một không gian gợi sự gần gũi, thân thuộc như hàng hiên, bờ ruộng, hay một buổi trò chuyện bên chén trà.

- Cách làm "Khéo": Bắt đầu bằng những câu chuyện hỏi thăm về đời sống, mùa màng hay con cái thay vì đi thẳng vào tranh chấp. Khi bầu không khí đã thân mật và sự đề phòng được gỡ bỏ, việc đưa ra các lời khuyên pháp luật sẽ trở nên tự nhiên, không gây cảm giác áp đặt hay giảng giải.

** Kỹ năng huy động người có uy tín trong dòng họ hoặc cộng đồng để hỗ trợ quá trình dân vận*

- Nội dung: Nhận diện và tranh thủ sự ủng hộ của những người mà bên tranh chấp thực sự nể trọng như bác cả trong dòng họ, người thầy cũ, hoặc bạn thân...

- Cách làm "Khéo": Hòa giải viên đóng vai trò là cầu nối phía sau, nhờ những người này tác động về mặt tình cảm trước. "Mưa dầm thấm lâu" qua những kênh tin cậy nhất sẽ giúp các bên dễ dàng chấp nhận các phương án giải quyết về mặt pháp lý mà hòa giải viên đưa ra sau đó.

** Kỹ năng "thay đổi khung nhận thức" (biến tranh chấp thành mục tiêu chung)*

- Nội dung: Hướng sự chú ý của các bên ra khỏi cái "tôi" cá nhân để nhìn vào lợi ích chung của cộng đồng và gia đình.

- Cách làm "Khéo": Thay vì phê phán lỗi lầm, hãy nhấn mạnh vào các giá trị cao đẹp: "Gia đình mình vốn có truyền thống hiếu thuận, làng xóm đang phấn đấu đạt danh hiệu văn hóa. Nếu mâu thuẫn kéo dài sẽ ảnh hưởng đến danh dự của cả dòng họ". Cách tiếp cận này giúp lồng ghép việc giải quyết tranh chấp vào công cuộc xây dựng đời sống văn hóa tại địa phương.

** Kỹ năng khơi gợi sự thấu cảm*

- Nội dung: Sử dụng các câu chuyện thực tế về sự mất mát khi kiện tụng kéo dài hoặc những tấm gương nhường nhịn điển hình tại chính địa phương.

- Cách làm "Khéo": Vận dụng linh hoạt ca dao, tục ngữ (ví dụ: "Bán anh em xa, mua láng giềng gần") để làm mềm hóa các quy định pháp luật. Việc này giúp các bên tự nhận thấy rằng lợi ích vật chất trước mắt không thể sánh bằng tình nghĩa bền lâu.

** Kỹ năng "hậu hòa giải, nuôi dưỡng kết quả"*

Công tác dân vận không kết thúc ngay khi biên bản được ký.

- Nội dung: Thường xuyên theo dõi, thăm hỏi sau khi hòa giải thành để đảm bảo các cam kết được thực hiện tự nguyện và bền vững.

- Cách làm "Khéo": Khéo léo khen ngợi tinh thần đoàn kết và sự nhường nhịn của các gia đình trong các cuộc họp thôn hoặc sinh hoạt đoàn thể. Điều này giúp các bên cảm thấy tự hào về quyết định của mình, từ đó ngăn chặn triệt để nguy cơ mâu thuẫn tái phát.

** Kỹ năng "nghệ thuật đặt câu hỏi gợi mở"*

- Nội dung: Tránh kết luận ngay đúng sai mà sử dụng hệ thống câu hỏi để các bên tự nhận ra vấn đề và tìm thấy giải pháp.

- Cách làm "Khéo": Thay vì nói "Anh làm vậy là sai luật", hòa giải viên nên hỏi: "Theo bác, nếu tình trạng này kéo dài thì tình cảm giữa con cháu hai nhà sau này sẽ ra sao?". Khi người dân tự nói ra phương án giải quyết, đó chính là đỉnh cao của sự tự nguyện trong dân vận.

Có thể khái quá hóa kỹ năng dân vận khéo của hòa giải viên ở cơ sở với phương châm "6 biết":

(i) Biết lắng nghe các bên nói.

(ii) Biết quan sát hoàn cảnh, tâm trạng của mỗi bên.

(iii) Biết chia sẻ khó khăn, cảm xúc với các bên.

(iv) Biết giải thích pháp luật bằng ngôn ngữ dân gian.

(v) Biết vận động người có uy tín cùng hòa giải.

(vi) Biết kết nối với các bên phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của họ.

2.7. Kỹ năng công nghệ thông tin trong hòa giải ở cơ sở

Trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ và vượt bậc ngày nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hòa giải ở cơ sở là điều tất yếu. Luật Hòa giải ở cơ sở được ban hành năm 2013 và Nghị định số 15/2014/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở được ban hành năm 2014 chưa có quy định nào về công nghệ số trong công tác hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, với chủ trương tiến tới xã hội số thì việc ứng dụng công nghệ số vào công

tác hòa giải ở cơ sở là cần thiết nhằm bảo đảm tính kịp thời, chính xác, khách quan và hiệu quả.

a) Mục đích

- Mang lại những tiện ích cho công tác hòa giải ở cơ sở: cho hòa giải viên: bảo đảm nhanh, kịp thời; kho lưu trữ lâu dài, rộng lớn; tiện lợi trong việc tra cứu, tìm kiếm dữ liệu.

- Tòa án có thể sử dụng dữ liệu hòa giải ở cơ sở để phục vục việc xác minh thông tin khi các bên đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.

- Tiết kiệm thời gian di chuyển, gặp gỡ trực tiếp giữa hòa giải viên và các bên nếu áp dụng hòa giải trực tuyến.

b) Nội dung

- Từng bước sử dụng công nghệ số, tiến tới sử dụng hoàn toàn công nghệ số trong công tác hòa giải ở cơ sở.

- Tiến hành hòa giải trực tuyến đối với các bên có khả năng sử dụng hòa giải online (sử dụng Phòng họp trực tuyến của các nền tảng số; sử dụng thiết bị điện tử thông minh để liên kết, trao đổi, tổ chức cuộc họp với các bên…).

- Sử dụng thiết bị điện tử thông minh để tra cứu văn bản pháp luật, học tập pháp luật và kỹ năng hòa giải qua các nền tảng giáo dục số (như các Cổng/Trang thông tin điện tử pháp luật; ứng dụng (app) học tập, học trực tuyến, học MOOC…).

- Nhập thông tin vụ việc hòa giải ở cơ sở vào Cơ sở dữ liệu về hòa giải ở cơ sở; lập biên bản hòa giải điện tử, chữ ký số (nếu đáp ứng).

- Thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở trên Cổng Dịch công quốc gia (đề nghị thanh toán thù lao hòa giải; đề nghị thanh toán khoản hỗ trợ khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hòa giải…).

c) Cách thức thực hiện

Hòa giải viên cần biết cách sử dụng thiết bị điện tử thông minh có kết nối internet (điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy vi tính…) để khai thác các tiện ích của công nghệ thông tin. Hòa giải viên phải trang bị thiết bị điện tử thông minh, mạng internet, wifi, 5G…

- Trong trường hợp chính quyền triển khai công nghệ số trong công tác hòa giải ở cơ sở:

+ Đã thiết lập Cơ sở dữ liệu về hòa giải ở cơ sở thì Tổ trưởng tổ hòa giải cần cập nhật thông tin vụ, việc đã tiến hành hòa giải vào Cơ sở;

+ Đã xây dựng hệ thống hòa giải trực tuyến, cung cấp biên bản hòa giải điện tử, chữ ký số cho hòa giải viên và các bên thì hòa giải viên cần hỏi ý kiến các bên về việc hòa giải trực tuyến; ghi biên bản hòa giải điện tử và cùng ký số trên biên bản.

+ Tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến do chính quyền tổ chức: Học trên nền tảng số, học online, học trực tuyến qua phần mềm…

- Trong trường hợp chính quyền chưa triển khai công nghệ số trong công tác hòa giải ở cơ sở, Tổ trưởng tổ hòa giải cần chủ động thực hiện những công việc sau:

+ Lập nhóm "chat" tổ hòa giải bằng các nền tảng số (như Zalo, Whatsapp, Viber, Messenger, Telegram, Chatwork, Skype…) để: (i) phân công hòa giải viên tiến hành hòa giải; (ii) gửi thông tin văn bản pháp luật để hòa giải viên nghiên cứu, cập nhật nhằm nâng cao kiến thức pháp luật; (iii) trao đổi, thảo luận về kỹ năng hòa giải…

+ Gợi ý các bên về việc hòa giải bằng các nền tảng số như thông qua gọi/nhắn tin bằng điện thoại hoặc các ứng dụng số Zalo, Whatsapp, Viber, Messenger, Telegram, Chatwork, Skype… Việc này có thể áp dụng ở khâu thu thập thông tin hoặc buổi hòa giải nhằm hạn chế về thời gian, di chuyển…

** Một số kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cụ thể*

(i) Kỹ năng làm chủ thiết bị và kết nối (đơn giản hóa thao tác):

Đối với hòa giải viên lớn tuổi, việc sử dụng điện thoại thông minh cần tập trung vào các tính năng hỗ trợ thị giác và thao tác nhanh:

- Thao tác cơ bản: Biết cách kết nối Wifi/4G, điều chỉnh cỡ chữ lớn để dễ đọc văn bản pháp luật, và sử dụng tính năng "Soạn thảo bằng giọng nói" (Voice-to-text) trên điện thoại để thay thế việc gõ phím chậm.

- Quản lý thông tin: Biết cách chụp ảnh tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc để lưu trữ hoặc gửi cho Tổ trưởng tổ hòa giải một cách nhanh chóng thay vì sao chép tay.

(ii) Kỹ năng hòa giải từ xa

Hòa giải viên cần tận dụng Zalo là công cụ gần gũi nhất để thực hiện hòa giải trên không gian số:

- Hòa giải từ xa: Sử dụng tính năng "Gọi video" để tổ chức hòa giải các bên khi họ không có điều kiện gặp trực tiếp (đi làm xa, ốm đau). Việc tương tác, trao đổi trực tiếp giữa các bên giúp các bên hiểu nhau hơn là chỉ nhắn tin.

- Gửi tài liệu thuyết phục: Thay vì đọc luật khô khan, hòa giải viên có thể gửi các hình ảnh, video clip ngắn về các tấm gương người tốt việc tốt hoặc các đoạn thơ, ca dao về tình nghĩa xóm giềng vào tin nhắn riêng cho các bên để "mưa dầm thấm lâu".

(iii) Kỹ năng khai thác pháp luật trực tuyến:

Hòa giải viên không cần thuộc lòng mọi điều luật, nhưng cần biết cách "tra cứu nhanh":

- Tìm kiếm bằng giọng nói: Sử dụng Google bằng cách nói trực tiếp câu hỏi (Ví dụ: "Luật đất đai quy định về lối đi chung như thế nào?") để tìm câu trả lời nhanh chóng ngay tại buổi hòa giải.

- Sử dụng nguồn tin cậy: Biết cách truy cập vào trang Fanpage của địa phương, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp hoặc các nhóm "Hòa giải viên cơ sở" để tải về các tài liệu về kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải hoặc các tình huống hòa giải mẫu, điển hình.

(iv) Kỹ năng tham gia với việc học tập và họp trực tuyến:

- Tham gia tập huấn: Biết cách sử dụng (đăng nhập) vào các nền tảng xã hội như Zoom, Google Meet, Zalo hoặc đường link do chính quyền gửi để tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tại nhà, giúp tiết kiệm thời gian và công sức đi lại.

- Chữ ký số và Biên bản điện tử: nếu chính quyền địa phương đã triển khai biên bản điện tử thì hòa giải viên cần tham gia tập huấn cách sử dụng và làm quen với việc kiểm tra thông tin trên Biên bản hòa giải điện tử. Nếu có hệ thống chữ ký số, hòa giải viên cần thực hiện theo hướng dẫn từng bước của kỹ thuật viên để tiến hành ký và hướng dẫn các bên ký vào biên bản điện tử.

(v) Kỹ năng bảo mật thông tin và ứng xử trên không gian mạng

- Bảo mật vụ việc: Không đăng tải nội dung mâu thuẫn của người dân lên trang cá nhân hoặc các nhóm công khai khi chưa có sự đồng ý của các bên.

- Cảnh giác: Tuyệt đối không nhấn vào các đường link lạ hoặc cung cấp mã OTP, thông tin cá nhân của mình và của các bên tranh chấp cho người lạ trên mạng để tránh bị lừa đảo.

**** Một số lưu ý cho tổ trưởng tổ hòa giải:***

- Hỗ trợ hòa giải viên: Với những hòa giải viên quá lớn tuổi, Tổ trưởng hoặc các hòa giải viên trẻ (đại diện Đoàn thanh niên) cần đóng vai trò "hỗ trợ kỹ thuật", giúp các bác hòa giải viên cài đặt phần mềm và hướng dẫn thao tác trực tiếp vài lần cho đến khi thành thạo.

- Khích lệ tinh thần: Nhấn mạnh rằng "Công nghệ chỉ là công cụ, trí tuệ và sự khéo léo của các bác hòa giải viên mới là yếu tố quyết định thành công của vụ việc".

Việc lồng ghép kỹ năng công nghệ thông tin một cách nhẹ nhàng, thiết thực như trên sẽ giúp các hòa giải viên lớn tuổi không cảm thấy bị "choáng ngợp" bởi công nghệ, mà thấy đó thực sự là người bạn đồng hành hữu ích trong công tác hòa giải.

3. Một số kỹ năng cụ thể của hòa giải viên

3.1. Kỹ năng giao tiếp của hòa giải viên

Kỹ năng giao tiếp của hòa giải viên giữ vai trò quan trọng trong việc giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các bên. Hòa giải viên có kỹ năng giao tiếp tốt là người tạo được ấn tượng tốt, truyền đạt thông tin hiệu quả, tạo sự thấu hiểu lẫn nhau và kết nối mọi người thành công, mang lại tỷ lệ hòa giải thành cao. Kỹ năng giao tiếp thể hiện ở việc sử dụng kỹ năng nói (giọng điệu, sử dụng từ ngữ); kỹ năng lắng nghe; kỹ năng biểu cảm (phi ngôn ngữ).

a) Kỹ năng nói

Kỹ năng nói tốt sẽ giúp hòa giải viên truyền đạt thông tin, truyền cảm hứng tới các bên tranh chấp một cách hiệu quả. Hòa giải viên có kỹ năng nói tốt không chỉ thể hiện nội dung nói mà còn thể hiện ở ngôn ngữ sử dụng, ngữ điệu giọng nói, âm lượng giọng nói và biểu cảm đi kèm.

- Khi nói, hòa giải viên nên lưu ý những vấn đề sau:

+ Sử dụng từ ngữ phổ thông, dân gian, tiếng địa phương, dễ hiểu.

+ Nói tốc độ vừa đủ, không quá nhanh (nói nhanh sẽ khiến các bên không theo kịp nội dung trình bày); không nói quá chậm (nói chậm khiến cuộc gặp gỡ hoặc buổi hòa giải trở nên trì trệ, lê thê).

+ Nhịp điệu nói phù hợp với hoàn cảnh: Cần cương quyết khi có một bên tỏ ra nóng giận, to tiếng; cần bình tĩnh, ôn hòa khi các bên lo lắng, căng thẳng; cần nhấn mạnh vào những yếu tố trọng tâm, cốt lõi…

+ Chú ý đến cử chỉ, điệu bộ, biểu cảm của các bên để có thể phân tích sâu hơn, sử dụng ngữ điệu phù hợp (Ví dụ: Nội dung cần nhấn mạnh thì nói to hơn, rõ hơn, chắc hơn; nội dung thông thường thì nói với giọng điệu bình thường).

- Không nên:

+ Sử dụng thuật ngữ khó hiểu, thuật ngữ chuyên môn.

+ Không nói, trình bày hộ bất kỳ bên nào (kể cả trường hợp mình biết rõ nội dung sự việc); không ngắt lời người khác (khi một trong các bên tranh chấp đang trình bày, thì hòa giải viên chỉ ngắt lời trong trường hợp cần thiết, như cần đưa ra câu hỏi, câu gợi mở để họ đi đúng trọng tâm vấn đề, không lan man, lạc chủ đề)

+ Không hỏi đi hỏi lại cùng nội dung; bắt bẻ câu chữ của một bên hoặc các bên.

+ Không nói những từ thể hiện sự phán xét, nặng lời hoặc biểu lộ sự cáu kỉnh, nôn nóng hay chán nản.

+ Không nói những câu từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa, nước đôi.

b) Kỹ năng lắng nghe

Việc lắng nghe sẽ giúp hòa giải viên thu thập được đầy đủ thông tin về vụ, việc hòa giải; đánh giá được thái độ, nguyện vọng, quan điểm (thông điệp) của các bên đối với mâu thuẫn, tranh chấp. Hòa giải viên có kỹ năng tốt sẽ thể hiện cho những người tham gia cảm thấy lời trình bày của họ được lắng nghe, được coi trọng và thấu hiểu từ đó khuyến khích họ tham gia vào buổi hòa giải với tinh thần và thái độ tích cực hơn.

- Hòa giải viên cần nghe chăm chú và tích cực, vận dụng kỹ năng lắng nghe như sau:

+ Tập trung ghi chép lại và nhớ những nội dung các bên tranh chấp trình bày, trao đổi với nhau (tập trung vào ý; không tập trung vào từ ngữ của người trình bày).

+ Đánh giá, nhận định của riêng bản thân mình những gì nghe được (suy nghĩ trong đầu)

+ Kiên nhẫn lắng nghe cho dù các bên tranh chấp nói vòng vo, lặp đi lặp lại, nói dài, thậm chí nói vô lý.

+ Tóm lược và nhắc lại ý chính mà hòa giải viên nghe được cho mọi người cùng biết.

+ Thông qua ngôn ngữ cơ thể: Hơi nghiêng người về phía người đang trình bày, giao tiếp bằng mắt (nhìn vào người đang nói), gật đầu và sử dụng nét mặt để truyền tải sự quan tâm đến người đang nói.

+ Sử dụng những lời khuyến khích, ngôn ngữ đáp lại người nói (Ví dụ: "Vậy à", "tiếp theo đó là thế nào", "vâng, tôi hiểu"…).

+ Thể hiện sự đồng cảm khi lắng nghe.

- Không nên:

Khi một người đang trình bày, thảo luận, hòa giải viên không nên

+ Nhìn lơ đãng ra chỗ khác hoặc trò chuyện riêng với những người còn lại.

+ Nhắm mắt, ngủ gật (ngáp ngủ) hoặc tỏ ra không muốn nghe;

+ Tỏ ra giận dữ, không kiên nhẫn;

+ Ngắt lời hoặc để phía bên kia ngắt lời.

c) Kỹ năng đặt câu hỏi

Để thu thập được đầy đủ thông tin một cách chính xác, chân thực, khách quan thì đòi hỏi hòa giải viên phải có kỹ năng đặt câu hỏi tốt.

- Mục đích đưa ra câu hỏi:

+ Thu thập thông tin;

+ Khuyến khích các bên tranh chấp, mâu thuẫn trình bày, thảo luận hoặc xác nhận sự việc, hành vi;

+ Xác nhận xem hòa giải viên đã hiểu đúng mâu thuẫn, tranh chấp chưa;

+ Để chứng tỏ hòa giải viên đang/đã chú ý lắng nghe khi họ trình bày;

+ Đề nghị các bên đề xuất giải pháp.

- Hòa giải viên nên sử dụng câu hỏi sau:

+ Hỏi những câu hỏi mở và có định hướng rõ ràng (là những câu hỏi yêu cầu người trả lời cung cấp nội dung theo sự nhìn nhận, suy nghĩ, quan điểm của họ thậm chí cả sự giải thích, thuyết phục).

+ Câu hỏi phải kích thích các bên trả lời theo định hướng khai thác thông tin của hòa giải viên.

+ Có thể đặt câu hỏi lật lại vấn đề nếu thấy phần trình bày của một bên hoặc các bên mâu thuẫn, trái ngược nhau.

Ví dụ: Câu hỏi bắt đầu với từ để hỏi "Ông/bà hãy kể lại….?"; "Vì sao ông bà….?"; "Điều đó đã gây thiệt hại/tổn thất gì cho ông/bà?"

+ Hạn chế sử dụng câu hỏi đóng (là những câu hỏi trực tiếp, người được hỏi sẽ trả lời "Đúng - Sai", "Có - không". Bởi câu hỏi đóng là câu hỏi mang ý chí chủ quan của người hỏi, do đó có thể không khách quan, không chính xác và hòa giải viên sẽ thu được ít thông tin liên quan đến việc hòa giải.

- Không nên:

+ Sử dụng câu hỏi bóng gió, mang tính mỉa mai (Ví dụ: không hỏi "Có phải anh rảnh rỗi lắm nên mới làm vậy phải không?"; "Sao anh lại suy nghĩ sáng tạo thế?").

+ Sử dụng câu hỏi đã chứa nội dung trả lời (Ví dụ: không hỏi "Anh đã tát vợ mấy cái?").

3.2. Kỹ năng điều hành, kiểm soát buổi hòa giải

Hòa giải viên luôn luôn xác định vai trò trung gian của mình là giúp các bên tìm ta giải pháp cho vấn đề của họ. Do đó, việc điều hành buổi hòa giải đòi hỏi hòa giải viên phải có kỹ năng tốt để dẫn dắt cuộc đối thoại giữa các bên đi đến thống nhất giải pháp tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp.

a) Vai trò của hòa giải viên tại buổi hòa giải

Hòa giải viên luôn luôn nhớ vai trò trung gian của mình tại buổi hòa giải:

- Là người chủ trì, điều khiển buổi hòa giải, duy trì các bên trình bày, phát biểu: Mời ai trình bày trước, ai phát biểu sau; người được mời nói về nội dung gì (không nên để các bên phát biểu quá xa trọng tâm của vấn đề); quyết định thời gian trao đổi, trình bày của các bên; quyết định khi nào thì chuyển sang giai đoạn thương lượng giải pháp, khi nào chuyển sang giai đoạn thống nhất giải pháp và kết thúc hòa giải…

- Không làm thay các bên, không quyết định giải pháp, phương án thay cho các bên.

- Tạo môi trường thoải mái, bầu không khí hợp tác, cởi mở để các bên hiểu rõ hành vi, hậu quả, quan điểm của nhau, hướng dẫn các bên tập trung vào vấn đề thực sự quan trọng, các giải pháp để tháo gỡ "nút thắt"; từ đó khuyến khích, giúp các bên thay đổi mối quan hệ từ mâu thuẫn, tranh chấp sang hòa bình "thắng – thắng"5 (cả hai bên đều đạt được một số yêu cầu đối với bên kia).

- Kiểm soát được cảm xúc của các bên, không để cảm xúc của họ ảnh hưởng đến hiệu quả của buổi hòa giải.

- Dự kiến và kiểm soát được hành vi bộc phát của các bên tại buổi hòa giải, có phương án xử lý hành vi phát sinh.

- Luôn luôn trung lập, công bằng, khách quan, không đứng vào bên nào để trách cứ, phán xét bên kia.

- Hiểu vấn đề một cách rõ ràng, không cho phép các bên có thái độ bất lịch sự, áp đặt, coi thường bên kia.

b) Kỹ năng kiểm soát cảm xúc của các bên

Trong quá trình tiến hành hòa giải, các bên có thể có các trạng thái cảm xúc khác nhau như giận dữ, bực tức hoặc khóc lóc, kể lể hoặc im lặng, tỏ thái độ không hợp tác, thách thức hoặc cảm thấy hả hê. Hòa giải viên không được bỏ qua các

5 Mục tiêu của hòa giải không phải là "trừng phạt hay trả giá hoặc ép buộc chịu trách nhiệm" mà là giúp các bên cùng đạt được mục đích của họ ở mức độ chấp nhận được.

cảm xúc của các bên, không nên từ chối mà phải chấp nhận nó. Khi gặp các tình huống đó, hòa giải viên cần kiểm soát được cảm xúc của các bên.

Để kiểm soát cảm xúc của các bên tranh chấp, hòa giải viên cần:

- Đánh giá mức độ căng thẳng, giận dữ của các bên thông qua cử chỉ, thái độ, lời nói.

> Sự giận dữ, căng thẳng được thể hiện bởi một bên hay hai bên? Nếu là một bên tức giận thì đó là nam hay nữ và bên kia phản ứng như thế nào? Nếu sự tức giận ở cả hai bên thì mức độ mâu thuẫn, xung đột đến mức độ nào? Sự giận dữ có ảnh hưởng tiêu cực như thế nào đến quá trình giải quyết mâu thuẫn?

Để xử lý trạng thái giận dữ hoặc đe dọa (hoặc thách thức) phát sinh của một hoặc các bên, hòa giải viên cần:

+ Yêu cầu người có biểu hiện căng thẳng, giận dữ phải bình tĩnh.

+ Nhắc lại nguyên tắc tham gia hòa giải (nhấn mạnh vào việc tôn trọng những người tham dự hòa giải)

+ Nhắc lại mục tiêu của buổi hòa giải.

+ Sau khi đã giải thích, nhắc nhở như trên mà người đó vẫn không hết "tức giận" thì hòa giải viên cần sử dụng biện pháp mạnh hơn, đó là nói to hơn, dưt khoát hơn nhằm "lấn át" người đó, yêu cầu họ giữ phép lịch sự thông thường "người nói phải có người nghe".

+ Nếu đã áp dụng các giải pháp trên mà sự giận dữ của một hoặc các bên không giảm, căn cứ vào tình hình thực tiễn, thì hòa giải viên có thể yêu cầu những người tham gia hòa giải nghỉ giải lao khoảng 10 phút hoặc nếu cần tuyên bố hoãn việc hòa giải, thời gian tổ chức hòa giải lại sẽ thống nhất với các bên sau đó.

+ Trong trường hợp nhận định sự giận dữ có thể dẫn đến phát sinh hành vi bạo lực, gây mất trật tự công cộng, hòa giải viên cần tách các bên ra và lập tức mời công an, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc đại diện chính quyền có

mặt kịp thời nếu có xu hướng xảy ra bạo lực, để ngăn chặn, không để hành vi bạo lực diễn ra.

- Đối với những người kém tự tin và những người ngại nói tham gia trao đổi, thảo luận, hòa giải viên cần đặt những câu hỏi để gợi mở, tạo cho họ cảm giác thoải mái, gần giũ, dễ chia sẻ

- Đối với người không chịu ngồi yên mà "dùng chiến thuật" đi đi lại lại và nói lấn át, hòa giải viên cần yêu cầu họ ngồi đúng vị trí của mình, chỉ tập trung nói những vấn đề trọng tâm của mâu thuẫn, tranh chấp; tôn trọng người khác bằng cách nghe người khác nói.

c) Kỹ năng giải quyết sự bế tắc

Bế tắc là trường hợp các bên không chịu hiểu nhau, không thông cảm với nhau và không tìm ra tiếng nói chung để giải quyết vấn đề. Hòa giải viên cần có kỹ năng để phá vỡ sự bế tắc nhằm tìm ra "hướng đi" cho các bên.

- Khi gặp trường hợp bế tắc, hòa giải viên nên:

+ Cố gắng hài hước

+ Gợi ý các nét đẹp trong văn hóa nhường nhịn, đoàn kết của dân tộc (ví dụ "thương nhau chín bỏ làm mười", "kính trên, nhường dưới", "thương người như thể thương thân", "đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại", "Bầu ơi thương lấy bí cùng. Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".

+ Gợi ý các giải pháp để các bên tham khảo, xem xét.

- Không nên:

+ Nhanh chóng kết thúc buổi hòa giải để các bên chuyển ra cơ quan chức năng.

+ Tỏ ra thất vọng, chán nản

+ Nhận xét các bên không thiện cảm (như cho rằng các bên cố chấp, thiếu thiện chí, không đoàn kết…).

3.3. Kỹ năng quan sát

Phần lớn hòa giải viên ở cơ sở muốn tiến hành hòa giải trực tiếp với sự có mặt của các bên để quan sát biểu hiện, thái độ của mỗi bên từ đó có định hướng hòa giải phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của hòa giải.

Trong quá trình hòa giải viên cần quan sát những yếu tố sau:

- Quan sát điệu bộ, cử chỉ của các bên (như dáng ngồi, nét mặt, biểu hiện sự cau có, nhíu mày, mặt đỏ bừng hay tái xanh…).

- Quan sát phản ứng của mỗi bên trước ý kiến, lời trình bày của bên kia (cướp lời, đập bàn, đứng dậy đi lại, cúi mặt, dè bỉu, khinh bỉ,…).

- Quan sát biến đổi của bầu không khí (ngày càng căng thẳng hay dần dần trùng xuống).

Lưu ý: Hòa giải viên không phản ứng tức thời đối với những hiện tượng bản thân quan sát được mà cần bình tĩnh, từng bước xử lý hài hòa, khéo léo.

IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG, KIẾN THỨC PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI HÒA GIẢI VIÊN Ở CƠ SỞ

Hòa giải viên giữ vai trò trung gian trong các vụ, việc hòa giải ở cơ sở; những mâu thuẫn, tranh chấp trong cộng đồng dân cư được hòa giải đã góp phần xây dựng sự đoàn kết cộng đồng, giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở. Vụ, việc mâu thuẫn, tranh chấp có hòa giải thành hay không, hòa giải thành có bền vững hay không phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng đội ngũ hòa giải viên. Việc kiểm tra, đánh giá được tiến hành để xác định mức độ hiểu biết pháp luật và kỹ năng hòa giải của hòa giải viên sau khi được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật từ đó có giải pháp phù hợp để nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn.

1. Khái quát chung về kiểm tra, đánh giá đối với hòa giải viên ở cơ sở

1.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá

Trong hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải cho hòa giải viên ở cơ sở, việc kiểm tra được hiểu là hành động thu thập thông

tin, dữ liệu về kết quả học tập của hòa giải viên (kiến thức, kỹ năng của hòa giải viên ở cơ sở) thông qua những phương thức, hình thức nhất định.

Đánh giá là việc căn cứ vào thông tin thu thập được từ kết quả kiểm tra để phân tích, so sánh, nhận xét, đưa ra kết luận về mức độ đạt mục tiêu, khả năng đáp ứng yêu cầu của hoạt động hòa giải ở cơ sở, từ đó điều chỉnh và có giải pháp phù hợp cho hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên.

Có thể nói, kiểm tra, đánh giá năng lực của hòa giải viên ở cơ sở là hoạt động cần thiết để xác định hiệu quả tập huấn, bồi dưỡng. Trước khi tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, Ban Tổ chức và tập huấn viên cần tiến hành khảo sát sơ bộ nhu cầu bổ sung kiến thức, kỹ năng của hòa giải viên, trên cơ sở đó để xây dựng Chương trình tập huấn với nội dung, thời lượng, phương pháp tập huấn phù hợp. Kết thúc khóa tập huấn, Ban Tổ chức và tập huấn viên tiến hành kiểm tra, đánh giá hiệu quả của buổi tập huấn để xác định mức độ lĩnh hội nội dung tập huấn, bồi dưỡng của hòa giải viên ở cơ sở.

1.2. Mục đích của kiểm tra, đánh giá đối với hòa giải viên ở cơ sở

- Việc kiểm tra, đánh giá đối với hòa giải viên ở cơ sở nhằm xem xét, đánh giá năng lực của hòa giải viên về mức độ hiểu biết pháp luật, kỹ năng hòa giải và tinh thần trách nhiệm của hòa giải viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá năng lực của hòa giải viên sau khi được tập huấn, bồi dưỡng, Ban tổ chức, tập huấn viên điều chỉnh nội dung và phương pháp tập huấn cho phù hợp hoặc rút kinh nghiệm cho các khóa tập huấn sau để mang lại hiệu quả tập huấn cao nhất, kịp thời bổ sung những kiến thức pháp luật, kỹ năng còn thiếu của hòa giải viên.

2. Chủ thể thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với hòa giải viên ở cơ sở

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với hòa giải viên ở cơ sở được thực hiện bởi các cơ quan, tổ chức tiến hành bồi dưỡng, tập huấn cho hòa giải viên để đánh giá mức độ tiếp thu nội dung tập huấn, bồi dưỡng. Căn cứ vào hình thức tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên, cần có cách thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.

Chủ thể có thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với hòa giải viên sau khi được tập huấn, bồi dưỡng gồm:

- Đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên ở cơ sở.

Các cơ quan quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở (như: Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp tỉnh, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc các cơ quan liên quan (như Mặt trận tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Hội Luật gia…) tổ chức hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên thực hiện kiểm tra sau khóa tập huấn để đánh giá hiệu quả của tập huấn, mức độ tiếp thu kiến thức của hòa giải viên. Trên cơ sở đó xây dựng giải pháp nâng cao năng lực cho hòa giải viên trong giải đoạn tiếp theo đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Tập huấn viên, báo cáo viên, giảng viên trực tiếp tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên.

Những người trực tiếp truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cho hòa giải viên tiến hành kiểm tra để đánh giá kết quả tập huấn, bồi dưỡng. Trên cơ sở đó, ngoài việc đánh giá mức độ lĩnh hội nội dung được tập huấn, bồi dưỡng của hòa giải viên, thì tập huấn viên, báo cáo viên, giảng viên còn rút kinh nghiệp cho chính bản thân về phương pháp tập huấn, nội dung tập huấn, thời lượng tập huấn để khóa tập huấn sau mang lại hiệu quả cao hơn, đạt mục tiêu đề ra.

3. Quy trình tiến hành kiểm tra, đánh giá

3.1. Nội dung kiểm tra, đánh giá

a) Nội dung kiểm tra

Về cơ bản, nội dung kiểm tra mức độ tiếp thu của hòa giải viên đối với kiến thức, kỹ năng đã được tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên. Căn cứ vào Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải cho hòa giải viên và nội dung tập huấn, bồi dưỡng, chủ thể tiến hành kiểm tra xác định nội dung kiểm tra cụ thể (về các lĩnh vực văn hóa, xã hội, pháp luật, phong tục, tập quán tại địa

bàn dân cư hoặc các kỹ năng hòa giải; khả năng sử dụng tiếng nói của dân tộc thiểu số đối với hòa giải viên hoạt động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số…).

Ngoài ra, chủ thể tiến hành kiểm tra có thể đưa nội dung kiểm tra để đánh giá thái độ của hòa giải viên đối với công tác hòa giải ở cơ sở (đánh giá về mức độ nhiệt huyết, tích cực, tận tâm với công tác hòa giải ở cơ sở…).

b) Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ tiếp thu nội dung bài giảng, kết quả tham gia các khóa tập huấn của hòa giải viên. Trên cơ sở kết quả đánh giá, tập huấn viên (giảng viên) xem xét, điều chỉnh phương pháp và nội dung tập huấn cho phù hợp, như: tăng thời lượng trao đổi, thảo luận, thực hành; bổ sung, làm rõ nội dung lý thuyết; hoặc điều chỉnh hình thức, cách thức tổ chức tập huấn nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

3.2. Cách thức, hình thức kiểm tra

Căn cứ vào hình thức tập huấn, bồi dưỡng, chủ thể thực hiện kiểm tra có thể lựa chọn cách thức kiểm tra phù hợp.

- *Kiểm tra trực tiếp* thường được áp dụng khi tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp cho hòa giải viên. Hình thức kiểm tra có thể thông qua hỏi - đáp trực tiếp (tập huấn viên đặt câu hỏi và mời hòa giải viên trả lời); hoặc phát phiếu kiểm tra cho hòa giải viên (như bài tập trắc nghiệm, bài tập xử lý tình huống…).

- *Kiểm tra online* thường áp dụng khi tổ chức tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến hoặc khóa học online. Kết thúc khóa tập huấn, hoà giải viên làm bài kiểm tra online (như bài tập trắc nghiệm, bài tập xử lý tình huống…) và gửi vào địa chỉ online nhận bài.

- *Kiểm tra thông qua thực hành:* thường được áp dụng khi tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp cho hòa giải viên. Kết thúc tập huấn, hoà giải viên đóng vai để diễn cách tiến hành hòa giải, giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp thông qua tình huống giả định (có thể là tình huống hư cấu từ thực tiễn).

3.3. Hướng dẫn xây dựng bài kiểm tra

3.3.1 Hình thức trắc nghiệm: là hình thức kiểm tra bằng các câu hỏi có sẵn phương án trả lời. Có thể thực hiện việc trắc nghiệm bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp.

a) Để kiểm tra cần chuẩn bị 01 bảng các câu hỏi, tương ứng với mỗi câu hỏi là câu trả lời để hòa giải viên lựa chọn. Hòa giải viên phải vận dụng kiến thức đã được học để lựa chọn câu trả lời chính xác.

- Câu hỏi đóng: xây dựng một nhận định hoặc tình huống và yêu cầu hòa giải viên lựa chọn phương án đúng/sai. (Ví dụ: Nhận định sau đúng hay sai "Mọi tranh chấp dân sự đều được hòa giải ở cơ sở").

- Câu hỏi lựa chọn: xây dựng một nhận định hoặc tình huống và có từ 3 - 4 phương án trả lời, trong đó chỉ có duy nhất một phương án trả lời đúng, các phương án trả lời còn lại là sai. Hòa giải viên phải lựa chọn một đáp án đúng trong số những đáp án đưa ra.

Số lượng câu hỏi phù hợp: khoảng 10 - 15 câu hỏi đáp.

Việc kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm giúp kiểm tra được khả năng ghi nhớ, phân tích và vận dụng những nội dung tập huấn của hòa giải viên. Hình thức này có ưu điểm là hòa giải viên làm bài nhanh, bao quát lượng kiến thức lớn trong thời gian ngắn, trọng tâm vào những vấn đề chính mà tập huấn viên muốn lưu ý đối với hòa giải viên. Nhưng cũng có nhược điểm khó đánh giá kỹ năng mềm hoặc khả năng lập luận sâu của hòa giải viên, các hòa giải viên có thể hỏi nhau để điền đáp án.

Hình thức trắc nghiệm phù hợp với: Lớp đông, cần đánh giá nhanh. Các học phần thiên về lý thuyết, khi cần thống kê, phân tích kết quả bồi dưỡng, tập huấn trên diện rộng.

Thời gian trả lời câu hỏi trắc nghiệm: khoảng 15-20 phút.

b) Có hai cách để đánh giá kết quả kiểm tra trắc nghiệm: (i) Tính điểm mỗi câu từ 0,5-1 điểm. Thang điểm 10 hoặc 20. Trên cơ sở kết quả chấm điểm, đánh giá mức độ tiếp thu bài của hòa giải viên; (ii) chia hai nhóm "đúng – sai"

Tỷ lệ trả lời đúng càng cao thì khóa bồi dưỡng đạt hiệu quả cao và ngược lại.

Ví dụ về đánh giá năng lực đối với cách tính điểm

Mức điểm	Xếp loại	Mô tả năng lực
9.0 – 10	Xuất sắc	Hiểu rõ toàn bộ kiến thức, trả lời chính xác, logic
7.0 – 8.9	Khá	Nắm vững phần lớn nội dung, vẫn còn sai sót.
5.0 – 6.9	Trung bình	Nắm được kiến thức cơ bản, nhưng chưa sâu
3.0 – 4.9	Yếu	Hiểu biết hạn chế.
Dưới 3.0	Kém	Không đạt yêu cầu.

c) Ví dụ một số câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Hòa giải viên ở cơ sở là người có vai trò:

A. Đại diện pháp luật cho một bên tranh chấp

B. Trọng tài quyết định kết quả tranh chấp

C. Người trung gian hỗ trợ các bên tự thỏa thuận

D. Người bảo vệ quyền lợi cho bên yếu thế

Đáp án: C

Câu 2: Nếu một bên liên tục cắt lời bên kia khi hòa giải, hòa giải viên nên:

A. Yêu cầu bên đó rời khỏi phòng

B. Nhắc nhở và đề nghị tôn trọng quyền phát biểu của nhau

C. Bỏ qua để tránh căng thẳng

D. Chuyển vụ việc lên tòa án

Đáp án: B

3.3.2. Hình thức viết bài luận:

a) Để kiểm tra cần chuẩn bị 01 câu hỏi lý thuyết hoặc 01 tình huống giả định và yêu cầu hòa giải viên trình bày nội dung, phân tích cách giải quyết. Câu hỏi hoặc tình huống cần ngắn gọn, dễ hiểu, cô đọng một nghĩa, không hỏi câu hỏi đa nghĩa, tế nhị, khó trả lời.

Ví dụ:

(1) Theo ông/bà kỹ năng nào là quan trọng nhất khi tiến hành hòa giải. Vì sao?

(2) Hai anh em nhà ông B tranh chấp về việc chia thừa kế nhà đất của bố mẹ. Nếu được phân công hòa giải, ông bà sẽ tiến hành hòa giải như thế nào?

Ưu điểm của hình thức này là đánh giá được tư duy phản biện, thái độ của hòa giải viên đối với công tác hòa giải, khả năng diễn đạt, lập luận logic và năng lực vận dụng kiến thức pháp luật vào công tác hòa giải ở cơ sở. Thích hợp với khóa tập huấn trên nền tảng số như MOOCs, hòa giải viên có thời gian suy nghĩ, phân tích và viết bài kiểm tra; không phù hợp với lớp tập huấn trực tiếp (do mất nhiều thời gian) hoặc tập huấn trực tuyến (khó khăn nộp bài đối với những hòa giải viên chưa sẵn sàng sử dụng thiết bị có kết nối internet). Nhược điểm là mất thời gian chấm điểm và không công bố được ngay sau khóa tập huấn, không kiểm soát được việc tham gia làm bài thi của hòa giải viên (sẽ có người không làm bài).

b) Để đánh giá kết quả kiểm tra trắc nghiệm cần căn cứ vào số lượng bài kiểm tra thu được so với số lượng hòa giải viên tham dự tập huấn. Do hòa giải viên tham gia hoạt động hòa giải với tinh thần tự nguyện, vì vậy nếu họ không tham gia làm bài kiểm tra cũng không có chế tài gì để bắt buộc. Vì thế nếu số lượng bài luận thu về nhiều hoặc có nhiều bài viết công phu, trình bày, phân tích lập luận sâu sắc thì thể hiện hòa giải viên nghiêm túc và tâm huyết với công tác hòa giải, tiếp thu được nhiều kiến thức sau khi được tập huấn, bồi dưỡng. Ngược lại, nếu số lượng bài luận thu về ít (dưới 50% hòa giải viên đã tham gia tập huấn) hoặc đa số bài viết qua loa, trình bày rời rạc thì thể hiện hòa giải viên không nhiệt tình với công tác hòa giải, lượng kiến thức tiếp thu được ít.

3.3.3. Thực hiện 01 phiên hòa giải ở cơ sở giả định

Tổ chức một phiên hòa giải giả định được thực hiện tại hội nghị tập huấn trực tiếp cho hòa giải viên. Sau khi kết thúc khóa tập huấn, Ban Tổ chức hoặc tập huấn viên dành khoảng thời gian để các hòa giải viên thực hành, tiến hành hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp theo tình huống giả định. Ban Tổ chức xác định nội dung pháp luật (đất đai, dân sự, hôn nhân gia đình…) cần lưu ý hòa giải viên để xây dựng tình huống mâu thuẫn tranh chấp. Đồng thời, để kiểm tra kỹ năng hòa giải thì cần đưa ra những tình tiết phức tạp, diễn biến tâm lý nhân vật với nhiều cung bậc cảm xúc, nhiều mối quan hệ đan xen.

a) Việc tổ chức phiên hòa giải giả định mang lại nhiều lợi ích cho kiểm tra, đánh giá cả kiến thức và kỹ năng đối với hòa giải viên sau khi được tập huấn, bồi dưỡng.

Trước hết tập huấn viên hoặc Ban tổ chức cần chuẩn bị một tình huống mâu thuẫn, tranh chấp cần hòa giải. Tình huống mâu thuẫn, tranh chấp có thể thể hiện dưới dạng:

- Video clip: Nếu xây dựng được video clip là tốt nhất để các hòa giải viên xem mâu thuẫn và cảm nhận được thái độ các bên, mức độ mâu thuẫn từ đó đóng vai vào xử lý tình huống thấu đáo hơn. Video clip về mâu thuẫn, tranh chấp có thể trích xuất từ tình huống trong phim, phóng sự hoặc tập huấn viên sử dụng hoạt hình hoặc sử dụng trí tuệ nhân tạo AI để thiết kế video clip.

- Chiếu tình huống lên bảng Led, màn hình chiếu hoặc bảng viết.

- In tình huống ra giấy và phát cho hòa giải viên đọc.

- Gửi tình huống vào nhóm chung của lớp (như Zalo Group, Messenger, Telegram, WhatsApp, Viber, và Skype…) để các hòa giải viên đọc.

Cần chuẩn bị đạo cụ để phục vụ hòa giải viên đóng vai (như bàn ghế, cốc chén… những vật dụng trong đời sống hàng ngày liên quan đến tình huống và biên bản hòa giải mẫu, bút viết).

Tập huấn viên có thể lựa chọn hòa giải viên đóng vai trên tinh thần xung phong hoặc chỉ định hòa giải viên đóng vai các nhân vật trong tình huống.

Ưu điểm của hình thức này là giúp người học rèn luyện thực hành, vận dụng ngay những nội dung được học vào xử lý tình huống, tư duy linh hoạt. Qua đó, có thể đánh giá năng lực từng hòa giải viên và kỹ năng làm việc nhóm. Nhược điểm là việc tổ chức phiên hòa giải giả định khá phức tạp, cần có thời gian và chuẩn bị kỹ lưỡng (tình huống, dụng cụ).

b) Để đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức, kỹ năng của hòa giải viên thông qua phiên hòa giải giả định, thì trong quá trình hòa giải viên đóng vai xử lý tình huống, Ban tổ chức và tập huấn viên cần quan sát cách thức hòa giải của hòa giải viên, cách vận dụng pháp luật, kỹ năng xử lý tình huống, cách dẫn dắt các bên đi đến thỏa thuận hòa giải thành... Trước khi nhận xét, đánh giá, tập huấn viên có thể đề nghị các hòa giải viên khác có ý kiến góp ý đối với vai diễn hòa giải viên (nhằm phát huy tinh thần học hỏi, trao đổi kinh nghiệm). Từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá về kỹ năng chuyên môn, kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải của hòa giải viên. Tập huấn viên cần nhận xét kỹ lưỡng về việc hòa giải có thấu tình, đạt lý không; có bảo đảm sự công bằng, khách quan; có hợp với phong tục, truyền thống tốt đẹp của dân tộc không; điều luật áp dụng có chính xác không; ngôn ngữ hòa giải có phù hợp với các bên tranh chấp không, có bảo đảm bình đẳng giới không… Kiểm tra chất lượng ghi chép biên bản hòa giải của hòa giải viên.

3.3.4. Kết hợp các hình thức kiểm tra

Trong quá trình tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, tập huấn viên có thể kết hợp từ 2–3 hình thức kiểm tra nêu trên để đánh giá năng lực của hòa giải viên nếu điều kiện cho phép. Việc kết hợp này sẽ giúp Ban tổ chức và tập huấn viên đánh giá toàn diện năng lực của hòa giải viên (cả thái độ tình cảm đối với công tác hòa giải ở cơ sở; kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải, khả năng sử dụng ngôn ngữ, xử lý tình huống...).

4. Thời điểm kiểm tra, đánh giá

Thời điểm kiểm tra, đánh giá tốt nhất được thực hiện vào buổi cuối của khóa bồi dưỡng, tập huấn. Tổ chức kiểm tra cuối khóa tập huấn, giúp Ban Tổ chức và tập huấn viên đánh giá được chất lượng của khóa tập huấn, mục tiêu tập huấn có đạt không.

Kết quả kiểm tra, đánh giá có thể được công bố ngay tại khóa tập huấn, trước khi bế mạc khóa học, trong trường hợp việc tổng hợp kết quả và rút ra nhận xét được thực hiện kịp thời. Việc công bố nhằm giúp hòa giải viên nắm bắt mức độ tiếp thu, những nội dung đã đạt được và những hạn chế cần khắc phục. Trường hợp chưa kịp tổng hợp kết quả và đưa ra nhận xét, việc đánh giá sẽ được thực hiện sau khóa tập huấn để làm cơ sở rút kinh nghiệm, điều chỉnh nội dung, phương pháp và kế hoạch tổ chức các khóa tập huấn tiếp theo, bảo đảm nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng hòa giải viên ở cơ sở.

Kết luận

Việc kiểm tra, đánh giá năng lực của hòa giải viên sau khi tập huấn, bồi dưỡng là nội dung quan trọng nhằm xác định khả năng đáp ứng nhiệm vụ của hòa giải viên từ đó có giải pháp quản lý nhà nước trong công tác hòa giải ở cơ sở để đáp ứng mục tiêu phát triển đất nước.

PHẦN II. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT THỰC TẾ TRONG LĨNH VỰC: HÔN NHÂN - GIA ĐÌNH, DÂN SỰ VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC

Văn bản sử dụng:

- Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022;

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Nghị định số 109/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phục hồi, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Tình huống 1. Sau khi bố mẹ qua đời, gia đình chỉ còn lại hai chị em là chị Mộng và người em trai 13 tuổi. Do chị Mộng chuẩn bị lấy chồng xa, hoàn cảnh kinh tế lại khó khăn nên không thể trực tiếp nuôi nấng và chăm sóc em. Chị Mộng có nguyện vọng tìm người giám hộ hợp pháp cho em trai mình. Xin hỏi, trong trường hợp này, quy định của pháp luật về việc cử hoặc xác định người giám hộ cho người chưa thành niên được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 52 Bộ luật dân sự năm 2015, người giám hộ đương nhiên của người chưa thành niên thuộc trường hợp không còn cha, mẹ hoặc không xác định được cha, mẹ được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:

Thứ nhất: Anh ruột là anh cả hoặc chị ruột là chị cả. Trường hợp anh cả hoặc chị cả không đủ điều kiện làm người giám hộ thì anh ruột hoặc chị ruột tiếp theo là người giám hộ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Thứ hai: Trường hợp không có người giám hộ là anh ruột, chị ruột nêu trên thì ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại là người giám hộ hoặc những người này thỏa thuận cử một hoặc một số người trong số họ làm người giám hộ.

Thứ ba: Trường hợp không có tất cả các người giám hộ nêu trên thì bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột hoặc dì ruột là người giám hộ.

Đối chiếu với trường hợp của gia đình chị Mộng: Do bố mẹ đã qua đời, em trai chị Mộng mới 13 tuổi (người chưa thành niên). Vì hoàn cảnh khó khăn và lấy chồng xa, chị Mộng không thể trực tiếp chăm sóc. Do đó, theo quy định pháp luật,

người giám hộ đương nhiên cho người em trai sẽ được xác định theo thứ tự kế tiếp gồm: ông bà nội, ông bà ngoại hoặc bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người em để bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được giám hộ.

Tình huống 2. Trưa ngày 20/03/2026, anh Đạt điều khiển xe tải lưu thông trên đường, đảm bảo đi đúng phần đường, làn đường và tốc độ quy định. Lúc này, một cháu bé khoảng 07 tuổi bất ngờ chạy băng qua đường do thiếu quan sát, dẫn đến va chạm vào sườn xe tải của anh Đạt. Ngay sau tai nạn, cháu bé đã được đưa đi bệnh viện cấp cứu; hiện tại sức khỏe đã qua cơn nguy kịch và có thể ăn uống bình thường.

Tuy nhiên, phía gia đình cháu bé đang yêu cầu anh Đạt phải bồi thường toàn bộ chi phí điều trị y tế cùng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Anh Đạt muốn hỏi, trong trường hợp anh đã chấp hành đúng Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà lỗi hoàn toàn thuộc về người đi bộ, thì yêu cầu đòi bồi thường của gia đình họ có đúng quy định pháp luật hay không?

Trả lời:

Căn cứ Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015, xe tải do anh Đạt điều khiển được xác định là phương tiện giao thông vận tải cơ giới - thuộc nhóm nguồn nguy hiểm cao độ. Pháp luật quy định chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại ngay cả khi không có lỗi, trừ các trường hợp loại trừ sau đây:

- Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại;

- Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Xác định trách nhiệm pháp lý trong tình huống:

Trường hợp 1: Nếu cơ quan chức năng kết luận vụ tai nạn xảy ra hoàn toàn do lỗi của cháu bé (thiếu quan sát, bất ngờ băng qua đường) và anh Đạt đã chấp hành đúng Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (đi đúng phần đường, làn đường, tốc độ), thì anh Đạt không phải bồi thường thiệt hại. Yêu cầu đòi bồi thường của gia đình cháu trong trường hợp này là không có căn cứ pháp lý.

Trường hợp 2: Nếu anh Đạt có lỗi một phần dẫn đến tai nạn, anh Đạt vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường một phần tương ứng. Mức bồi thường sẽ căn cứ vào thiệt hại thực tế và khả năng kinh tế của anh Đạt.

Trường hợp hai bên không thỏa thuận được mức hỗ trợ hoặc bồi thường, các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tình huống 3. Mùa mưa bão đang đến gần, chị Vân rất lo lắng về việc cây xanh của nhà anh Nam (hàng xóm) có nguy cơ gãy đổ sang khuôn viên nhà mình. Dù chị Vân đã nhiều lần trực tiếp trao đổi và yêu cầu anh Nam

chặt hạ hoặc tỉa bớt các cành cây có nguy cơ mất an toàn, nhưng anh vẫn không chịu thực hiện.

Xin hỏi, trong trường hợp này, chị Vân có thể đề nghị chính quyền địa phương can thiệp và giải quyết hay không? Đồng thời, nếu không may xảy ra mưa bão khiến cây đổ gây thiệt hại về tài sản hoặc sức khỏe của gia đình tôi, thì chủ sở hữu cây xanh có phải bồi thường hay không?

Trả lời:

1. Về quyền đề nghị chính quyền địa phương can thiệp:

Căn cứ khoản 1 Điều 177 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp cây cối có nguy cơ sập đổ xuống bất động sản liền kề và xung quanh, chủ sở hữu tài sản phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, chặt cây hoặc tỉa cành theo yêu cầu của chủ sở hữu bất động sản liền kề hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nếu chủ sở hữu cây xanh không tự nguyện thực hiện sau khi đã được nhắc nhở, chị Vân hoàn toàn có quyền yêu cầu chính quyền địa phương (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) can thiệp để cho chặt cây, phá dỡ. Toàn bộ chi phí phát sinh cho việc chặt cây, phá dỡ do chủ sở hữu cây cối chịu.

2. Về trách nhiệm bồi thường khi cây đổ gây thiệt hại:

Căn cứ khoản 3 Điều 177 và Điều 604 Bộ luật dân sự năm 2015, chủ sở hữu, người chiếm hữu, người được giao quản lý cây cối phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra. Do đó, nếu thiên tai, mưa bão xảy ra khiến cây nhà hàng xóm gãy đổ gây thiệt hại về tài sản hoặc sức khỏe của gia đình chị Vân, người hàng xóm với tư cách chủ sở hữu sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh (do chị Vân đã cảnh báo trước nhưng họ không khắc phục).

Tình huống 4. Anh Hoàng và anh Bảo là chủ sở hữu của hai thửa đất liền kề nhau. Vào năm 2010, nhằm tiết kiệm diện tích và chi phí xây dựng, hai anh đã thỏa thuận xây dựng một bức tường chung làm ranh giới giữa hai ngôi nhà (mỗi bên chịu trách nhiệm và sử dụng một nửa chiều dày của bức tường). Tuy nhiên, vừa qua, anh Bảo tiến hành cải tạo, nâng thêm một tầng nhà nhưng lại tự ý xây chồng và lấn chiếm lên toàn bộ bề mặt của vách tường chung này.

Xin hỏi, hành vi tự ý xây dựng lấn chiếm lên toàn bộ vách tường chung của anh Bảo có vi phạm quy định của pháp luật hay không?

Trả lời:

Hành vi tự ý xây chồng và lấn chiếm lên toàn bộ bề mặt vách tường chung của anh Bảo là vi phạm pháp luật về nghĩa vụ đối với ranh giới giữa các bất động sản.

Căn cứ các điều luật quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Điều 175 (Ranh giới giữa các bất động sản): Người sử dụng đất có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung; không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới

ngăn cách. Không gian theo chiều thẳng đứng từ ranh giới thửa đất chỉ được sử dụng phù hợp với quy định pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

- Điều 176 (Mốc giới ngăn cách các bất động sản): Đối với mốc giới là tường nhà chung, chủ sở hữu bất động sản liền kề không được đục tường để đặt kết cấu xây dựng, trừ trường hợp được chủ sở hữu bất động sản liền kề đồng ý.

Kết luận: Do hai bên đã có thỏa thuận từ năm 2010 về việc vách tường chung là ranh giới (mỗi bên sử dụng một nửa chiều dày tường), việc anh Bảo tự ý xây cất lấn chiếm toàn bộ bề mặt vách tường mà không được sự đồng ý của anh Hoàng là hành vi trái pháp luật. Anh Hoàng có quyền yêu cầu anh Bảo dừng ngay hành vi vi phạm, tháo dỡ phần xây dựng lấn chiếm và khôi phục lại hiện trạng ban đầu của vách tường chung.

Tình huống 5. Anh Hiệp và anh Khang có ký kết hợp đồng mua bán xe máy cũ (nhãn hiệu Honda Lead) với giá 25 triệu đồng. Theo thỏa thuận đã được công chứng, anh Khang sẽ bàn giao xe và toàn bộ giấy tờ hợp pháp cho anh Hiệp sau khi nhận đủ tiền. Trên thực tế, do anh Khang chưa chuẩn bị kịp giấy tờ xe nên anh Hiệp đã thanh toán trước 20 triệu đồng và nhận xe về sử dụng, số tiền còn lại hẹn sẽ giao nốt sau một tuần khi nhận đủ giấy tờ.

Tuy nhiên, đến hẹn thanh toán, anh Hiệp phát hiện bộ giấy tờ xe mà anh Khang bàn giao là giấy tờ giả. Nhận thấy có dấu hiệu lừa dối, anh Hiệp đã đề nghị hủy bỏ việc mua bán và yêu cầu anh Khang hoàn trả lại số tiền 20 triệu đồng đã nhận. Anh Khang không những không đồng ý mà còn ép buộc anh Hiệp phải nộp phạt 10 triệu đồng thì mới chấp nhận chấm dứt hợp đồng.

Xin hỏi, trong trường hợp này, hiệu lực của hợp đồng mua bán giữa anh Hiệp và anh Khang được xác định như thế nào? Anh Hiệp cần thực hiện các thủ tục pháp lý gì để hủy bỏ hợp đồng và lấy lại số tiền 20 triệu đồng đã giao?

Trả lời:

1. Về hiệu lực của hợp đồng mua bán xe máy:

Căn cứ Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015, khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối (hành vi cố ý làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung giao dịch) thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu. Trong tình huống này, anh Khang đã cố ý cung cấp bộ giấy tờ xe giả mạo nhằm lừa dối anh Hiệp để thực hiện việc mua bán. Do đó, hợp đồng mua bán xe máy giữa anh Hiệp và anh Khang bị vô hiệu do bị lừa dối. Việc anh Khang yêu cầu phạt anh Hiệp 10 triệu đồng là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý.

2. Biện pháp pháp lý để lấy lại số tiền 20 triệu đồng:

Căn cứ Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

- Giao dịch vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.

- Các bên có nghĩa vụ khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.

Thủ tục thực hiện: Để bảo vệ quyền lợi cá nhân, anh Hiệp cần làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân khu vực nơi anh Khang cư trú để yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe máy trên vô hiệu. Khi Tòa án ra phán quyết hợp đồng vô hiệu, anh Khang có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 20 triệu đồng đã nhận và anh Hiệp hoàn trả lại chiếc xe máy cho anh Khang.

Bên cạnh đó, tùy theo tình chất mức độ vi phạm, anh Khang còn có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi vi phạm.

Tình huống 6. Trong một vụ hỏa hoạn, nhằm ngăn chặn đám cháy lan rộng sang các hộ xung quanh và hạn chế thiệt hại lớn về người và tài sản, anh Trọng cùng những người có mặt tại hiện trường đã quyết định phá dỡ căn bếp của nhà chị Nhung để tạo lối vào dập lửa. Thời điểm xảy ra vụ việc, chị Nhung không có mặt tại nhà.

Xin hỏi, trong trường hợp cấp bách này, hành vi phá dỡ căn bếp của anh Trọng và mọi người có được coi là hành động trong "tình thế cấp thiết" hay không? Đồng thời, sau khi sự việc xảy ra, chị Nhung có quyền yêu cầu anh Trọng và những người tham gia chữa cháy phải bồi thường thiệt hại đối với phần tài sản đã bị phá dỡ hay không?

Trả lời:

1. Về việc xác định "tình thế cấp thiết":

Căn cứ khoản 1 Điều 171 Bộ luật dân sự năm 2015, tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa trực tiếp lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải có hành động gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn chặn. Đối chiếu với tình huống, hành vi phá dỡ căn bếp nhà chị Nhung của anh Trọng và mọi người nhằm tạo lối vào dập tắt đám cháy, ngăn chặn hỏa hoạn lan rộng sang các hộ dân xung quanh được xác định là hành động trong tình thế cấp thiết. Thiệt hại của căn bếp nhỏ hơn rất nhiều so với thiệt hại toàn bộ khu dân cư nếu đám cháy lan rộng.

2. Về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại:

Căn cứ khoản 3 Điều 171 và Điều 595 Bộ luật dân sự năm 2015, gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là hành vi xâm phạm quyền sở hữu. Người gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải bồi thường cho người bị thiệt hại. Do đó, anh Trọng và những người tham gia chữa cháy không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đối với phần tài sản đã bị phá dỡ của chị Nhung. Trách nhiệm bồi

thường thiệt hại cho chị Nhung thuộc về chủ thể có hành vi lỗi gây ra vụ hỏa hoạn nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 595 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tình huống 7. Trong quá trình dọn dẹp nhà cửa, do chiếc tủ gỗ đã cũ và bị mối mọt nhiều chỗ, ông Sang đã chủ động mang chiếc tủ này đến bỏ tại nơi tập kết rác thải của xóm. Vô tình nhìn thấy chiếc tủ và nhận thấy vẫn có thể tận dụng được, bà Hương đã mang về nhà tự sửa chữa, tân trang lại để sử dụng. Trong một lần đến nhà bà Hương chơi, ông Sang nhận ra chiếc tủ cũ của mình và yêu cầu bà Hương phải trả lại.

Xin hỏi, trong trường hợp này, ông Sang có quyền đòi lại chiếc tủ gỗ đó hay không và quyền sở hữu chiếc tủ hiện tại thuộc về ai?

Trả lời:

Trong trường hợp này, quyền sở hữu hợp pháp đối với chiếc tủ gỗ hiện tại thuộc về bà Hương, ông Sang hoàn toàn không có quyền đòi lại.

Căn cứ Điều 237 Bộ luật dân sự năm 2015 về các căn cứ chấm dứt quyền sở hữu: Quyền sở hữu đối với một tài sản sẽ chấm dứt khi chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu của mình đối với tài sản đó.

Phân tích tình huống: Việc ông Sang chủ động mang chiếc tủ gỗ cũ ra bỏ tại nơi tập kết rác thải của xóm là hành vi pháp lý thể hiện rõ ràng ý chí tự nguyện từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản. Chiếc tủ gỗ tại thời điểm đó trở thành tài sản vô chủ. Việc bà Hương nhặt chiếc tủ về, tự bỏ công sức, chi phí sửa chữa, tân trang để sử dụng đã xác lập quyền sở hữu hợp pháp của bà Hương đối với tài sản này theo quy định của pháp luật dân sự. Do đó, ông Sang đã chấm dứt quyền sở hữu và không có tư cách pháp lý để đòi lại chiếc tủ từ bà Hương.

Tình huống 8. Bà Nhiên (80 tuổi) do tuổi cao sức yếu, đi lại khó khăn nên đã chuyển đến sống cùng anh Tùng (con trai út) để tiện việc chăm sóc. Nhờ sự phụng dưỡng chu đáo của vợ chồng anh Tùng, sức khỏe và tinh thần của bà Nhiên ngày một tiến triển tốt hơn. Để ghi nhận tấm lòng của con trai út, bà Nhiên có nguyện vọng lập di chúc để lại toàn bộ tài sản riêng của mình là ngôi nhà và mảnh đất trị giá 5 tỷ đồng cho anh Tùng.

Biết được ý định này, anh Khánh (con trai cả của bà Nhiên) đã đùng đùng nổi giận, kéo vợ con đến nhà anh Tùng làm ầm ĩ. Anh Khánh kiên quyết phản đối và cho rằng: *"Mẹ năm nay đã 80 tuổi, lúc nhớ lúc quên, tai lại nghễnh ngãng thì làm sao mà tự chủ được nữa! Chắc chắn chú Tùng đã ngon ngọt dụ dỗ, ép buộc mẹ ký giấy tờ lúc mẹ không tỉnh táo để chiếm đoạt tài sản chung của gia đình".*

Ngược lại, anh Tùng khẳng định mẹ mình hoàn toàn minh mẫn, việc lập di chúc là tự nguyện và anh Khánh không có quyền can thiệp. Cuộc tranh chấp giữa hai anh em ngày càng căng thẳng, bà Nhiên vì quá áp lực nên sức khỏe có phần giảm sút, khiến việc lập di chúc phải tạm hoãn.

Câu hỏi đặt ra:

- Dựa trên quy định của pháp luật hiện hành, mâu thuẫn giữa anh Khánh và anh Tùng về "năng lực hành vi dân sự" và "tính tự nguyện" của bà Nhiên sẽ ảnh hưởng như thế nào đến giá trị pháp lý của di chúc?

- Để bản di chúc này có giá trị pháp lý tuyệt đối, dập tan những nghi ngờ và tranh chấp từ phía anh Khánh, bà Nhiên và anh Tùng cần phải đáp ứng và thực hiện những tiêu chuẩn, thủ tục gì?

Trả lời:

Để giải quyết mâu thuẫn giữa các thành viên và đảm bảo bản di chúc của bà Nhiên (80 tuổi) có giá trị pháp lý cao nhất, không thể bị tranh chấp hay tuyên vô hiệu sau này, di chúc phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo Bộ luật dân sự năm 2015:

1. Năng lực nhận thức và hành vi (Giải quyết phản đối của anh K)

Theo Điều 625 và điểm a khoản 1 Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015, tại thời điểm lập di chúc, bà Nhiên phải hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Giải pháp thực tế: Vì anh Khánh đang nghi vấn về sự tỉnh táo của bà Nhiên (cho rằng bà lúc nhớ lúc quên), anh Tùng hoặc bà Nhiên nên chủ động đến các cơ sở y tế có thẩm quyền (bệnh viện tâm thần hoặc bệnh viện đa khoa cấp tỉnh) để khám giám định tâm thần/năng lực nhận thức cho bà Nhiên. Kết luận bằng văn bản của bác sĩ xác nhận *"bà Nhiên hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn"* tại ngày lập di chúc sẽ là chứng cứ pháp lý đanh thép nhất, loại bỏ hoàn toàn cái cớ "mẹ bị lú lẫn" của anh Khánh.

2. Tính tự nguyện (Giải quyết cáo buộc "dụ dỗ, ép buộc")

Việc định đoạt tài sản cho anh Tùng phải xuất phát từ chính nguyện vọng, ý chí đích thực của bà Nhiên. Tuyệt đối không có sự lừa dối, đe dọa, hay cưỡng ép (theo điểm a khoản 1 Điều 630).

Giải pháp thực tế: Khi tiến hành lập di chúc, anh Tùng cùng vợ con nên là người "né tránh" (không tham gia vào quá trình soạn thảo, không đứng tên làm chứng) để đảm bảo tính khách quan. Bản di chúc cần thể hiện rõ tâm nguyện của bà Nhiên là xuất phát từ sự hiếu thảo của anh Tùng.

3. Hình thức di chúc và thủ tục bắt buộc để chống tranh chấp

Do gia đình đang có mâu thuẫn gay gắt, bà Nhiên tuyệt đối không nên lập di chúc miệng hay di chúc viết tay không có người làm chứng. Để bảo đảm an toàn pháp lý cao nhất, bà Nhiên cần thực hiện:

Thủ tục khi sức khỏe yếu: Nếu bà Nhiên không thể tự viết, có thể nhờ người khác viết hộ nhưng bắt buộc phải có ít nhất hai người làm chứng hợp pháp.

Công chứng hoặc chứng thực: Bà Nhiên nên lập di chúc văn bản có công chứng (tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng) hoặc chứng thực (tại Ủy ban nhân dân cấp xã).

Lưu ý quan trọng: Theo Điều 632 Bộ luật dân sự năm 2015, anh Tùng (người thừa kế), anh Khánh và vợ con của họ không được làm chứng. Người làm chứng phải là người ngoài gia đình, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Kết luận: Khi bà Nhiên có chứng nhận y tế về sự minh mẫn và bản di chúc được công chứng hoặc chứng thực, hợp pháp hóa, mọi sự phản đối vô căn cứ của anh Khánh sẽ trở nên vô hiệu trước pháp luật. Anh Tùng hoàn toàn danh chính ngôn thuận nhận thừa kế theo đúng tâm nguyện của người mẹ.

Tình huống 9. Bà Chi có hai người con là anh Hiên (con trai lớn) và chị Ngọc (con gái út). Khi anh Hiên lập gia đình, bà Chi đã tặng một phần tài sản giao cho anh để làm vốn làm ăn; phần tài sản còn lại, bà lập di chúc để lại toàn bộ cho chị Ngọc. Biết được nội dung di chúc của mẹ, anh Hiên cho rằng bà Chi thiên vị nên đã tự ý đem bản di chúc này đi cất giấu, nhằm mục đích sau khi bà Chi qua đời sẽ coi như không có di chúc để tài sản được chia đều theo pháp luật.

Tuy nhiên, hành vi giấu di chúc của anh Hiên đã bị chị Ngọc phát hiện. Xin hỏi, trong trường hợp này, hành vi của anh Hiên xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật? Anh Hiên có còn quyền được hưởng di sản thừa kế của bà Chi nữa hay không?

Trả lời:

Hành vi tự ý đem cất giấu bản di chúc của mẹ nhằm mục đích chia tài sản theo pháp luật của anh Hiên là hành vi vi phạm pháp luật.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về người không được quyền hưởng di sản: Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, hủy di chúc, che giấu di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản thì không được quyền hưởng di sản.

Kết luận: Do anh Hiên đã cố ý thực hiện hành vi che giấu di chúc nhằm mục đích làm sai lệch việc phân chia tài sản trái với ý chí định đoạt hợp pháp của bà Chi, anh Hiên đã tự mình tước đi quyền thừa kế theo quy định pháp luật. Anh Hiên không còn quyền được hưởng bất kỳ phần di sản thừa kế nào của bà Chi khi bà qua đời, trừ trường hợp người để lại di sản đã biết hành vi của người đó nhưng vẫn cho phép họ hưởng di sản theo di chúc.

Tình huống 10. Ông Long năm nay đã ngoài 70 tuổi, hiện có nguyện vọng phân chia khối tài sản gồm căn nhà đang ở và một mảnh đất rộng 100 m^2 ba người con. Do tuổi cao sức yếu, tay run nên ông không thể tự mình viết di chúc được.

Xin hỏi, trong trường hợp này, ông Long có thể thực hiện hình thức di chúc miệng để phân chia tài sản hay không? Quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện và tính hợp pháp của di chúc miệng được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trong trường hợp này, ông Long không được phép thực hiện hình thức di chúc miệng để phân chia tài sản.

Căn cứ các điều luật tại Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định cụ thể như sau:

- Điều 627 (Hình thức của di chúc): Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.

- Điều 629 (Di chúc miệng): Trường hợp tính mạng của một người bị cái chết đe dọa và không thể lập di chúc bằng văn bản thì mới được quyền lập di chúc miệng. Sau 03 tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người lập di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ.

Kết luận: Ông Long hiện tại chỉ gặp tình trạng sức khỏe tuổi già, tay run không tự viết được, tính mạng không bị cái chết đe dọa. Do đó, ông Long phải lập di chúc bằng văn bản. Để giải quyết việc tay run không tự viết được, ông Long có thể tự mình đọc nội dung để người khác viết hộ (hoặc đánh máy), nhưng phải có ít nhất hai người làm chứng hợp pháp và để đảm báo giá trị pháp lý cao nhất bản di chúc này nên được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

Tình huống 11. Vợ chồng ông bà Xuân không may qua đời cùng lúc do tai nạn giao thông, để lại khối tài sản chung gồm: một căn nhà 5 tầng, một sổ tiết kiệm trị giá 50 triệu đồng và hai chiếc xe máy. Các con của ông bà hiện đều đã trưởng thành và có nguyện vọng tiến hành phân chia khối di sản thừa kế nêu trên.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, thời điểm và địa điểm mở thừa kế đối với di sản của ông bà Xuân được xác định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm và địa điểm mở thừa kế đối với di sản của vợ chồng ông bà Xuân được xác định cụ thể như sau:

1. Về thời điểm mở thừa kế:

Theo khoản 1 Điều 611, thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.

Đối chiếu với tình huống, ông bà Xuân không may qua đời cùng lúc do tai nạn giao thông, thời điểm mở thừa kế chính là ngày, giờ ông bà Xuân tử vong được cơ quan y tế hoặc cơ quan công an xác định trên Giấy chứng tử.

2. Về địa điểm mở thừa kế:

Theo khoản 2 Điều 611, địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản.

Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng thì địa điểm mở thừa kế là nơi có toàn bộ di sản hoặc nơi có phần lớn di sản của ông bà Xuân (như nơi có căn nhà 5 tầng hoặc nơi mở sổ tiết kiệm).

Tình huống 12. Hai vợ chồng anh Cường và chị Bình có một khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 250 triệu đồng do anh Cường đứng tên trên sổ. Do muốn có vốn hùn hạp làm ăn chung với bạn bè, anh Cường đã bàn với vợ về việc rút khoản tiền này, nhưng chị Bình không đồng ý vì muốn giữ lại làm khoản dự phòng lúc ốm đau, hoạn nạn. Dù vợ phản đối, anh Cường vẫn tự ý đến ngân hàng rút toàn bộ số tiền tiết kiệm nêu trên để đem đi kinh doanh, vì cho rằng mình là chủ gia đình nên có toàn quyền quyết định các công việc lớn.

Xin hỏi, anh Cường có quyền tự ý rút và sử dụng số tiền tiết kiệm đó hay không? Pháp luật hiện hành quy định như thế nào về quyền sở hữu và định đoạt tài sản chung của vợ chồng trong trường hợp này?

Trả lời:

Anh Cường không có quyền tự ý rút và sử dụng số tiền tiết kiệm đó để đi kinh doanh khi chưa được sự đồng ý của chị Bình. Quan điểm cho rằng mình là chủ gia đình nên có toàn quyền quyết định của anh Cường là hoàn toàn sai trái và vi phạm pháp luật hôn nhân.

Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể như sau:

- Điều 17 (Bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng): Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, bao gồm cả việc định đoạt tài sản.

- Khoản 1 Điều 29 (Nguyên tắc chung về chế độ tài sản): Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.

- Khoản 1 Điều 35 (Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung): Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận.

Kết luận: Mặc dù sổ tiết kiệm trị giá 250 triệu đồng chỉ do một mình anh Cường đứng tên, nhưng khoản tiền này được hình thành và tích lũy trong thời kỳ hôn nhân nên bản chất pháp lý là tài sản chung hợp nhất của hai vợ chồng. Việc định đoạt, rút tiền kinh doanh bắt buộc phải có sự bàn bạc, thống nhất và đồng ý của cả hai vợ chồng.

Tình huống 13. Sau khi kết hôn, theo nguyện vọng của anh Thành, chị Hồng đã đồng ý ở nhà làm nội trợ để có thời gian chăm sóc con nhỏ và phụng dưỡng bố mẹ chồng già yếu. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, mẹ chồng thường xuyên đay nghiếc chị Hồng là người lười lao động, chỉ biết "ăn bám" chồng. Đồng thời, bà còn khẳng định toàn bộ tài sản trong nhà đều thuộc sở hữu riêng của anh Thành, chị Hồng hoàn toàn không có quyền hành gì đối với những tài sản do chồng mình làm ra.

Xin hỏi, quan điểm của mẹ chồng chị Hồng về việc tài sản trong nhà thuộc về một mình anh Thành và chị Hồng không có quyền gì là đúng hay sai? Theo quy định của pháp luật hiện hành, quyền sở hữu tài sản của vợ chồng anh Thành và chị Hồng trong trường hợp này được xác định như thế nào?

Trả lời:

Quan điểm và khẳng định của mẹ chồng chị Hồng là hoàn toàn sai, trái với quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ các quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Khoản 2 Điều 16: Pháp luật quy định rõ: *"Công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập"*.

- Khoản 1 Điều 29 và Điều 33: Vợ chồng bình đẳng ngang nhau về quyền và nghĩa vụ đối với khối tài sản chung. Tài sản do vợ hoặc chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân đều cấu thành tài sản chung của vợ chồng.

- Khoản 3 Điều 33: Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó mặc nhiên được coi là tài sản chung.

Kết luận: Việc chị Hồng ở nhà làm nội trợ, chăm sóc con nhỏ và phụng dưỡng bố mẹ chồng là hình thức lao động hợp pháp và được tính tương đương người có thu nhập. Do đó, toàn bộ tài sản do anh Thành làm ra hay thu nhập tích lũy được trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc sở hữu chung hợp nhất của hai vợ chồng. Chị Hồng có toàn quyền bình đẳng với chồng trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt khối tài sản này.

Tình huống 14. Anh Khánh và chị Thủy nảy sinh tình cảm từ thời sinh viên và quyết định chung sống với nhau như vợ chồng sau khi ra trường. Nhờ công việc ổn định và thu nhập tương đối cao, hai người đã cùng góp tiền mua được một căn nhà chung để sinh sống. Tuy nhiên, do áp lực công việc bận rộn của anh Khánh cùng với trở ngại về khoảng cách địa lý trong việc làm thủ tục hộ khẩu của chị Thủy, hai người đã trì hoãn và chưa thực hiện đăng ký kết hôn dù đã chung sống nhiều năm.

Sau một thời gian, chị Thủy cảm thấy mệt mỏi, chán nản vì anh Khánh thường xuyên đi công tác, quá chú tâm vào sự nghiệp mà bỏ bê gia đình; hai người lại chưa có con chung. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt khiến chị Thủy có nguyện vọng chấm dứt mối quan hệ này.

Xin hỏi, mối quan hệ giữa anh Khánh và chị Thủy hiện tại có được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng hợp pháp hay không? Trong trường hợp hai người chia tay, việc phân chia căn nhà chung và các tài sản tích lũy khác sẽ được pháp luật giải quyết như thế nào?

Trả lời:

1. Về tính hợp pháp của quan hệ vợ chồng:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, dù anh Khánh và chị Thủy đã chung sống nhiều năm và tự coi nhau là vợ chồng, mối quan hệ của hai người vẫn không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng hợp pháp.

2. Về việc phân chia căn nhà chung và tài sản tích lũy khi chia tay:

Căn cứ Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc giải quyết quan hệ tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn như sau:

- Ưu tiên giải quyết theo thỏa thuận tự nguyện giữa các bên.

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận, tài sản sẽ được giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các quy định pháp luật liên quan.

3. Nguyên tắc xử lý của Tòa án: Đối với căn nhà do hai người cùng góp tiền mua, Tòa án sẽ xác định đây là khối tài sản thuộc sở hữu chung theo phần của các bên. Việc phân chia sẽ căn cứ vào chứng cứ chứng minh nguồn tiền đóng góp thực tế của mỗi người trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản này. Nếu không thỏa thuận được bằng hiện vật, Tòa án sẽ định giá và chia theo giá trị chênh lệch tiền mặt tương ứng với tỷ lệ đóng góp của từng bên.

Tình huống 15. Gia đình anh Phong là người theo đạo Tin Lành. Sau khi kết hôn, anh Phong và gia đình anh liên tục gây áp lực, ép buộc chị Thương phải từ bỏ tín ngưỡng cũ để theo đạo Tin Lành cùng gia đình. Do chị Thương không đồng ý nên giữa hai vợ chồng và gia đình chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bất hòa gay gắt.

Xin hỏi, pháp luật hiện hành quy định như thế nào về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong quan hệ hôn nhân và gia đình? Hành vi ép buộc vợ thay đổi tôn giáo của anh Phong và gia đình có vi phạm pháp luật hay không?

Trả lời:

Hành vi gây áp lực, ép buộc chị Thương phải từ bỏ tín ngưỡng cũ để theo đạo Tin Lành của anh Phong và gia đình là hành vi vi phạm pháp luật.

Căn cứ Điều 22 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ chồng quy định rõ: *"Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau"*.

Kết luận: Tôn giáo và tín ngưỡng là quyền tự do nhân thân gắn liền với mỗi cá nhân công dân được Hiến pháp và pháp luật bảo hộ. Chị Thương có toàn quyền tự do quyết định theo hoặc không theo bất kỳ một tôn giáo nào mà không một cá nhân nào được phép can thiệp hay ép buộc. Việc anh Phong và gia đình áp đặt, ép buộc chị Thương đổi tôn giáo trái ý muốn là trái pháp luật. Chị Thương có quyền yêu cầu chồng chấm dứt hành vi vi phạm, hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền can thiệp để bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng chính đáng của mình.

Tình huống 16. Ông Nghiêm là người ham chơi, thường xuyên rời nhà đi biền biệt vài ngày hoặc vài tuần mà không thông báo lý do hay địa điểm cho gia đình. Gần đây, một nhóm người đã tìm đến nhà đưa ra giấy vay nợ viết tay của ông Nghiêm và yêu cầu gia đình phải thanh toán khoản nợ 35 triệu đồng.

Vì ông Nghiêm hiện không có mặt tại nhà, đồng thời hoàn toàn không biết gì về khoản vay này của chồng nên vợ ông Nghiêm đã từ chối chi trả, cho rằng ai vay thì người đó phải tự có trách nhiệm hoàn trả. Trước thái độ đó, nhóm đòi nợ đã buông lời đe dọa, nếu sau một tuần gia đình không thanh toán nợ thì họ sẽ đến cưỡng đoạt và thu giữ các đồ đạc trong nhà để trừ nợ. Sự việc khiến vợ ông Nghiêm vô cùng hoang mang.

Xin hỏi, trong trường hợp này, vợ ông Nghiêm có phải chịu trách nhiệm liên đới để trả khoản nợ vay riêng của chồng hay không? Đồng thời, hành vi đe dọa thu giữ tài sản trong nhà của nhóm đòi nợ có vi phạm pháp luật không và gia đình cần làm gì để bảo vệ an toàn?

Trả lời:

1. Về nghĩa vụ trả nợ của người vợ:

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng chỉ phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các nghĩa vụ tài sản phát sinh từ giao dịch do hai bên cùng thỏa thuận, giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc phát sinh từ khối tài sản chung. Đối chiếu với tình huống, ông Nghiêm vay số tiền 35 triệu đồng hoàn toàn nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân (sa đà chơi bời), không bàn bạc với vợ và không phục vụ cho nhu cầu thiết yếu hay lợi ích chung của gia đình. Do đó, đây được xác định là khoản nợ riêng của cá nhân ông Nghiêm. Vợ ông Nghiêm không có trách nhiệm liên đới phải chi trả khoản nợ này, ông Nghiêm phải tự dùng tài sản riêng của mình để thanh toán.

2. Về hành vi của nhóm đòi nợ:

Hành vi buông lời đe dọa, ép buộc và đòi đến cưỡng đoạt, thu giữ đồ đạc trong nhà của nhóm đòi nợ là hành vi vi phạm pháp luật hành chính và có dấu hiệu cấu thành tội phạm hình sự (Tội cưỡng đoạt tài sản theo Bộ luật hình sự). Để bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản, bà Nghiêm tuyệt đối không tự ý thỏa hiệp, cần chủ động thu thập chứng cứ (ghi âm lời đe dọa, giấy tờ viết tay) và gửi đơn trình báo, đề nghị cơ quan Công an có thẩm quyền can thiệp, xử lý khẩn cấp.

Tình huống 17. Bà Vy mua vé số và may mắn trúng giải đặc biệt. Sau khi nhận thưởng, bà Vy cho rằng số tiền này thuộc sở hữu riêng của mình vì do cá nhân bà tự mua vé. Ngược lại, người chồng lại khẳng định đây là tài sản chung của hai vợ chồng, bởi khoản tiền thưởng này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do bất đồng quan điểm, giữa hai bên đã nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp gay gắt.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, số tiền trúng xổ số trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung hay tài sản riêng của vợ chồng bà Vy?

Trả lời:

Số tiền trúng thưởng xổ số giải đặc biệt của bà Vy phát sinh trong thời kỳ hôn nhân được pháp luật xác định là tài sản chung hợp nhất của hai vợ chồng.

Căn cứ quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và văn bản hướng dẫn:

- Khoản 1 Điều 33: Tài sản chung của vợ chồng gồm thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và các thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân.

- Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết về các khoản thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: *"Khoản tiền thưởng, tiền trúng thưởng xổ số, tiền trợ cấp..."*.

Kết luận: Mặc dù tấm vé số do cá nhân bà Vy tự bỏ tiền mua, nhưng khoản tiền thưởng phát sinh hoàn toàn nằm trong mốc thời gian tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do đó, theo luật định, khoản tiền này thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu gia đình và mọi quyết định sử dụng, chi tiêu, định đoạt số tiền này bắt buộc phải có sự bàn bạc và đồng thuận của cả hai vợ chồng.

Tình huống 18. Bà Dung được bố mẹ đẻ tặng cho riêng một căn nhà. Do hai vợ chồng đã có chỗ ở ổn định, bà Dung quyết định cho thuê căn nhà này với giá 8 triệu đồng/tháng và tự ý cất giữ toàn bộ số tiền thu được làm quỹ "phòng thân". Nhiều lần yêu cầu vợ góp khoản tiền thuê nhà này vào chi phí sinh hoạt chung của gia đình nhưng bị từ chối, người chồng đành chấp nhận nhưng trong lòng luôn ấm ức, khiến mâu thuẫn gia đình âm ỉ kéo dài.

Vừa qua, khi ngôi nhà chung của hai vợ chồng bị xuống cấp cần sửa chữa, bà Dung nhất quyết không chịu chi khoản tiền tích lũy từ việc cho thuê nhà ra, mà yêu cầu chồng phải đi vay mượn số tiền còn thiếu.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, việc bà Dung tự ý giữ lại toàn bộ số tiền cho thuê nhà để làm của riêng có đúng quy định hay không?

Trả lời:

Việc bà Dung tự ý giữ lại toàn bộ số tiền cho thuê nhà (8 triệu đồng/tháng) để làm quỹ riêng và từ chối đóng góp vào chi phí sửa chữa nhà ở chung là không đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tài sản chung của vợ chồng: Khối tài sản chung bao gồm hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp các bên có văn bản thỏa thuận chia tài sản riêng biệt.

Phân tích tình huống:

- Căn nhà: Được bố mẹ đẻ tặng cho riêng bà Dung, do đó căn nhà là tài sản riêng hợp pháp của bà Dung.

- Tiền cho thuê nhà: Bản chất pháp lý là lợi tức phát sinh từ tài sản riêng nêu trên trong thời kỳ hôn nhân. Do hai vợ chồng không có thỏa thuận khác, khoản tiền cho thuê nhà này đương nhiên cấu thành tài sản chung của vợ chồng.

Kết luận: Bà Dung có nghĩa vụ phải công khai và sử dụng nguồn tiền cho thuê nhà này phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu và sinh hoạt chung của gia đình, bao gồm cả việc sửa chữa ngôi nhà xuống cấp hiện tại của hai vợ chồng.

Tình huống 19. Vợ chồng anh Quang và chị Hạnh đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2020. Đến năm 2022, hai vợ chồng tích lũy và mua được một chiếc xe máy hiệu Honda SH, do chị Hạnh đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy. Vào năm 2025, chị Hạnh đã tự ý bán chiếc xe này cho anh Mạnh mà không bàn bạc hay hỏi ý kiến của chồng.

Sau khi phát hiện sự việc, anh Quang hoàn toàn không đồng ý và khẳng định việc chị Hạnh tự ý định đoạt tài sản chung của gia đình là vi phạm pháp luật, đồng thời yêu cầu anh Mạnh phải hoàn trả lại chiếc xe.

Xin hỏi, giao dịch mua bán xe máy giữa chị Hạnh và anh Mạnh có đúng quy định của pháp luật hay không? Tại sao?

Trả lời:

Giao dịch mua bán xe máy Honda SH giữa chị Hạnh và anh Mạnh là không đúng quy định của pháp luật và bị vô hiệu. Anh Quang hoàn toàn có quyền pháp lý để yêu cầu anh Mạnh phải hoàn trả lại chiếc xe.

Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể như sau:

- Khoản 2 Điều 26: Trường hợp vợ hoặc chồng có tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu tự mình xác lập, thực hiện giao dịch với người thứ ba trái với quy định về đại diện giữa vợ và chồng của Luật này thì giao dịch đó bị vô hiệu.

- Khoản 2 Điều 35: Việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng đối với các loại tài sản: Bất động sản; Động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu.

Kết luận: Chiếc xe máy Honda SH được mua vào năm 2022 (trong thời kỳ hôn nhân) là tài sản chung của vợ chồng anh Quang, chị Hạnh. Xe máy là động sản bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu theo luật định. Do đó, dù chị Hạnh đứng tên trên giấy đăng ký xe, việc chị tự ý bán xe cho anh Mạnh mà không có văn bản đồng ý, thỏa thuận của anh Quang là vi phạm điều cấm, dẫn đến giao dịch mua bán vô hiệu. Anh Mạnh phải trả lại xe và chị Hạnh phải hoàn trả lại tiền cho anh Mạnh.

Tình huống 20. Anh Thiện được bố mẹ đẻ tặng cho riêng một ngôi nhà, và đây hiện là nơi ở duy nhất của hai vợ chồng anh Thiện. Xin hỏi, trong

trường hợp này, khi anh Thiện thực hiện các giao dịch dân sự liên quan đến ngôi nhà (như chuyển nhượng, thế chấp, cho thuê...), anh có bắt buộc phải bàn bạc và được sự đồng ý của người vợ hay không?

Trả lời:

Khi anh Thiện thực hiện các giao dịch dân sự liên quan đến ngôi nhà (chuyển nhượng, thế chấp, cho thuê...), anh Thiện không bắt buộc phải có sự đồng ý về mặt quyền sở hữu của người vợ nhưng bắt buộc phải có nghĩa vụ bảo đảm chỗ ở cho vợ và các con.

Căn cứ Điều 31 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về giao dịch liên quan đến nhà là nơi ở duy nhất của vợ chồng:

Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt các giao dịch liên quan đến nhà là nơi ở duy nhất của vợ chồng phải có sự thỏa thuận của vợ chồng.

Tuy nhiên, trong trường hợp nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ hoặc chồng thì chủ sở hữu có quyền xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản đó nhưng phải bảo đảm chỗ ở cho vợ chồng.

Kết luận: Ngôi nhà có nguồn gốc được bố mẹ đẻ tặng cho riêng anh Thiện nên thuộc sở hữu riêng hợp pháp của anh. Do đây là nơi ở duy nhất của hai vợ chồng, anh Thiện được quyền tự mình thực hiện giao dịch định đoạt (bán, cho thuê) nhưng phán quyết giao dịch đó chỉ hợp pháp nếu anh Thiện chứng minh được đã bố trí, chuẩn bị hoặc sắp xếp được một chỗ ở mới ổn định, phù hợp cho vợ con, không được để họ rơi vào hoàn cảnh không có chỗ ở.

Tình huống 21. Chị Nhi có nguyện vọng mở một cửa hàng kinh doanh quần áo để kiếm thêm thu nhập cho gia đình, nhưng anh Toàn (chồng chị) lại kịch liệt phản đối. Do không đạt được sự đồng thuận, chị Nhi đã đề xuất phân chia một phần khối tài sản chung của hai vợ chồng để có vốn tự lo liệu việc mở cửa hàng. Việc này khiến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng gay gắt do không thống nhất được phương án giải quyết.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, vợ chồng có được phép phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân hay không?

Trả lời:

Theo quy định của pháp luật hiện hành, vợ chồng hoàn toàn được phép phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để phục vụ các mục đích chính đáng.

Căn cứ Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung bằng văn bản (có công chứng).

Trường hợp vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể đạt được thỏa thuận thống nhất, một trong các bên có toàn quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết chia tài sản chung.

Áp dụng vào tình huống: Việc chị Nhi muốn chia một phần tài sản chung để lấy vốn mở cửa hàng kinh doanh quần áo là nhu cầu kinh tế chính đáng. Trước tiên, chị Nhi nên tiếp tục thuyết phục, đàm phán với anh Toàn để lập văn bản thỏa thuận chia tài sản chung có công chứng. Nếu anh Toàn vẫn kịch liệt phản đối và không hợp tác, chị Nhi có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi cư trú giải quyết phân chia khối tài sản chung theo thủ tục luật định.

Tình huống 22. Trong quá trình kinh doanh, chị Hoa gặp thua lỗ dẫn đến việc mắc nợ một số tiền lớn của nhiều cá nhân. Nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ này, vợ chồng chị Hoa đã cố tình lập một văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của hai người (nhằm tẩu tán tài sản sang tên người chồng).

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị Hoa trong trường hợp này có giá trị pháp lý và được pháp luật công nhận hay không?

Trả lời:

Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị Hoa trong trường hợp này hoàn toàn vô hiệu và không có giá trị pháp lý. Văn bản này không được pháp luật công nhận và bảo hộ.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về các trường hợp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu: Việc chia tài sản chung sẽ bị tuyên vô hiệu nếu mục đích phân chia nhằm trốn tránh thực hiện các nghĩa vụ về tài sản sau đây:

- Nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

- Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại.

- Nghĩa vụ thanh toán khi bị Tòa án tuyên bố phá sản.

- Nghĩa vụ trả nợ cho cá nhân, tổ chức.

- Nghĩa vụ nộp thuế hoặc nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước.

Kết luận: Do chị Hoa kinh doanh thua lỗ và đang mắc nợ một số tiền lớn, việc vợ chồng chị cố tình lập văn bản thỏa thuận chia tài sản sang tên chồng bản chất là hành vi tẩu tán tài sản trái pháp luật nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho các chủ nợ. Do đó, các chủ nợ hoàn toàn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận chia tài sản này vô hiệu để tiến hành kê biên, xử lý tài sản thu hồi nợ theo quy định.

Tình huống 23. Trước khi kết hôn, anh Tuấn đi làm và tích lũy được một khối tài sản trị giá 500 triệu đồng. Số tiền này hiện đang được anh Tuấn đem hùn vốn kinh doanh chung với một người bạn, mang lại khoản lợi nhuận trung bình khoảng 10 triệu đồng mỗi tháng. Sang năm tới, anh Tuấn dự định sẽ lập gia đình.

Sau khi kết hôn, anh Tuấn có nguyện vọng tiếp tục giữ toàn bộ số vốn 500 triệu đồng nêu trên làm tài sản riêng của mình thì có được hay không? Đồng thời, các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản riêng của vợ hoặc chồng được pháp luật hiện hành quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

1. Về quyền tiếp tục giữ khối tài sản làm tài sản riêng:

Sau khi kết hôn, anh Tuấn hoàn toàn có quyền tiếp tục giữ khối tài sản 500 triệu đồng nêu trên làm tài sản riêng của mình mà không bắt buộc phải gộp vào tài sản chung. Căn cứ Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tài sản riêng của vợ, chồng bao gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn. Do đó, khoản vốn 500 triệu đồng anh Tuấn tích lũy trước hôn nhân mặc nhiên là tài sản riêng của anh. Việc nhập hay không nhập số tiền này vào tài sản chung hoàn toàn do anh Tuấn tự quyết định.

2. Quy định về quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng:

Căn cứ Điều 44 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quyền tài sản đối với tài sản riêng được quy định cụ thể như sau:

Vợ, chồng có toàn quyền tự mình chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng; tự quản lý hoặc ủy quyền cho người khác quản lý.

Các nghĩa vụ riêng về tài sản của mỗi người (nếu có) sẽ được trích thanh toán từ chính tài sản riêng của người đó.

Tình huống 24: Anh Sang và chị Vui đã kết hôn được 08 năm và có với nhau 02 con chung. Vừa qua, do phát hiện chị Vui có hành vi ngoại tình, anh Sang đã chủ động nộp đơn khởi kiện xin ly hôn ra Tòa án. Trong thời gian chờ Tòa án nhân dân giải quyết thủ tục ly hôn, anh Sang mua vé số và may mắn trúng thưởng số tiền 500 triệu đồng.

Anh Sang cho rằng khoản tiền trúng thưởng này do cá nhân anh mua trong giai đoạn hai vợ chồng đã ly thân và đang chờ Tòa án phân xử nên phải là tài sản riêng của anh, không được tính vào khối tài sản chung khi ly hôn. Ngược lại, chị Vui không đồng ý và yêu cầu phải phân chia khoản tiền này.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, số tiền trúng thưởng phát sinh trong thời gian chờ Tòa án giải quyết ly hôn có được xác định là tài sản chung của vợ chồng anh Sang và chị Vui hay không?

Trả lời:

Khoản tiền trúng thưởng xổ số 500 triệu đồng phát sinh trong thời gian chờ Tòa án giải quyết thủ tục ly hôn vẫn được xác định là tài sản chung của vợ chồng anh Sang và chị Vui.

Căn cứ các quy định pháp luật cụ thể như sau: Khoản 13 và 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Thời kỳ hôn nhân được tính từ ngày đăng ký kết

hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân. Ly hôn chỉ chính thức có hiệu lực pháp lý kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP: Khoản tiền trúng thưởng xổ số phát sinh trong thời kỳ hôn nhân được tính là thu nhập hợp pháp khác và thuộc khối tài sản chung của vợ chồng.

Kết luận: Tại thời điểm anh Sang trúng thưởng số tiền 500 triệu đồng, Tòa án nhân dân mới đang trong giai đoạn thụ lý, xem xét đơn xin ly hôn, chưa ra bản án/quyết định ly hôn có hiệu lực. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Sang và chị Vui về mặt pháp lý vẫn đang tồn tại. Khoản tiền trúng số này mặc nhiên là tài sản chung và phải được đưa vào danh mục tài sản phân chia khi ly hôn theo nguyên tắc chung của luật định.

Tình huống 25: Anh Hậu và chị Khánh kết hôn từ năm 2011, có một người con chung là cháu Minh (14 tuổi). Vào năm 2025, nhờ thành tích đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh, cháu Minh được bà nội tặng cho một chiếc xe máy hiệu Honda SH, với điều kiện chỉ được sử dụng khi đã có bằng lái xe hợp pháp.

Nhận thấy chiếc xe hiện tại bỏ không chưa dùng đến, anh Hậu đã bàn bạc và đạt được sự thống nhất với cháu Minh về việc bán xe lấy tiền chi tiêu cho sinh hoạt chung của gia đình. Biết chuyện, chị Khánh kịch liệt phản đối vì muốn giữ lại chiếc xe làm phương tiện đi lại cho cháu Minh sau này.

Trước sự bất đồng này, anh Hậu cho rằng vì chiếc xe do chính mẹ đẻ của anh (bà nội cháu Minh) mua tặng, nên việc bán xe chỉ cần có sự đồng ý của anh và cháu M là được. Ngược lại, chị Khánh khẳng định vì cháu Minh mới 14 tuổi (chưa thành niên) nên mọi giao dịch định đoạt tài sản riêng của con bắt buộc phải có sự đồng ý của cả cha lẫn mẹ.

Xin hỏi, trong trường hợp này, việc bán chiếc xe máy của cháu Minh có bắt buộc phải được sự đồng ý của cả bố (anh Hậu) và mẹ (chị Khánh) hay không? Tại sao?

Trả lời:

Trong trường hợp này, việc bán chiếc xe máy Honda SH (tài sản riêng của cháu Minh) bắt buộc phải có sự đồng ý và thỏa thuận nhất quán của cả người bố (anh Hậu) và người mẹ (chị Khánh). Khẳng định của anh Hậu cho rằng chỉ cần anh và con đồng ý là hoàn toàn sai quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 73 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về đại diện theo pháp luật của con:

- Khoản 1: Cha mẹ là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên. Cháu Minh mới 14 tuổi nên thuộc nhóm đối tượng chưa thành niên.

- Khoản 3: Đối với giao dịch liên quan đến tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng của con chưa thành niên thì phải có sự thỏa thuận của cả cha và mẹ.

Kết luận: Xe máy Honda SH là động sản bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu với cơ quan có thẩm quyền. Do đó, dù chiếc xe là tài sản riêng do bà nội tặng cho cháu Minh, việc bán xe định đoạt tài sản của con chưa thành niên bắt buộc phải có sự ký tên, đồng thuận của cả anh Hậu và chị Khánh. Anh Hậu không có quyền tự ý cùng con bán xe khi chị Khánh kịch liệt phản đối.

Tình huống 26: Anh Phương và chị Lan kết hôn hợp pháp vào năm 2024 và đón con đầu lòng là cháu Nguyên vào một năm sau đó. Dù thời gian đầu cuộc sống hôn nhân khá hạnh phúc, nhưng về sau hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh Phương có mối quan hệ bất chính bên ngoài, đồng thời thường xuyên có hành vi bạo lực, đánh đập vợ con.

Không thể tiếp tục chịu đựng, chị Lan đã chủ động đề xuất ly hôn khi cháu Nguyên mới tròn 12 tháng tuổi. Tuy nhiên, anh Phương kịch liệt phản đối, không đồng ý ly hôn và đe dọa rằng nếu ra Tòa, chị Lan sẽ hoàn toàn không có quyền được nuôi con.

Xin hỏi, pháp luật hiện hành quy định như thế nào về việc giao con cho cha mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn? Trong trường hợp cụ thể này, nếu ly hôn thì chị Lan có được quyền trực tiếp nuôi nấng cháu Nguyên hay không?

Trả lời:

Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*.

Áp dụng vào tình huống: Cháu Nguyên hiện tại mới tròn 12 tháng tuổi (thuộc nhóm đối tượng trẻ em dưới 36 tháng tuổi). Do đó, trong trường hợp chị Lan và anh Phương ra Tòa ly hôn mà không thể đạt được thỏa thuận về quyền nuôi con, Tòa án nhân dân sẽ ra phán quyết giao cháu Nguyên cho người mẹ (chị Lan) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Quyền này chỉ bị thay đổi nếu anh Phương chứng minh được trước Tòa rằng chị Lan hoàn toàn không đủ điều kiện về sức khỏe, kinh tế hoặc năng lực hành vi để nuôi dưỡng con, hoặc hai bên có thỏa thuận khác. Việc anh Phương đe dọa tước quyền nuôi con của chị Lan là hoàn toàn không phù hợp với quy định pháp luật.

Tình huống 27: Chị Hạnh và anh Long kết hôn được 10 năm, có một con chung là cháu Phong (06 tuổi). Một năm trước, do phát hiện chị Hạnh có mối quan hệ bất chính bên ngoài, anh Long đã nộp đơn và được Tòa án nhân

dân giải quyết cho ly hôn. Sau khi ly hôn, theo phán quyết của Tòa án, cháu Phong được giao cho anh Long trực tiếp nuôi dưỡng; chị Hạnh sau đó đã kết hôn với anh Qúi và chuyển về sinh sống tại nhà chồng mới.

Vì thương nhớ và mong muốn được chăm sóc con, chị Hạnh đã nhiều lần tìm đến nhà anh Long để thăm cháu Phong. Tuy nhiên, anh Long kịch liệt phản đối, tuyệt đối không cho chị Hạnh gặp con, đồng thời nghiêm cấm cháu Phong không được tiếp xúc với mẹ. Lý do anh Long đưa ra là vì chị Hạnh đã ngoại tình, phá vỡ hạnh phúc gia đình nên không còn tư cách làm mẹ.

Xin hỏi, hành vi nghiêm cấm, cản trở chị Hạnh gặp gỡ và chăm sóc con của anh Long là đúng hay sai theo quy định của pháp luật? Tại sao?

Trả lời:

Hành vi nghiêm cấm, cản trở chị Hạnh gặp gỡ, tiếp xúc và thăm nom cháu Phong của anh Long là hoàn toàn sai và vi phạm pháp luật. Lý do anh Long đưa ra về tư cách đạo đức để cấm đoán là không có giá trị pháp lý.

Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở"*.

Kết luận: Việc chị Hạnh có hành vi vi phạm nghĩa vụ chung thủy vợ chồng (ngoại tình) dẫn đến ly hôn là căn cứ để Tòa án xem xét quyền nuôi con nhưng không làm chấm dứt quyền nhân thân làm mẹ của chị đối với cháu Phong. Chị Hạnh có quyền hợp pháp được thăm nom con đẻ của mình. Anh Long có nghĩa vụ phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị Hạnh thực hiện quyền này. Nếu chị Hạnh lạm dụng việc thăm nom để phá hoại việc nuôi dưỡng hoặc gây ảnh hưởng xấu đến cháu Phong, anh Long phải làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom chứ tuyệt đối không được tự ý cấm đoán.

Tình huống 28. Người yêu của Hạnh hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và có tính cách khá ưa mạo hiểm. Trong quá khứ, anh đã từng phải bán sạch toàn bộ tài sản cá nhân để chi trả các khoản nợ do làm ăn thua lỗ. Sắp tới, hai người dự định sẽ tiến tới hôn nhân. Tuy nhiên, vì vẫn luôn bị ám ảnh bởi câu chuyện phá sản trước đây của người yêu, Hạnh mong muốn lập một văn bản thỏa thuận rõ ràng về chế độ tài sản giữa hai người trước khi chính thức kết hôn để phòng ngừa rủi ro.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, Hạnh có quyền thiết lập thỏa thuận về chế độ tài sản trước khi kết hôn hay không? Pháp luật quy định cụ thể về vấn đề này như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của pháp luật hiện hành, chị Hạnh hoàn toàn có quyền thiết lập văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản giữa hai người trước khi chính thức kết hôn để phòng ngừa rủi ro tài chính.

Căn cứ Điều 47 và Điều 48 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thủ tục và nội dung quy định cụ thể như sau:

1. Về điều kiện hình thức và thời điểm xác lập:

Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng phải được lập trước khi đăng ký kết hôn.

Văn bản này bắt buộc phải thực hiện thủ tục công chứng tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Chế độ tài sản theo thỏa thuận sẽ chính thức có hiệu lực kể từ ngày hai bên hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

2. Về nội dung cơ bản của văn bản thỏa thuận:

Vợ chồng có thể tự do thỏa thuận các nội dung bao gồm:

- Xác định rõ danh mục tài sản nào là tài sản chung, tài sản nào thuộc sở hữu riêng của mỗi bên (đặc biệt phân định rõ tài sản kinh doanh, nợ phát sinh).

- Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với việc quản lý, chiếm hữu, sử dụng và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản.

- Các điều kiện, thủ tục và nguyên tắc phân chia tài sản trong trường hợp chế độ tài sản bị chấm dứt hoặc khi ly hôn.

Tình huống 29. Năm 2024, chị Tuyền kết hôn cùng anh Hải và chuyển về chung sống với gia đình nhà chồng. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu diễn ra êm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, sóng gió bắt đầu phát sinh khi chị Tuyền bàng hoàng phát hiện anh Hải vẫn âm thầm qua lại bất chính với người yêu cũ, thậm chí giữa hai người họ đã có một đứa con chung.

Quyết định không tha thứ cho sự phản bội và lừa dối này, chị Tuyền có nguyện vọng muốn đơn phương ly hôn. Dù vậy, chị vẫn đang gặp vướng mắc và chưa rõ các quyền lợi về tài sản của mình sẽ được phân chia như thế nào sau khi đường ai nấy đi.

Xin hỏi, pháp luật hiện hành quy định như thế nào về các nguyên tắc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi giải quyết thủ tục ly hôn?

Trả lời:

Căn cứ Điều 59 và Điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nguyên tắc giải quyết tài sản chung khi ly hôn trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng được thực hiện cụ thể như sau:

1. Đối với phần tài sản nằm trong khối tài sản chung của gia đình:

Nếu tài sản của vợ chồng trong khối tài sản của gia đình không xác định được, vợ chồng được chia một phần tương ứng căn cứ vào công sức đóng góp vào

việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như đời sống chung của gia đình. Việc phân chia do vợ chồng thỏa thuận với gia đình, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu tài sản của vợ chồng có thể xác định riêng biệt theo phần rõ ràng, phần tài sản đó sẽ được trích ra để chia theo nguyên tắc chia tài sản chung vợ chồng.

2. Nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng (Khoản 2 Điều 59): Tài sản chung về nguyên tắc sẽ được chia đôi, nhưng Tòa án sẽ cân nhắc, đánh giá kỹ các yếu tố sau để quyết định tỷ lệ dịch chuyển tài sản:

- Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng.

- Công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung (Lao động nội trợ trong gia đình được tính là lao động có thu nhập).

- Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập.

- Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (Trong trường hợp này, hành vi ngoại tình, âm thầm có con riêng của anh Hải là một lỗi nghiêm trọng xâm phạm nghĩa vụ chung thủy, sẽ là căn cứ bất lợi cho anh Hải khi Tòa án xem xét chia tài sản).

Tình huống 30. Vào năm 2015, sau 5 năm tích lũy và tiết kiệm, anh Tính tự mình mua được một ngôi nhà cấp 4 (được xác định là tài sản riêng trước hôn nhân). Đến đầu năm 2020, anh Tính kết hôn hợp pháp với chị Dung. Sau khi đón con đầu lòng là cháu Minh, do nhu cầu về chỗ ở tăng lên, hai vợ chồng đã xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền để tiến hành cải tạo, sửa chữa và nâng cấp diện tích ngôi nhà nêu trên từ nguồn thu nhập tích lũy chung.

Vừa qua, do phát hiện chị Dung có hành vi ngoại tình, anh Tính đã chủ động yêu cầu ly hôn. Về việc nuôi dưỡng con chung, hai bên đạt được đồng thuận giao cháu Minh cho anh Tính trực tiếp chăm sóc, chị Dung có nghĩa vụ cấp dưỡng 1 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, tranh chấp gay gắt đã phát sinh khi phân chia tài sản: Chị Dung không có nhu cầu nhận hiện vật nên yêu cầu anh Tính phải định giá lại toàn bộ ngôi nhà để chia đôi bằng tiền. Anh Tính kịch liệt phản đối vì khẳng định ngôi nhà này do anh tự mua từ trước khi kết hôn nên hoàn toàn thuộc sở hữu riêng của mình.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đối với ngôi nhà (tài sản đã được sửa chữa, tôn tạo trong thời kỳ hôn nhân) được xác định như thế nào khi ly hôn?

Trả lời:

Căn cứ khoản 2, 3, 4 Điều 59 và Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quyền và lợi ích hợp pháp của anh Tính và chị Dung đối với ngôi nhà được phân định theo các kịch bản pháp lý sau:

Trường hợp 1 (Ngôi nhà vẫn là tài sản riêng): Nếu trong suốt thời kỳ hôn nhân, anh Tính chỉ đưa căn nhà vào sử dụng chung mà không làm thủ tục nhập tài sản riêng vào tài sản chung (không ký tên chung trên Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất), thì ngôi nhà này vẫn thuộc sở hữu riêng của anh Tính khi ly hôn. Yêu cầu đòi chia đôi ngôi nhà của chị Dung là không có căn cứ. Tuy nhiên, do hai vợ chồng đã dùng nguồn thu nhập tích lũy chung để cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà , anh Tính có nghĩa vụ phải thanh toán lại bằng tiền cho chị Dung một phần giá trị tương ứng với công sức đóng góp của chị trong việc tôn tạo, nâng cấp ngôi nhà đó.

Trường hợp 2 (Ngôi nhà đã thành tài sản chung): Nếu anh Tính đã tự nguyện làm thủ tục nhập ngôi nhà vào khối tài sản chung (thể hiện qua việc cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận hoặc có văn bản thỏa thuận hợp pháp), thì căn nhà thuộc sở hữu chung hợp nhất. Việc phân chia diện tích hoặc giá trị ngôi nhà lúc này sẽ áp dụng theo nguyên tắc chia đôi có tính đến công sức đóng góp và yếu tố lỗi ngoại tình của chị Dung.

Về quyền lưu cư: Nếu chị Dung gặp khó khăn về chỗ ở sau khi ly hôn, chị Dung có quyền pháp lý được lưu cư (tiếp tục ở lại ngôi nhà này) trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật để tìm kiếm chỗ ở mới.

Tình huống 31. Chị Linh và anh Vũ kết hôn hợp pháp vào năm 2023. Đến đầu năm 2025, khi đang mang thai ở tháng thứ 4, chị Linh bàng hoàng phát hiện chồng mình có hành vi ngoại tình, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đáng nói, khi bị vợ phát hiện, anh Vũ không những không hối cải mà còn công khai mối quan hệ này, đồng thời chủ động làm đơn đơn phương ly hôn với chị Linh.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, người chồng có quyền yêu cầu ly hôn khi người vợ đang trong giai đoạn mang thai hay không? Tòa án sẽ giải quyết trường hợp này như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của pháp luật hiện hành, người chồng hoàn toàn không có quyền yêu cầu đơn phương ly hôn trong giai đoạn người vợ đang mang thai.

Căn cứ khoản 3 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn: *"Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi"*.

Cách thức giải quyết của Tòa án: Quy định này mang tính chất bắt buộc, nhằm mục đích bảo vệ tuyệt đối sức khỏe thai sản của người phụ nữ và sự phát triển của thai nhi. Do đó, khi anh Vũ nộp đơn đơn phương xin ly hôn lên Tòa án nhân dân trong bối cảnh chị Linh đang mang thai ở tháng thứ 4, Tòa án sẽ xem xét hồ sơ và ra quyết định trả lại đơn khởi kiện, từ chối thụ lý vụ án. Quyền đơn phương ly hôn của anh Vũ chỉ được khôi phục sau khi chị Linh sinh con và đứa

trẻ đã đủ từ 12 tháng tuổi trở lên. (Lưu ý: Quyền nộp đơn ly hôn trong giai đoạn này chỉ thuộc về người vợ).

Tình huống 32. Dù đã lập gia đình, anh Thịnh vẫn chấp nhận và đáp lại tình cảm của chị Loan khi biết chị có lòng yêu mến mình. Sau một thời gian bí mật hẹn hò, chị Loan mang thai và sinh được một người con chung là cháu Hiếu. Lúc này, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho con, chị Loan đã yêu cầu anh Thịnh chủ động làm các thủ tục pháp lý nhận cháu Hiếu là con đẻ. Tuy nhiên, anh Thịnh thẳng thừng từ chối với lý do bản thân đã có vợ hợp pháp, và vì vợ anh không đồng ý nên anh không thể thực hiện việc nhận con.

Xin hỏi, trong trường hợp anh Thịnh cố tình không tự nguyện nhận con, chị Loan có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết yêu cầu xác định anh Thịnh là cha đẻ của cháu Hiếu? Ngược lại, nếu anh Thịnh muốn nhận con nhưng người vợ hợp pháp của anh không đồng ý, thì anh Thịnh có quyền tự mình yêu cầu cơ quan chức năng xác định cháu Hiếu là con đẻ của mình hay không?

Trả lời:

1. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu xác định cha đẻ cho cháu Hiếu:

Căn cứ Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con:

Do anh Thịnh cố tình không tự nguyện nhận con, vụ việc phát sinh tình trạng tranh chấp về quan hệ nhân thân.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 101, Tòa án nhân dân khu vực nơi anh Thịnh cư trú là cơ quan duy nhất có thẩm quyền thụ lý và giải quyết đơn yêu cầu xác định anh Thịnh là cha đẻ của cháu Hiếu dựa trên các chứng cứ sinh học (kết quả xét nghiệm ADN) do chị Loan cung cấp.

2. Quyền tự mình yêu cầu xác định con đẻ của anh Thịnh khi người vợ hợp pháp không đồng ý:

Anh Thịnh hoàn toàn có quyền tự mình yêu cầu cơ quan chức năng xác định cháu Hiếu là con đẻ của mình mà không cần phải có sự đồng ý của người vợ hợp pháp. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cụ thể về quyền nhận con: *"Trong trường hợp người đang có vợ, chồng mà nhận con thì việc nhận con không cần phải có sự đồng ý của người kia"*. Do đó, sự phản đối của người vợ hợp pháp không gây ảnh hưởng đến quyền và thủ tục nhận con hợp pháp của anh Thịnh.

Tình huống 33. Chị Xinh có một người con gái lớn tên Yến đã lập gia đình và ra ở riêng. Vào năm 43 tuổi, chị Xinh sinh thêm một người con muộn là cháu Nghi. Thật không may, khi cháu Nghi vừa tròn 5 tuổi, cả hai vợ chồng chị Xinh đều đột ngột qua đời sau một vụ tai nạn giao thông thảm khốc.

Trước hoàn cảnh đáng thương của em trai, chị Yến đã đón cháu Nghi về nhà để chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tuy nhiên, điều kiện kinh tế của vợ chồng chị Yến vốn rất khó khăn và eo hẹp. Chồng chị Yến cho rằng, về mặt nghĩa vụ, trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Nghi thuộc về ông bà nội hoặc ông bà ngoại của cháu, do đó anh có ý định gửi cháu N sang nhà ông bà nội cư trú. Chị Yến hoàn toàn không đồng ý với phương án này và mong muốn tự mình chăm sóc em.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, khi cha mẹ đều đã mất và con còn nhỏ, ai là người có trách nhiệm chính trong việc giám hộ và nuôi dưỡng cháu Nghi?

Trả lời:

Căn cứ các điều quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khi cả cha và mẹ đều đã đột ngột qua đời, trách nhiệm và nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Nghi (5 tuổi) được phân định theo thứ tự ưu tiên pháp lý chặt chẽ như sau:

- Ưu tiên thứ nhất - Trách nhiệm của anh, chị, em (Điều 105): Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ. Do đó, chị Yến với tư cách là chị ruột là người có trách nhiệm pháp lý hàng đầu và chính thức trong việc nhận giám hộ, chăm sóc, nuôi dưỡng em trai. Ý định đùn đẩy trách nhiệm sang cho ông bà của người chồng chị Yến là hoàn toàn sai quy định.

- Ưu tiên thứ hai - Trách nhiệm của ông bà nội, ông bà ngoại (Khoản 1 Điều 104): Nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu của ông bà nội, ông ngoại chỉ đặt ra khi đứa trẻ chưa thành niên mà không có người nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 105 (tức là không có anh, chị, em ruột nuôi dưỡng hoặc họ không đủ điều kiện).

Kết luận: Việc chị Yến chủ động đón cháu Nghi về nuôi dưỡng là hoàn toàn đúng bổn phận đạo lý và tuân thủ tuyệt đối quy định pháp luật. Chồng chị Yến nên cùng vợ thực hiện trách nhiệm gia đình này.

Tình huống 34. Anh Đông và chị Hà kết hôn đã được 5 năm nhưng chưa có con. Sau khi áp dụng các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản lâm sàng nhưng không thành công, bác sĩ chuyên khoa đã kết luận chị Hà hoàn toàn không có khả năng mang thai. Qua sự giới thiệu của người quen, hai vợ chồng gặp gỡ cô Sương (hiện là sinh viên đại học năm thứ tư), người đang cần một khoản tài chính lớn để giải quyết hoàn cảnh khó khăn của gia đình.

Sau khi thương lượng, vợ chồng chị Hà đã thống nhất thuê cô S mang thai hộ bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm (IVF) với mức giá thỏa thuận là 500 triệu đồng. Tuy nhiên, ngay sau khi cô Sương nhận trước khoản tiền đặt cọc 100 triệu đồng thì sự việc bị gia đình phát hiện và can thiệp ngăn chặn.

Xin hỏi, trong trường hợp này, hành vi mang thai hộ giữa các bên có vi phạm pháp luật hay không? Nếu có, các biện pháp xử lý được pháp luật hiện hành quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

1. Về tính hợp pháp của hành vi mang thai hộ trong tình huống:

Hành vi thỏa thuận thuê cô Sương mang thai hộ với mức giá 500 triệu đồng của vợ chồng chị Hà là vi phạm pháp luật và bị nghiêm cấm. Căn cứ khoản 23 Điều 3 và điểm g khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, pháp luật nghiêm cấm tuyệt đối hành vi mang thai hộ vì mục đích thương mại (việc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản mang thai cho người khác để được hưởng lợi về kinh tế). Giao dịch dân sự này bị vô hiệu, cô Sương có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đặt cọc 100 triệu đồng đã nhận và thỏa thuận bị hủy bỏ hoàn toàn.

2. Các biện pháp và chế tài xử lý theo pháp luật hiện hành:

Căn cứ Điều 63 Nghị định số 109/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, hành vi mang thai hộ vì mục đích thương mại sẽ bị xử lý cụ thể như sau:

- Xử phạt tiền: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các chủ thể thực hiện hành vi mang thai hộ vì mục đích thương mại *(áp dụng đối với cả bên thuê và bên nhận mang thai hộ)*.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Giải pháp hợp pháp: Vợ chồng chị Hà chỉ được phép thực hiện việc nhờ người mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phi thương mại và người được nhờ mang thai hộ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện nghiêm ngặt về quan hệ họ hàng thân thích theo quy định tại Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tình huống 35. Mỗi tối sau khi uống rượu say, anh Quảng thường xuyên lớn tiếng mắng chửi con cái, thậm chí có hành vi vũ phu, đánh đập vợ con dã man. Thấy hoàn cảnh đáng thương, bà Linh là hàng xóm cạnh nhà đã thường xuyên sang động viên, tâm sự và hỗ trợ, giúp đỡ vợ của anh Quảng.

Biết được sự can thiệp này, anh Quảng đã nảy sinh thái độ thù hằn, liên tục có hành vi đe dọa, thậm chí có lần còn suýt hành hung bà Linh.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi đe dọa và suýt đánh người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình của anh Quảng đối với bà Linh có thuộc nhóm các hành vi bị nghiêm cấm hay không?

Trả lời:

Hành vi nảy sinh thái độ thù hằn, liên tục đe dọa và suýt hành hung bà Linh (người hàng xóm đã có hành động giúp đỡ vợ con anh Quảng) của anh Quảng thuộc nhóm các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm tuyệt đối.

Căn cứ khoản 4 Điều 5 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, quy định nghiêm cấm thực hiện hành vi sau đây: *"Trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ người bị bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, tố giác, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình"*.

Kết luận: Việc bà Linh sang động viên, can thiệp hỗ trợ nạn nhân bị bạo hành là thực hiện trách nhiệm công dân theo đúng tinh thần của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Hành vi đe dọa trả thù của anh Quảng không chỉ vi phạm đạo đức xã hội mà còn cấu thành hành vi vi phạm pháp luật bạo lực gia đình. Tùy thuộc vào tính chất và hậu quả thực tế của hành vi đe dọa, anh Quảng sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính bạo lực gia đình hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đe dọa giết người hoặc cố ý gây thương tích nếu có hành động hành hung thực tế.

Tình huống 36. Dù biết rõ con trai mình thường xuyên mắng chửi, thậm chí nhiều lần bạo lực, đánh đập con dâu (nhất là trong giai đoạn con dâu mới sinh con, sức khỏe yếu nên chưa thể đi làm kiếm thu nhập), bà Vui là mẹ chồng vẫn giữ thái độ thờ ơ, im lặng và không hề can thiệp. Đỉnh điểm, trong một bữa cơm gia đình, chỉ vì bất đồng ý kiến với chồng, cô con dâu đã bị anh này bê cả mâm cơm ném thẳng vào đầu.

Chứng kiến sự việc, bà Phương là hàng xóm đã thẳng thắn khuyên can và nhắc nhở bà Vui. Bà Phương cho rằng, với tư cách là mẹ và là thành viên gia đình, bà Vui có trách nhiệm phải giáo huấn con trai mình, chủ động đứng ra hòa giải mâu thuẫn và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

Xin hỏi, ý kiến của bà Phương đối với bà Vui có chính xác hay không? Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hiện hành quy định như thế nào về trách nhiệm của cá nhân và gia đình trong trường hợp này?

Trả lời:

Ý kiến nhắc nhở của bà Phương đối với bà Vui là hoàn toàn chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Thái độ thờ ơ, im lặng không can thiệp của bà Vui khi chứng kiến con trai bạo hành nghiêm trọng con dâu là hành vi vi phạm trách nhiệm thành viên gia đình.

Căn cứ Điều 11 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định về trách nhiệm của thành viên gia đình trong phòng, chống bạo lực gia đình, bà Vui có nghĩa vụ phải thực hiện các trách nhiệm sau:

- Giáo dục, nhắc nhở thành viên gia đình (con trai) thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới.

- Chủ động đứng ra hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên để ngăn chặn bạo lực. Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt ngay hành vi bạo lực; đồng thời tham gia chăm sóc người bị bạo lực gia đình.

Do đó, bà Vui không được phép xem đây là "chuyện riêng của các con" mà phải có nghĩa vụ can ngăn con trai, bảo vệ con dâu để duy trì trật tự và an toàn trong gia đình.

Tình huống 37. Biết người vợ nhà hàng xóm thường xuyên bị chồng bạo hành và đánh đập, chị Xoan thường chủ động đứng ra giúp đỡ, che chở và hỗ trợ kịp thời mỗi khi nạn nhân cần. Tuy nhiên, chồng chị Xoan lại tỏ ra không hài lòng với việc làm này. Anh cho rằng vợ mình đang làm việc "bao đồng", tự ý can thiệp vào chuyện nội bộ của gia đình người khác và có thể rước họa vào thân.

Xin hỏi, theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hiện hành, quan điểm của chồng chị Xoan là đúng hay sai?

Trả lời:

Quan điểm của chồng chị X cho rằng vợ mình đang làm việc "bao đồng" và cấm đoán chị giúp đỡ nạn nhân bị bạo hành là hoàn toàn sai, đi ngược lại với tinh thần pháp luật. Hành động che chở, hỗ trợ kịp thời của chị Xoan là việc làm đúng đắn, đáng biểu dương.

Căn cứ quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, cá nhân khi phát hiện hành vi bạo lực gia đình không được thờ ơ mà có trách nhiệm và nghĩa vụ công dân cụ thể như sau:

- Kịp thời báo tin, tố giác ngay cho cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tại địa phương để can thiệp xử lý.

- Chủ động tham gia bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình và tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng dân cư.

Do đó, việc chị Xoan giúp đỡ người phụ nữ hàng xóm lánh nạn, bảo vệ sức khỏe, tính mạng cho nạn nhân là đang thực thi đúng nghĩa vụ công dân theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Tình huống 38. Mỗi khi thấy vợ đi làm về muộn, người em trai của chị Tiên lại tỏ ra bực bội, ghen tuông vô cớ, rồi dẫn đến hành vi gây sự, mắng chửi và đánh đập vợ mình thậm tệ. Chứng kiến sự việc, chị Tiên đã nhiều lần chủ động khuyên can, đứng ra can thiệp để dàn hòa mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Tuy nhiên, người em trai không những không hối cải mà còn to tiếng thách thức: *"Việc vợ em thì để em dạy, chị là người ngoài đừng có can thiệp vào".*

Xin hỏi:

- Lời nói và quan điểm của người em trai chị Tiên trong trường hợp này có đúng với quy định của pháp luật hay không?

- Việc hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên do gia đình, dòng họ tiến hành được pháp luật hiện hành quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

1. Lời nói và quan điểm của người em trai chị Tiên:

Lời nói và thái độ thách thức của người em trai cho rằng chị Tiên là "người ngoài" không được can thiệp là hoàn toàn sai và vi phạm pháp luật. Hành vi ghen tuông vô cớ dẫn đến mắng chửi, đánh đập vợ thậm tệ của người em trai cấu thành hành vi bạo lực gia đình bị pháp luật nghiêm cấm.

2. Quy định pháp luật về việc hòa giải mâu thuẫn của gia đình, dòng họ:

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, pháp luật ghi nhận và quy định rõ: Thành viên gia đình, dòng họ có trách nhiệm chủ động đứng ra hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên nhằm mục đích phòng ngừa hành vi bạo lực gia đình phát sinh hoặc tái diễn.

Do đó, chị Tiên với tư cách là chị gái trong gia đình hoàn toàn có quyền và trách nhiệm khuyên bảo, can thiệp dàn hòa mâu thuẫn vợ chồng của em trai.

Tình huống 39. Anh Tín và chị Hằng là hai vợ chồng và hiện đang cùng công tác tại một công ty. Trong đời sống hàng ngày, anh Tín là người có tính cách gia trưởng, hay ghen tuông vô cớ. Mỗi khi chị Hằng đi làm về muộn hoặc có công việc phải ra khỏi nhà, anh Tín luôn dò hỏi, tra xét một cách gắt gao, gây ra sự ức chế và áp lực nặng nề cho vợ. Mỗi lần hai bên phát sinh cãi vã, anh Tín thường cố tình lớn tiếng để bôi nhọ, cho hàng xóm xung quanh cùng nghe thấy.

Do không thể tiếp tục chịu đựng cách cư xử của chồng, chị Hằng đã chủ động dọn về nhà bố mẹ đẻ để lánh mặt. Tuy nhiên, anh Tín vẫn không dừng lại mà tiếp tục viết thư nặc danh gửi đến Ban lãnh đạo công ty, đồng thời photo và phát tán rộng rãi các lá thư này trong nội bộ cơ quan nhằm bôi nhọ, hạ thấp danh dự và nhân phẩm của chị Hằng.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, các hành vi nêu trên của anh Tín có cấu thành hành vi bạo lực gia đình hay không? Những hành vi này sẽ bị pháp luật xử lý cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Hành vi cố tình lớn tiếng nói xấu vợ để hàng xóm nghe thấy, viết thư nặc danh gửi ban lãnh đạo công ty, photo phát tán tài liệu trong nội bộ cơ quan nhằm bôi nhọ, hạ thấp danh dự, nhân phẩm của chị Hằng do anh Tín thực hiện cấu thành hành vi bạo lực gia đình về xúc phạm danh dự, nhân phẩm của thành viên trong gia đình.

Căn cứ Điều 39 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình, anh Tín sẽ bị áp dụng các chế tài xử lý cụ thể như sau:

- Phạt tiền về hành vi phát tán thông tin bôi nhọ: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ hoặc phát tán thông tin, tài liệu về đời sống riêng tư nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình.

- Biện pháp khắc phục hậu quả buộc áp dụng: Buộc thu hồi toàn bộ tư liệu, tài liệu, thư từ nặc danh đã phát tán trái phép; buộc phải thực hiện xin lỗi công khai chị Hằng tại nơi làm việc (công ty) hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng nếu chị Hằng có yêu cầu.

Lưu ý pháp lý nâng cao: Nếu hành vi phát tán thư nặc danh gây ra hậu quả cực kỳ nghiêm trọng đến tâm lý, làm ảnh hưởng trực tiếp đến công việc, vị trí công tác của chị Hằng, anh Tín có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về "Tội làm nhục người khác" hoặc "Tội vu khống" theo quy định tại Điều 155, 156 Bộ luật Hình sự.

Tình huống 40. Chứng kiến cảnh chị Thy bị chồng bạo hành và đánh đập dã man, bà Duyên đã chủ động dùng điện thoại quay phim lại toàn bộ sự việc. Tuy nhiên, thay vì gửi bằng chứng này đến cơ quan chức năng để hỗ trợ xử lý hành vi bạo lực gia đình, bà Duyên lại đăng tải đoạn video lên nền tảng mạng xã hội TikTok nhằm mục đích "câu like" và thu hút sự chú ý của dư luận.

Xin hỏi, theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hiện hành, việc sử dụng âm thanh, hình ảnh liên quan đến hành vi bạo lực gia đình của bà Duyên như trên được quy định như thế nào? Hành vi này có vi phạm pháp luật hay không?

Trả lời:

Hành vi tự ý sử dụng điện thoại quay clip bạo lực gia đình rồi đăng tải lên mạng xã hội TikTok nhằm mục đích "câu like", thu hút dư luận của bà Duyên khi chưa được sự đồng ý của nạn nhân là hành vi vi phạm pháp luật.

Căn cứ Điều 21 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định về việc sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình cụ thể như sau:

Người sở hữu âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình có quyền và được khuyến khích cung cấp cho cơ quan Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền để phục vụ công tác điều tra, dập tắt bạo lực.

Tuy nhiên, việc sử dụng âm thanh, hình ảnh này để đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet (như Facebook, TikTok, YouTube...) bắt buộc phải được sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ hợp pháp của họ.

Kết luận: Việc bà Duyên tự ý đăng clip mà không có sự đồng ý của chị Thy đã xâm phạm nghiêm trọng đến bí mật đời sống riêng tư và quyền hình ảnh cá nhân của nạn nhân. Bà Duyên nên gỡ bỏ ngay đoạn video trên, đồng thời chuyển giao dữ liệu hình ảnh đó cho cơ quan Công an xã để giải quyết vụ việc bạo hành theo đúng trình tự pháp luật.

Tình huống 41. Giữa chị Quyên và mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc hai bên có lời qua tiếng lại. Đúng lúc đó, anh Hùng (chồng chị Quyên) đi làm về. Nghe cô em gái ruột kích bác rằng vợ mình hỗn láo với mẹ,

anh Hùng lập tức mất bình tĩnh, lao vào đấm đá chị Quyên túi bụi mà không cần tìm hiểu rõ sự tình.

Hậu quả của trận bạo hành khiến chị Quyên bị gãy răng, rách vùng mặt và chảy rất nhiều máu. Đáng lên án hơn, sau khi bạo hành, anh Hùng hoàn toàn bỏ mặc vợ, không đưa đi cấp cứu hay hỏi han nửa lời. Nhận được tin báo, gia đình mẹ đẻ của chị Quyên đã lập tức đến hiện trường, đưa chị vào bệnh viện cấp cứu và chăm sóc y tế.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi bạo lực gia đình nghiêm trọng và bỏ mặc nạn nhân của anh Hùng sẽ bị xử lý cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Chuỗi hành vi lao vào đánh đập chị Quyên gây thương tích nghiêm trọng (gãy răng, rách mặt) và cố ý bỏ mặc, không đưa vợ đi cấp cứu của anh Hùng cấu thành hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình đặc biệt nghiêm trọng.

Căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 10 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 và Điều 37 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ, hành vi của anh Hùng bị xử lý tổng hợp như sau:

1. Về chế tài xử phạt vi phạm hành chính (Nếu chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự):

- Hành vi cố ý xâm hại sức khỏe: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình.

- Hành vi không đưa người bị bạo lực đi cấp cứu: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi người có hành vi bạo lực không kịp thời đưa người bị bạo lực gia đình đi cấp cứu, điều trị khi tình trạng sức khỏe của nạn nhân cần được cấp cứu khẩn cấp.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Anh Hùng phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí y tế, điều trị chấn thương cho chị Quyên và phải công khai xin lỗi nếu nạn nhân yêu cầu.

2. Về trách nhiệm hình sự: Do hành vi đánh đập dẫn đến hậu quả gãy răng, rách vùng mặt chảy nhiều máu (có dấu hiệu tỷ lệ tổn thương cơ thể cố tật), cơ quan điều tra hoàn toàn có thể tiến hành giám định tỷ lệ thương tật của chị Quyên. Nếu đủ yếu tố cấu thành cấu thành tội phạm, anh Hùng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về "Tội cố ý gây thương tích" theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Tình huống 42. Chị Nhã và anh Luân quen biết nhau thông qua sự mai mối của hai bên gia đình. Bản thân chị Nhã hoàn toàn không có tình cảm và cũng không có nguyện vọng tiến tới hôn nhân với anh Luân. Tuy nhiên, gia đình hai bên đã chủ động đi xem tử vi và được thầy bói phán rằng: *"Nếu chị*

Nhã kết hôn với anh Luân thì cuộc sống sau này sẽ vô cùng sung túc, con đường công danh sự nghiệp của anh Luân cũng nhờ đó mà thăng tiến".

Sau khi nghe lời phán, gia đình chị Nhã liên tục ép buộc chị phải chấp nhận đám cưới này. Thấy con gái kiên quyết từ chối, bố chị Nhã đã nổi giận lôi đình, thậm chí còn đe dọa sẽ "từ con" và cắt đứt tình máu mủ. Không khí trong gia đình luôn rơi vào trạng thái nặng nề, căng thẳng tột độ; điều này khiến chị Nhã phải chịu áp lực tâm lý quá lớn và bắt đầu xuất hiện các biểu hiện của bệnh trầm cảm nhẹ.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành động ép buộc cưới xin và đe dọa từ con của bố chị Nhã có vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình hay không? Nếu có, hành vi này sẽ bị pháp luật xử lý cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Hành động liên tục ép buộc con gái phải chấp nhận đám cưới xem bói và đe dọa sẽ "từ con", cắt đứt tình máu mủ của bố chị Nhã là hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, cấu thành hành vi cưỡng ép kết hôn bị nghiêm cấm.

Căn cứ khoản 9 Điều 3 và điểm b khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014, cưỡng ép kết hôn là việc đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm buộc người khác phải kết hôn trái với ý muốn của họ.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 62 Nghị định số 109/2026/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, mức xử phạt cụ thể quy định như sau:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: *"Cưỡng ép kết hôn hoặc lừa dối kết hôn; cưỡng ép ly hôn hoặc lừa dối ly hôn"*.

Kết luận: Việc áp đặt tư tưởng mê tín dị đoan để uy hiếp tinh thần khiến chị Nhã có biểu hiện trầm cảm là hành vi vi phạm pháp luật. Bố chị Nhã phải lập tức chấm dứt hành vi cấm đoán, đe dọa và tôn trọng quyền tự quyết hôn nhân hợp pháp của con gái.

Tình huống 43. Sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn, chị Trân chính thức về làm dâu và chung sống dưới một mái nhà với gia đình anh Lộc. Mặc dù nhà bố mẹ đẻ của chị Trân ở cách nhà chồng không xa, nhưng anh Lộc luôn tỏ thái độ cực đoan, cấm đoán không cho vợ về thăm nhà ngoại.

Mỗi lần chị Trân về thăm bố mẹ, anh Lộc lại buông lời nhiếc móc, thậm chí chửi bới chị thậm tệ. Anh lập luận rằng chị đã lấy chồng thì chỉ được phép lo lắng cho nhà chồng, không được "vun vén" hay tơ tưởng đến gia đình nhà ngoại. Trước sự áp đặt này, chị Trân phản ứng và khẳng định việc về thăm nom bố mẹ đẻ không chỉ là quyền cá nhân hợp pháp mà còn là đạo lý, trách nhiệm của một người con - nghĩa vụ mà đáng lẽ ra anh Lộc cũng phải

đồng hành thực hiện. Chị Trân cho rằng hành vi cấm đoán, cô lập chị với gia đình nhà ngoại của anh Lộc chính là bạo lực gia đình.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành động ngăn cấm, chửi bới của anh Lộc có cấu thành hành vi bạo lực gia đình hay không? Tại sao?

Trả lời:

Hành động cô lập, ngăn cấm không cho vợ về thăm nhà ngoại, kết hợp buông lời nhiếc móc, chửi bới thậm tệ của anh Lộc hoàn toàn cấu thành hành vi bạo lực gia đình theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định rõ hành vi bạo lực gia đình bao gồm: *"Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý"*.

Phân tích pháp lý: Bố mẹ đẻ là người thân ruột thịt, quan hệ thăm nom phụng dưỡng là quyền nhân thân và đạo nghĩa hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ. Việc anh Lộc đưa ra lập luận ích kỷ để cấm đoán, cô lập chị Lộc với gia đình nhà ngoại là hành vi xâm phạm quyền tự do quan hệ gia đình - xã hội, gây áp lực tâm lý nặng nề cho người vợ. Anh Lộc phải chấm dứt ngay hành vi vi phạm này, nếu cố tình tiếp tục, chị Lộc có quyền tố giác tới cơ quan Công an xã để xử phạt hành chính anh Lộc về hành vi bạo lực gia đình tinh thần.

Tình huống 44. Kết hôn đã được 10 năm, chị Mai và anh Tân có với nhau 2 cô con gái xinh xắn, chăm ngoan và học giỏi. Cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng vô cùng êm ấm, hạnh phúc nhờ sự quan tâm, chăm sóc hết mực của anh Tân dành cho vợ con. Tuy nhiên, vì anh Tân là con trai độc nhất trong nhà, mẹ anh thường xuyên thúc ép, nhắc nhở hai vợ chồng bắt buộc phải sinh bằng được một đứa con trai để gánh vác trách nhiệm nối dõi tông đường.

Trước áp lực này, vợ chồng anh Tân hoàn toàn không đồng ý. Anh chị thẳng thắn bày tỏ quan điểm rằng con nào cũng là con, miễn sao cha mẹ nuôi dưỡng, giáo dục con cái thành người có ích cho xã hội. Thấy thái độ kiên quyết của các con, mẹ anh Tân đã tuyên bố nếu hai vợ chồng không chịu sinh con trai thì bà sẽ "từ con", cắt đứt tình mẫu tử với anh Tân, đồng thời liên tục có nhiều hành động cực đoan nhằm gây áp lực tinh thần nặng nề cho cả hai vợ chồng.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi cưỡng ép vợ chồng anh Tân phải sinh con trai của mẹ anh Tân có cấu thành hành vi bạo lực gia đình hay không?

Trả lời:

Hành vi của người mẹ đẻ liên tục có hành động cực đoan, đe dọa "từ con", gây áp lực tinh thần nặng nề để ép buộc vợ chồng anh Tân phải sinh bằng được con trai nối dõi hoàn toàn cấu thành hành vi bạo lực gia đình.

Căn cứ điểm m khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, pháp luật quy định rõ hành vi bạo lực gia đình bao gồm: *"Cưỡng ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi"*.

Kết luận: Quan điểm tiến bộ của vợ chồng anh Tân khẳng định con nào cũng là con, tập trung nuôi dạy thành người có ích là hoàn toàn phù hợp với Luật Bình đẳng giới và Luật Hôn nhân và gia đình. Việc người mẹ sử dụng các biện pháp cực đoan đe dọa tước bỏ tình mẫu tử nhằm ép buộc con dâu phải mang thai để chọn giới tính nam là hành vi bạo lực tinh thần và vi phạm điều cấm của pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi. Người mẹ cần phải chấm dứt ngay các hành động ép buộc, gây áp lực nêu trên.

Tình huống 45. Chị Huyền và anh Tuấn đã kết hôn được 5 năm, tuy nhiên cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng luôn trong tình trạng bất hòa và không có hạnh phúc. Nguyên nhân chính xuất phát từ việc anh Tuấn thường xuyên có các hành vi bạo lực nghiêm trọng, liên tục chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị Huyền dã man.

Trước thực trạng bạo hành kéo dài của người chồng, chị Huyền vô cùng buồn bã, bế tắc và mong muốn được tìm hiểu rõ các quy định của pháp luật hiện hành. Xin hỏi, người bị bạo lực gia đình sẽ có những quyền lợi cụ thể nào để chị Huyền có thể chủ động áp dụng nhằm tự bảo vệ tính mạng, sức khỏe và danh dự của bản thân?

Trả lời:

Để chủ động bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của bản thân trước hành vi bạo hành kéo dài của người chồng, chị Huyền hoàn toàn có các quyền lợi hợp pháp sau đây theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022:

- Quyền được bảo vệ khẩn cấp: Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và quyền lợi hợp pháp của mình.

- Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn: Yêu cầu cơ quan thẩm quyền ra quyết định cấm tiếp xúc, áp dụng các biện pháp phòng ngừa đối với người chồng bạo hành.

- Quyền được bố trí nơi tạm lánh an toàn: Được cơ quan chức năng bố trí nơi tạm lánh bí mật, giữ bảo mật thông tin về đời sống riêng tư và gia đình để tránh bị bạo hành tiếp tục.

- Quyền tiếp cận dịch vụ hỗ trợ: Được cung cấp các dịch vụ y tế cứu chữa chấn thương, tư vấn hỗ trợ tâm lý, trợ giúp pháp lý miễn phí để thực hiện thủ tục ly hôn hoặc tố tụng.

- Quyền đòi bồi thường thiệt hại: Yêu cầu người chồng có hành vi bạo lực phải khắc phục hậu quả, bồi thường tổn hại thực tế về sức khỏe, chi phí thuốc men và bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự.

- Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện: Có quyền làm đơn tố giác tội phạm, khiếu nại hoặc khởi kiện trực tiếp hành vi vi phạm pháp luật bạo lực gia đình của người chồng đến cơ quan có thẩm quyền.

Tình huống 46. Trong đời sống hôn nhân, vợ chồng anh Thọ và chị Tú thường xuyên phát sinh mâu thuẫn khôn lường. Mỗi lần tức giận, anh Thọ lại bộc lộ tính khí vũ phu, liên tục chửi bới và đánh đập chị Tú dã man. Đỉnh điểm, có nhiều lần anh Thọ hung hãn đuổi đánh khiến chị Tú phải hoảng sợ tháo chạy sang nhà hàng xóm để cầu cứu sự can thiệp.

Ở phía đối diện, ngôi nhà của chị Hảo có lắp đặt hệ thống camera giám sát hướng ra đường và vô tình ghi lại được toàn bộ các dữ liệu, bằng chứng rõ ràng về hành vi bạo lực của anh Thọ đối với vợ. Nhận thấy tính chất nghiêm trọng và tần suất dày đặc của các trận đòn roi, chị Hảo đã chủ động trích xuất các đoạn video clip từ camera để gửi trực tiếp đến Công an xã nơi cư trú, đồng thời làm đơn đề nghị cơ quan chức năng vào cuộc giải quyết vụ việc bạo lực gia đình này.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, việc chị Hảo tự ý cung cấp hình ảnh, video trích xuất từ camera cho lực lượng Công an xã để đề nghị giải quyết vụ việc bạo lực gia đình là đúng hay sai? Tại sao?

Trả lời

Việc chị Hảo chủ động trích xuất các đoạn video clip từ hệ thống camera giám sát của gia đình để cung cấp trực tiếp cho lực lượng Công an xã nhằm đề nghị giải quyết vụ việc anh Thọ bạo hành đuổi đánh vợ là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 21 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định rõ về việc sử dụng dữ liệu bạo lực gia đình: *"Người có âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình có quyền cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết vụ việc bạo lực gia đình"*.

Phân tích pháp lý: Hành động dùng camera ghi lại diễn biến trên đường phố (không xâm phạm không gian riêng tư bên trong nhà người khác) vô tình thu thập được chứng cứ bạo lực là nguồn tài liệu hợp pháp. Việc chị Hảo chuyển giao dữ liệu này cho cơ quan Công an xã - cơ quan có thẩm quyền xử lý bạo lực - là hành động hỗ trợ, bảo vệ an ninh trật tự công cộng và bảo vệ tính mạng cho nạn nhân (chị Tú), hoàn toàn không vi phạm quy định bảo mật thông tin mạng.

Tình huống 47. Do chị Thư mang thai trước khi cưới nên sau khi kết hôn, người mẹ chồng luôn tỏ thái độ thành kiến, định kiến và không tôn trọng con dâu vì cho rằng chị là người phụ nữ không đứng đắn. Trong quá trình chung sống dưới một mái nhà, người mẹ chồng thường xuyên sử dụng những

lời lẽ thô tục, lăng mạ nhằm xúc phạm danh dự và nhân phẩm của chị Thư một cách gay gắt.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi dùng lời lẽ thô tục để bôi nhọ con dâu của người mẹ chồng có cấu thành hành vi bạo lực gia đình hay không? Trong trường hợp này, pháp luật quy định các hình thức và biện pháp xử lý cụ thể như thế nào?

Trả lời:

1. Về tính chất hành vi: Hành vi của người mẹ chồng thường xuyên sử dụng những lời lẽ thô tục, lăng mạ nhằm xúc phạm danh dự và nhân phẩm của chị Thư vì thành kiến mang thai trước khi cưới hoàn toàn cấu thành hành vi bạo lực gia đình về mặt tinh thần. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, hành vi bạo lực gia đình bao gồm: *"Lăng mạ, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm"*.

2. Hình thức và mức xử lý cụ thể: Căn cứ Điều 39 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình, hành vi này bị chế tài như sau:

- Xử phạt tiền: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lăng mạ, chì chiết xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình.

(Lưu ý: Nếu mẹ chồng có hành vi phát tán những thông tin miệt thị này cho người ngoài hoặc lên mạng internet, mức phạt tiền sẽ tăng từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng theo khoản 2 Điều 39).

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Người mẹ chồng có nghĩa vụ phải chấm dứt ngay hành vi chửi bới và phải thực hiện xin lỗi công khai chị Thư nếu chị Thư có yêu cầu.

Tình huống 48. Sau khi hoàn tất thủ tục ly hôn, anh Lâm và chị Phượng thống nhất giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho chị Phượng, anh Lâm có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu trưởng thành. Do rất mực thương yêu cháu nội, hàng tháng cha mẹ đẻ của anh Lâm (ông bà nội) vẫn chủ động gửi thêm một khoản tài chính hỗ trợ chị Phượng trang trải chi phí nuôi học cho cháu. Tuy nhiên, mỗi khi ông bà nội tìm đến thăm nom, chị Phượng lại tỏ thái độ cực đoan, ngăn cản và tuyệt đối không cho ông bà gặp riêng cháu.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi cấm đoán, ngăn cản việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông bà và cháu của chị Phượng sẽ bị xử lý, xử phạt cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Hành vi của chị Phượng cố tình tỏ thái độ cực đoan, ngăn cản và tuyệt đối không cho ông bà nội gặp mặt, thăm nom cháu là hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và quan hệ gia đình.

Căn cứ Điều 42 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự và phòng, chống bạo lực gia đình:

- Mức phạt tiền: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa ông, bà và cháu; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau; giữa cha, mẹ và con, trừ trường hợp bị hạn chế theo quyết định của Tòa án.

Kết luận: Mặc dù sau ly hôn chị Phượng được quyền trực tiếp nuôi con và nhận cấp dưỡng , cháu nhỏ vẫn là cháu nội ruột thịt của ông bà. Việc ông bà hỗ trợ tài chính và muốn thăm cháu là tình cảm và trách nhiệm gia đình chính đáng. Chị Phượng không được quyền ích kỷ cấm đoán. Với hành vi cản trở này, chị M có thể bị cơ quan chức năng lập biên bản xử phạt hành chính từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Tình huống 49. Cháu Hân (17 tuổi) vừa được nhận một khoản tiền thưởng lớn từ cuộc thi học sinh giỏi quốc gia và tiền làm thêm trong kỳ nghỉ hè. Có sẵn khoản tiền riêng này, Hân muốn tham gia vào một dây hụi lớn tại địa phương do bà Phượng làm Chủ hụi nhằm mục đích tích lũy vốn kinh doanh sau khi tốt nghiệp. Biết ý định của con, mẹ cháu Hân hoàn toàn ủng hộ và đồng ý hướng dẫn con cách chơi.

Tuy nhiên, mâu thuẫn gay gắt trong gia đình và xã hội đã lập tức bùng nổ ngay trước kỳ mở hụi đầu tiên:

Bố của Hân phản đối kịch liệt: Bố Hân đùng đùng nổi giận, nghiêm cấm Hân tham gia và mắng người mẹ: *"Nó mới 17 tuổi, chưa thành niên, chưa có tiền đồ gì mà bà đã bày trò cho nó chơi bời nợ nần! Về mặt pháp luật, mọi giao dịch tiền bạc của nó phải do tôi và bà ký tên, nó không có quyền tự quyết, tiền thưởng đó cũng phải nộp cho bố mẹ quản lý!".*

Bà Phượng (Chủ hụi) từ chối nhận Hân: Khi thấy bố Hân đến làm ầm ĩ, bà Phượng lập tức tuyên bố gạch tên Hân ra khỏi danh sách dây hụi vì sợ rủi ro: *"Tôi không nhận con nít dưới 18 tuổi vào dây hụi. Luật quy định rõ phải đủ 18 tuổi trở lên mới được chơi. Sau này nó bùng hụi hay bố nó đến đòi lại tiền, tôi lấy gì mà đền cho các thành viên khác? Mẹ đồng ý nhưng bố không đồng ý thì dây hụi này tuyệt đối không nhận!".*

Đứng trước sự phản đối kịch liệt của người bố và sự từ chối của Chủ hụi, hai mẹ con Hân rất uất ức nhưng không biết ai đúng ai sai về mặt pháp luật.

Câu hỏi đặt ra:

1. Dựa trên quy định của pháp luật hiện hành, việc bố Hân và bà Phượng (Chủ hụi) cho rằng người 17 tuổi mặc nhiên không được tham gia chơi hụi là đúng hay sai?

2. Cháu Hân cần đáp ứng những điều kiện bắt buộc nào để có tư cách pháp lý tự mình tham gia dây hụi này một cách hợp pháp mà không cần sự đồng ý của người bố?

Trả lời:

Căn cứ vào Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, mâu thuẫn giữa các bên được giải quyết cụ thể như sau:

1. Khẳng định tư cách pháp lý của người 17 tuổi (Bố Hân và Chủ hụi sai)

Nhận định: Quan điểm của người bố (cho rằng người dưới 18 tuổi không được tự quyết giao dịch tiền bạc) và của bà Phượng (cho rằng chỉ người từ đủ 18 tuổi mới được chơi hụi) là không đúng với quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở pháp lý: Theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về điều kiện của thành viên dây hụi: Người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi hoàn toàn có tư cách làm thành viên của dây hụi nếu người đó có tài sản riêng để thực hiện nghĩa vụ góp phần hụi.

2. Các điều kiện bắt buộc để cháu Hân tham gia hụi hợp pháp

Để đập tan sự phản đối của người bố và thuyết phục Chủ hụi (bà Phượng) nhận mình vào dây hụi, cháu Hân (17 tuổi) cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

Điều kiện về tài sản riêng (Chứng minh với người bố): Số tiền Hân dùng để đóng hụi phải là tài sản riêng hợp pháp của Hân (tiền thưởng học sinh giỏi quốc gia, tiền lương làm thêm mùa hè). Khoản tiền này được coi là tài sản riêng theo quy định của Bộ luật Dân sự, bố của Hân không có quyền tịch thu hay ép buộc nộp lại.

Điều kiện về loại tài sản góp hụi (Giải quyết mâu thuẫn về người đại diện):

- *Trường hợp 1:* Nếu Hân dùng tiền mặt (tiền thưởng, tiền lương) để góp hụi thì Hân có quyền tự mình thực hiện giao dịch mà hoàn toàn không cần sự đồng ý của bố hay mẹ. Sự phản đối của người bố trong trường hợp này không có giá trị pháp lý.

- *Trường hợp 2:* Nếu tài sản riêng của Hân là bất động sản hoặc động sản phải đăng ký quyền sở hữu (ví dụ: một chiếc xe máy đứng tên Hân được tặng cho) mà Hân muốn dùng nó để thế chấp hoặc bán đi lấy tiền góp hụi, thì bắt buộc phải được người đại diện theo pháp luật (cả cha và mẹ) đồng ý. Do bố Hân phản đối, Hân sẽ không thể dùng loại tài sản này để chơi hụi.

Kết luận: Vì cháu Hân đã 17 tuổi và sử dụng nguồn tiền mặt riêng hợp pháp (tiền thưởng, tiền làm thêm) để góp hụi, cháu hoàn toàn đủ tư cách pháp lý tự mình tham gia dây hụi. Mẹ cháu ủng hộ là một điểm tựa tinh thần, còn sự phản đối của người bố không làm mất đi quyền dân sự này của cháu. Bà Phượng (Chủ hụi) không được viện lý do "chưa đủ 18 tuổi" để từ chối Hân nếu Hân chứng minh được nguồn tài sản riêng của mình.

Tình huống 50. Chị Nhàn cùng một nhóm bạn gồm 07 người tại địa phương dự kiến thành lập một dây hụi nhằm mục đích góp vốn tương trợ lẫn nhau trong kinh doanh. Ban đầu, đa số thành viên trong nhóm đều tín nhiệm và có ý định bầu chị Nhàn đảm nhiệm vai trò làm chủ hụi. Tuy nhiên, ngay trước ngày góp vốn đầu tiên, trong nhóm đã xảy ra mâu thuẫn và tranh cãi gay gắt từ hai thành viên là anh Bình và chị Hoa:

Anh Bình phản đối vì cho rằng chị Nhàn năm nay mới chỉ 19 tuổi, còn quá trẻ, chưa có kinh nghiệm quản lý tài chính và vừa mới điều trị xong chứng trầm cảm nặng tại bệnh viện năm ngoái. Anh Bình lo ngại chị Nhàn không đủ điều kiện về độ tuổi và năng lực nhận thức để chịu trách nhiệm cho số tiền lớn của mọi người.

Chị Hoa thì bất bình lên tiếng: *"Trong nhóm 7 người thì chỉ có 3 người hoàn toàn ủng hộ chị Nhàn, tôi và anh Bình phản đối, còn 2 người khác thì im lặng bỏ phiếu trống. Chưa được một nửa số người trong nhóm đồng ý một cách tuyệt đối thì làm sao chị Nhàn danh chính ngôn thuận làm chủ hụi được!"*

Trước những lời ra tiếng vào và sự nghi ngờ về năng lực của mình, chị Nhàn rất hoang mang. Chị muốn làm rõ các quy định pháp luật để tự bảo vệ quyền lợi của mình và thuyết phục nhóm bạn.

Câu hỏi đặt ra:

1. Dựa trên quy định của pháp luật hiện hành, các lý do phản đối của anh Bình và chị Hoa về điều kiện làm chủ hụi của chị Nhàn có đúng pháp luật không? Một cá nhân cần đáp ứng những điều kiện bắt buộc nào để làm chủ hụi?

2. Giả sử chị Nhàn đủ điều kiện làm chủ hụi và được bầu chọn hợp pháp, thì việc tổ chức chơi hụi trong trường hợp của nhóm chị có bắt buộc phải đăng ký hoặc thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không?

Trả lời:

Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, các mâu thuẫn và thắc mắc trong dây hụi của chị Nhàn được giải quyết cụ thể như sau:

1. Giải quyết mâu thuẫn về điều kiện làm chủ hụi (Phản đối của anh Bình và chị Hoa)

Theo Điều 6 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, các điều kiện bắt buộc để một cá nhân làm chủ hụi bao gồm:

Về độ tuổi: Phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên. Do đó, chị Nhàn 19 tuổi hoàn toàn đã đủ điều kiện về độ tuổi. Việc anh Bình chê chị "quá trẻ" là không có cơ sở pháp lý.

Về năng lực hành vi dân sự: Không thuộc các trường hợp bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó

khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Việc chị Nhàn từng điều trị trầm cảm năm ngoái không đồng nghĩa với việc chị bị mất năng lực hành vi dân sự, trừ khi có quyết định chính thức bằng văn bản của Tòa án. Vì vậy, lý do này của anh Bình cũng không hợp pháp.

Về tỷ lệ bầu chọn (Giải quyết phản đối của chị Hoa): Pháp luật quy định trường hợp dây hụi do các thành viên tự phát phối hợp tổ chức, chủ hụi phải được hơn một nửa tổng số thành viên của dây hụi bầu chọn (trừ khi các bên có thỏa thuận khác).

Dây hụi này có tổng cộng 07 thành viên. Để trở thành chủ hụi hợp pháp, chị Nhàn phải được ít nhất 04 thành viên đồng ý bầu chọn.

Kết luận: Chị Hoa phản đối là đúng thực tế pháp lý. Hiện tại chị Nhàn mới chỉ được 3 người ủng hộ (chưa đạt quá bán). Chị Nhàn cần phải thuyết phục thêm ít nhất 1 trong 2 người đang bỏ phiếu trống bỏ phiếu cho mình thì mới đủ điều kiện làm chủ hụi hợp pháp.

2. Về việc thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Theo Điều 14 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, chủ hụi chỉ có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã nơi cư trú về việc tổ chức dây hụi khi thuộc một trong các trường hợp sau:

Tổ chức dây hụi có giá trị một phần hụi tại một kỳ mở hụi từ 100 triệu đồng trở lên.

Tổ chức từ hai dây hụi trở lên.

3. Áp dụng vào tình huống:

Nếu dây hụi của nhóm chị Nhàn có quy mô nhỏ, số tiền góp của mỗi người trong một kỳ cộng lại dưới 100 triệu đồng và đây là dây hụi duy nhất chị tổ chức, thì chị Nhàn không bắt buộc phải đăng ký hay thông báo với UBND cấp xã.

Ngược lại, nếu tổng số tiền gom được tại một kỳ mở hụi từ 100 triệu đồng trở lên, sau khi được bầu làm chủ hụi, chị Nhàn bắt buộc phải làm văn bản thông báo cho UBND cấp xã nơi chị cư trú để quản lý theo đúng quy định.

Tình huống 51. Bà Hương cùng một nhóm người tại địa phương đang tham gia vào một dây hụi lớn do bà Xoan làm chủ hụi. Từ trước đến nay, dây hụi này hoạt động hoàn toàn dựa trên "niềm tin" và thỏa thuận miệng (bằng lời nói). Cứ đến kỳ mở hụi, các thành viên chủ động mang tiền đến nộp cho bà Xoan, rồi bà Xoan giao lại cho người đến lượt lĩnh hụi.

Tuy nhiên, ở kỳ mở hụi vừa qua, một thành viên sau khi lĩnh hụi xong đã bất ngờ "bùng" tiền, bỏ trốn khỏi địa phương khiến dây hụi rơi vào khủng hoảng. Lo sợ mất vốn, bà Hương và các thành viên khác lập tức đến gặp bà Xoan yêu cầu: *"Bây giờ không nói miệng nữa! Bà Xoan phải lập hợp đồng bằng văn bản, ghi rõ mức đóng, kỳ mở hụi và quy định rõ nếu có người quỵt tiền thì chủ hụi phải chịu trách nhiệm đền bù 100%, sau đó các thành viên mới tiếp tục đóng tiền hụi".*

Bà Xoan nghe vậy liền thẳng thừng từ chối và lớn tiếng thách thức: ***"Từ xưa đến nay vùng này ai chơi hụi chẳng nói miệng, luật nào bắt lập văn bản? Hơn nữa, thỏa thuận miệng lúc đầu là mọi người cùng chịu rủi ro, bây giờ có người trốn thì ai cũng đen phải chịu, tôi chỉ là người gom tiền chứ không đời nào ký văn bản nhận trách nhiệm đền tiền thay!".*** **Mâu thuẫn lên đỉnh điểm khi bà Hương và nhóm thành viên tuyên bố sẽ dừng đóng tiền hụi, còn bà Xoan đe dọa sẽ kiện họ vì tội phá vỡ thỏa thuận miệng ban đầu.**

Câu hỏi đặt ra:

1. Theo quy định của pháp luật hiện hành, việc bà Xoan và các thành viên thỏa thuận, vận hành dây hụi bằng hình thức truyền miệng (lời nói) bấy lâu nay có hợp pháp không?

2. Yêu cầu của bà Hương về việc bắt buộc phải lập văn bản thỏa thuận và nội dung ràng buộc trách nhiệm của các bên được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời

Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, mâu thuẫn về hình thức và nội dung thỏa thuận của dây hụi này được giải quyết như sau:

1. Về hình thức giao dịch bằng lời nói (Mâu thuẫn giữa bà Xoan và các thành viên)

Quy định pháp luật: Việc bà Xoan cho rằng "chơi hụi nói miệng là hợp pháp" và từ chối lập văn bản là hoàn toàn sai quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, pháp luật bắt buộc mọi thỏa thuận về việc tổ chức dây hụi phải được thể hiện bằng văn bản.

Hậu quả pháp lý: Việc dây hụi của bà Xoan vận hành bằng hình thức truyền miệng là vi phạm nghiêm trọng về mặt hình thức giao dịch. Khi xảy ra rủi ro (thành viên bỏ trốn), thỏa thuận miệng này không có giá trị chứng minh pháp lý vững chắc và rất khó để Tòa án bảo vệ quyền lợi cho các bên.

2. Quy định về Văn bản thỏa thuận và nội dung hợp pháp (Giải quyết yêu cầu của bà Hương)

Để giải quyết triệt để mâu thuẫn và tiếp tục vận hành dây hụi một cách an toàn, bà Hương và các thành viên có quyền yêu cầu lập Văn bản thỏa thuận về họ (hợp đồng chơi hụi) với các tiêu chuẩn sau:

Nội dung bắt buộc trong văn bản (Điều 7 Nghị định 19/2019/NĐ-CP): Văn bản phải ghi rõ: Họ tên, số định danh cá nhân/CMND/CCCD, nơi cư trú của chủ hụi và các thành viên; Số lượng thành viên; Mức góp và hình thức góp; Kỳ mở hụi; Trách nhiệm của những người vi phạm nghĩa vụ...

3. Về thỏa thuận "Trách nhiệm đền bù của chủ hụi":

Bà Hương yêu cầu đưa điều khoản *"Chủ hụi phải đền bù 100% nếu có thành viên bùng tiền"* vào văn bản là hoàn toàn hợp pháp nếu được các bên đồng ý.

Theo khoản 4 Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, trường hợp đến kỳ mở hụi mà có thành viên không góp phần hụi thì chủ hụi có nghĩa vụ góp thay phần hụi đó, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Do đó, việc bà Xoan phủi bỏ hoàn toàn trách nhiệm và bảo "ai cũng đen phải chịu" là trái pháp luật.

Tính chứng thực: Văn bản thỏa thuận này sẽ được thực hiện thủ tục công chứng hoặc chứng thực nếu các thành viên trong dây hụi có yêu cầu để nâng cao giá trị pháp lý. Mọi sửa đổi, bổ sung sau này cũng phải lập thành văn bản.

Kết luận: Để tự bảo vệ mình, bà Hương và các thành viên cần kiên quyết áp dụng luật: Yêu cầu bà Xoan dừng ngay việc thỏa thuận miệng, lập tức chuyển đổi sang Văn bản thỏa thuận chơi hụi. Nếu bà Xoan tiếp tục trốn tránh và không ký văn bản rõ ràng, các thành viên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân để yêu cầu giải quyết tranh chấp tài sản dựa trên các chứng cứ giao dịch thực tế (tin nhắn, biên nhận đưa tiền...).

Tình huống 52. Dây hụi (họ, biêu, phường) mà chị Trang đang tham gia hiện đã vận hành và duy trì ổn định được 6 tháng. Đến kỳ mở hụi này, chủ hụi có ý định kết nạp thêm một số thành viên mới vào dây. Tuy nhiên, chị Trang không đồng ý với phương án này vì lo ngại việc thay đổi nhân sự giữa chừng sẽ làm xáo trộn dây hụi đang hoạt động ổn định, đồng thời tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi rút hụi (lĩnh hụi) của cá nhân chị.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, nếu không có sự đồng thuận của chị Trang, chủ hụi và những người khác có quyền tự ý kết nạp thành viên mới vào dây hụi này hay không?

Trả lời:

Nếu không có thỏa thuận khác từ trước, chủ hụi và những người khác hoàn toàn không có quyền tự ý kết nạp thành viên mới vào dây hụi khi chưa có sự đồng ý của chị Trang.

Căn cứ Điều 9 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành viên mới tham gia dây hụi: Một cá nhân chỉ có thể trở thành thành viên mới của dây hụi đang vận hành ổn định khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Phải có sự đồng ý của chủ hụi và tất cả các thành viên hiện tại của dây hụi;

- Phải thực hiện góp đầy đủ các phần hụi tính đến thời điểm tham gia theo thỏa thuận của dây.

Kết luận: Do chị Trang là thành viên chính thức của dây hụi và chị không đồng ý với phương án kết nạp thành viên mới, chủ hụi bắt buộc phải tuân thủ ý kiến này. Mọi hành vi tự ý nhận tiền, thêm người của chủ hụi mà không được

100% thành viên cũ đồng thuận là vi phạm thỏa thuận chơi hụi và phần hụi của người mới đó sẽ không được pháp luật thừa nhận.

Tình huống 53. Mẹ của chị Quế cùng một số người dân trong xóm đã tổ chức một dây hụi (họ, biêu, phường) được thời gian 1 năm. Đến nay, mặc dù vẫn chưa tới lượt được lĩnh hụi (chưa hốt hụi) nhưng vì lý do cá nhân, mẹ chị Quế có nguyện vọng muốn xin rút khỏi dây hụi này giữa chừng.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, quyền lợi và trách nhiệm của một thành viên chưa lĩnh hụi khi muốn rút khỏi dây hụi trước kỳ hạn được quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Mẹ của chị Quế hoàn toàn có quyền rút khỏi dây hụi giữa chừng trước kỳ hạn. Tuy nhiên, quyền lợi và trách nhiệm của thành viên chưa lĩnh hụi (chưa hốt) được phân định chặt chẽ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

1. Về quyền lợi nhận lại tiền:

Mẹ chị Quế được nhận lại các phần tiền hụi đã đóng theo đúng thỏa thuận của các bên.

Trường hợp văn bản chơi hụi không có thỏa thuận về việc rút giữa chừng: Mẹ chị Quế sẽ được nhận lại toàn bộ các phần hụi đã góp tại thời điểm dây hụi kết thúc (đáo hạn). Nếu mẹ chị Quế chứng minh được mình có lý do chính đáng, khẩn cấp thì được xem xét nhận lại tiền ngay tại thời điểm rút khỏi dây hụi.

2. Về trách nhiệm pháp lý:

Mẹ chị Quế phải có nghĩa vụ hoàn trả lại một phần tiền lãi đã nhận trước đó (nếu có) từ các kỳ mở hụi trước và thực hiện các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận.

Nếu việc đơn phương rút khỏi dây hụi gây ra xáo trộn, đổ vỡ hoặc gây thiệt hại kinh tế cho chủ hụi và các thành viên khác, mẹ chị Quế phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tình huống 54. Anh Khoa có nuôi một con chó có kích thước lớn tại nhà riêng. Mặc dù đã nhiều lần nhận được văn bản khuyến cáo từ chính quyền địa phương về việc phải quản lý nghiêm ngặt vật nuôi, anh Khoa vẫn phớt lờ và thường xuyên thả rông con chó này ra đường mà không trang bị rọ mõm hay có người dắt.

Đỉnh điểm, vào một ngày, con chó của anh Khoa bất ngờ lao ra đường và vồ đuổi, gây hoảng loạn cho người tham gia giao thông. Thấy vậy, anh Tùng (hiện đang điều khiển xe máy) đã phải đột ngột đánh lái để né tránh, dẫn đến mất lái và ngã xe trọng thương, buộc phải nhập viện điều trị khẩn cấp.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi để chó chạy rông không rọ mõm gây tai nạn giao thông và thiệt hại về sức khỏe cho người khác của anh Khoa sẽ bị xử lý, xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Hành vi thả rông chó kích thước lớn ra đường công cộng không rọ mõm, không có người dắt, phớt lờ khuyến cáo của chính quyền dẫn đến gây tai nạn giao thông khiến anh Tùng ngã xe trọng thương của anh Khoa là hành vi vi phạm pháp luật hành chính và dân sự nghiêm trọng. Anh Khoa sẽ bị xử lý cụ thể dưới hai hình thức sau:

1. Về mức xử phạt vi phạm hành chính:

Căn cứ điểm b khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt hành chính lĩnh vực trật tự công cộng, anh Khoa bị áp dụng các khung phạt:

- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng về hành vi thả rông động vật nuôi trong đô thị hoặc nơi công cộng.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng về hành vi để động vật nuôi gây thương tích hoặc gây thiệt hại tài sản cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Về trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại:

Căn cứ Điều 584 và Điều 603 Bộ luật dân sự năm 2015, chủ sở hữu súc vật phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vật nuôi gây ra cho người khác. Do đó, anh Khoa có nghĩa vụ pháp lý bắt buộc phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh cho anh Tùng, bao gồm: Chi phí cấp cứu, tiền viện phí điều trị tại bệnh viện, chi phí sửa chữa xe máy bị hư hỏng, thu nhập thực tế bị mất của anh Tùng trong thời gian nằm viện và một khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm.

Tình huống 55. Sau một thời gian dài chung sống không hạnh phúc, anh Giang và chị Mi đã hoàn tất thủ tục ly hôn theo bản án/quyết định của Tòa án. Theo đó, chị Mi là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Khôi, còn anh Giang có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng để nuôi con với số tiền cố định là 05 triệu đồng/tháng.

Dù hiện tại anh Giang đang có công việc ổn định với thu nhập cao và điều kiện kinh tế khá giả, anh vẫn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng trong suốt 06 tháng liên tục. Đáng nói, chị Mi đã nhiều lần chủ động liên hệ nhắc nhở và yêu cầu thực hiện trách nhiệm nhưng anh Giang vẫn phớt lờ.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, việc anh Giang cố tình trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con có vi phạm pháp luật hay không? Hành vi này sẽ bị cơ quan chức năng xử lý theo các chế tài cụ thể nào?

Trả lời:

Hành vi có điều kiện kinh tế khá giả, thu nhập cao nhưng cố tình trốn tránh, phớt lờ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con suốt 06 tháng liên tục của anh Giang là hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi phát sinh của trẻ em sau ly hôn.

Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính hành vi vi phạm về chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng:

- Mức phạt tiền hành chính: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Ngoài việc phải nộp tiền phạt vào ngân sách, anh Giang bắt buộc phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải thực hiện ngay nghĩa vụ đóng góp, truy nộp toàn bộ số tiền cấp dưỡng còn nợ (tổng cộng 30 triệu đồng cho 06 tháng trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng) cho chị Mi để nuôi dưỡng cháu Khôi.

Chị Mi có quyền làm đơn gửi cơ quan thi hành án dân sự hoặc cơ quan Công an để can thiệp, lập biên bản xử phạt và cưỡng chế trích xuất thu nhập của anh Giang để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tình huống 56. Cháu Loan (nữ, hiện 16 tuổi) đang là học sinh lớp 11. Do gia đình có sự sắp đặt từ trước, mẹ cháu Loan liên tục thúc ép cháu phải nghỉ học để lập gia đình. Cháu Loan kiên quyết phản đối vì bản thân mong muốn tiếp tục việc học, đồng thời nhận thức rõ mình còn quá nhỏ và chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trước sự phản kháng của con gái, mẹ cháu Loan và phía nhà trai đã tự ý thỏa thuận với nhau một phương án: Sẽ tiến hành tổ chức đám cưới (lễ cưới) trước cho hai bên gia đình dâu rể về chung sống với nhau, sau đó chờ đến khi cháu Loan đủ tuổi quy định mới đến cơ quan chức năng làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi cố tình tổ chức đám cưới cho người chưa đủ tuổi kết hôn (tảo hôn) có bị xử phạt vi phạm hành chính hay không?

Trả lời:

Hành vi của mẹ cháu Loan và phía nhà trai tự ý thỏa thuận và cố tình tổ chức đám cưới cho cháu Loan (mới 16 tuổi, đang học lớp 11) về chung sống trước khi đăng ký kết hôn là hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, cấu thành hành vi tổ chức tảo hôn. Cháu Loan hoàn toàn đúng khi có nhận thức từ chối đám cưới này.

Căn cứ Điều 61 Nghị định số 109/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, mức chế tài quy định cụ thể như sau:

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn.

Kết luận: Theo Luật Hôn nhân và gia đình, độ tuổi kết hôn hợp pháp của nữ phải là từ đủ 18 tuổi trở lên. Việc hai bên gia đình dùng hình thức tổ chức lễ cưới truyền thống để lách luật, ép buộc trẻ em 16 tuổi nghỉ học lập gia đình là hành vi vi phạm điều cấm. Mẹ cháu Loan và nhà trai sẽ bị chính quyền địa phương lập biên bản xử phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và buộc phải dừng ngay đám cưới trái pháp luật này.

Tình huống 57. Dù biết rõ anh Hùng là người đã có gia đình và hôn nhân hợp pháp, chị Duyên vẫn cố tình thiết lập mối quan hệ và chung sống công khai như vợ chồng với anh Hùng. Mặc dù người vợ hợp pháp và người thân trong gia đình anh Hùng đã nhiều lần phát hiện, trực tiếp gặp gỡ yêu cầu chị Duyên chấm dứt ngay mối quan hệ bất chính này, chị Duyên vẫn phớt lờ, kiên quyết duy trì hành vi vi phạm.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi cố tình chung sống như vợ chồng với người đang có vợ của chị Duyên sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Hành vi biết rõ đối phương đã có gia đình hợp pháp nhưng chị Duyên vẫn cố tình thiết lập mối quan hệ, phớt lờ yêu cầu ngăn cản của người thân để chung sống công khai như vợ chồng với anh Hùng là hành vi vi phạm nghiêm trọng chế độ hôn nhân một vợ một chồng.

Căn cứ điểm b và điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 109/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình:

Mức phạt tiền hành chính: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Đang có vợ hoặc đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác.

- Chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ.

Kết luận: Trong trường hợp này, hành vi chung sống bất chính của hai người đều bị xử lý. Cơ quan chức năng sẽ ra quyết định xử phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cả chị Duyên và anh Hùng. Hai người có nghĩa vụ phải chấm dứt ngay hành vi chung sống trái pháp luật nêu trên.

Tình huống 58. Anh Bình (chồng chị Trinh) là người có tính sa đà vào các tệ nạn cờ bạc, rượu chè và thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt ngay tại nhà riêng, khiến không khí gia đình luôn ngột ngạt và phát sinh cãi vã. Dù chị Trinh đã nhiều lần hết lòng khuyên ngăn chồng từ bỏ con đường bài bạc, anh Bình không những không tiếp thu mà còn nổi giận, buông lời chửi bới, lăng mạ nhằm xúc phạm nặng nề đến danh dự và nhân phẩm của vợ.

Đỉnh điểm, sau một lần sa cơ thua bạc, anh Bình trở về nhà trong tình trạng say xỉn và hung hãn ép buộc chị Trinh phải đưa tiền để anh ta tiếp tục đi nướng vào sới bạc. Khi chị Trinh ra sức can ngăn, anh Bình đã mất hết lý trí, lao vào đánh đập dã man gây thương tích nghiêm trọng cho chị.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, chuỗi hành vi bạo lực gia đình toàn diện từ tinh thần, kinh tế cho đến thể xác của anh Bình sẽ bị xử lý cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Chuỗi hành vi sa đà tệ nạn, thường xuyên chửi bới xúc phạm vợ, hung hãn ép đưa tiền và lao vào đánh đập dã man gây thương tích nghiêm trọng cho chị Trinh của anh Bình cấu thành nhiều hành vi vi phạm pháp luật đặc biệt nguy hiểm. Pháp luật quy định tổng hợp các hình thức xử lý cụ thể như sau:

1. Chế tài đối với hành vi bạo lực gia đình (Điều 37 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP):

Hành vi đánh đập gây thương tích: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập xâm hại sức khỏe thành viên gia đình chưa đến mức hình sự. Nếu anh Bình dùng hung khí, vật dụng khác để gây thương tích, mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Anh Bình bắt buộc phải dừng ngay hành vi bạo lực và công khai xin lỗi chị Trinh.

2. Chế tài đối với hành vi tham gia đánh bạc trái phép (Điều 36 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP):

Do anh Bình sa cơ thua bạc tại sới bạc, anh Bình sẽ bị xử phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (bằng các hình thức tú lơ khơ, xóc đĩa, tài xỉu... có mục đích được thua bằng tiền) nhưng chưa đến mức hình sự.

3. Trách nhiệm hình sự:

Do anh Bình có hành vi ép đưa tiền (dấu hiệu cưỡng đoạt tài sản) và đánh đập gây thương tích nghiêm trọng, chị Trinh cần đến cơ sở y tế giám định tỷ lệ thương tật. Nếu tỷ lệ thương tích đủ định mức hoặc hành vi bạo lực có tính chất côn đồ nguy hiểm, anh Bình sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc tội ngược đãi vợ theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Tình huống 59. Dù bố đẻ đã già yếu, sức khỏe suy kiệt và không còn khả năng tự chăm sóc bản thân, anh Giang vẫn thường xuyên có hành vi ngược đãi, hành hạ và cố tình bỏ mặc, không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng cha già.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi vi phạm đạo đức đạo lý và ngược đãi đấng sinh thành của anh Giang sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Hành vi của anh Giang thường xuyên ngược đãi, hành hạ và cố tình bỏ mặc, không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng người cha đẻ già yếu, sức khỏe suy kiệt là hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đạo đức và quy định pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 38 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình:

Mức phạt tiền hành chính: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi: *"Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, không chăm sóc thành viên gia đình là phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người khuyết tật, người già yếu, người cao tuổi, người không có khả năng tự chăm sóc"*.

Kết luận: Cơ quan chức năng địa phương hoàn toàn có thẩm quyền lập biên bản và ra quyết định phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với anh Giang. Anh Giang bắt buộc phải chấn chỉnh đạo đức và thực hiện ngay nghĩa vụ chăm sóc cha đẻ của mình theo đúng quy định.

Tình huống 60. Khoảng 22 giờ ngày 17/12/2025, xuất phát từ những mâu thuẫn, xích mích trong quá trình hoạt động kinh doanh, ông Nghĩa đã chủ động đi thu gom bùn, đất, đá và cát rồi tìm đến tận nhà bà Lam. Tại đây, nhằm mục đích giải tỏa bực tức cá nhân, ông Nghĩa đã liên tục ném chất bẩn, đất đá vào trong sân, khu vực cửa tầng 1 và trực tiếp lên chiếc xe ô tô của gia đình bà Lam.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi ném bùn đất, chất bẩn và đá vào nhà ở, phương tiện của người khác gây mất an ninh trật tự của ông Nghĩa có bị xử phạt vi phạm hành chính không? Nếu có, hình thức và mức xử lý cụ thể được quy định như thế nào?

Trả lời:

Hành vi cố ý thu gom bùn, đất, đá, cát rồi mang đến ném trực tiếp vào sân, cửa nhà tầng 1 và xe ô tô của gia đình bà Lam nhằm giải tỏa bực tức kinh doanh của ông Nghĩa là hành vi vi phạm pháp luật về trật tự công cộng nghiêm trọng.

Căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 8 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

Mức phạt tiền hành chính: Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi: *"Đổ, ném chất thải, chất bẩn, hóa chất, gạch, đất, đá, cát hoặc vật khác vào nhà ở, nơi ở, người, đồ vật, tài sản của người khác, trụ sở cơ quan, tổ chức, nơi làm việc, nơi sản xuất, kinh doanh..."*.

Kết luận: Hành vi ném chất bẩn của ông Nghĩa sẽ bị cơ quan Công an xử phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Đồng thời, ông Nghĩa buộc phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Khôi phục lại tình trạng ban đầu (tự lau

chùi, dọn dẹp sạch sẽ vết bẩn tại cửa nhà, sân và chiếc xe ô tô) và bồi thường toàn bộ chi phí tẩy rửa, hư hỏng tài sản (nếu có) cho gia đình bà Lam.

Tình huống 61. Từ tháng 01/2026, bà Sương đứng ra làm chủ hụi để tổ chức một dây hụi (họ, biêu, phường) gồm có 15 thành viên tham gia, hoạt động theo hình thức góp hụi định kỳ hàng tháng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình vận hành dây hụi, bà Sương đã không lập sổ hụi, đồng thời cố tình không ghi chép đầy đủ các thông tin cốt lõi theo quy định của pháp luật như: danh sách thành viên, số tiền góp hụi, kỳ mở hụi, số lần lĩnh hụi và các nội dung thỏa thuận liên quan khác.

Đến tháng 5/2026, giữa các thành viên trong dây hụi bao gồm ông Kiệm, ông Đà và bà Thảo đã phát sinh tranh chấp gay gắt liên quan đến số tiền thực tế đã đóng và quyền lợi lĩnh hụi. Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào cuộc tiến hành xác minh vụ việc, bà Sương hoàn toàn không xuất trình được sổ hụi hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ hợp pháp nào để làm căn cứ đối chiếu, giải quyết tranh chấp.

Xin hỏi, theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi không lập sổ hụi và không lưu giữ thông tin dây hụi của chủ hụi (bà Sương) có cấu thành hành vi vi phạm hành chính hay không? Nếu có, hành vi này sẽ bị xử phạt cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Hành vi tự đứng ra làm chủ hụi tổ chức dây hụi lớn gồm 15 thành viên nhưng cố tình không lập sổ hụi, không ghi chép lưu giữ các thông tin cốt lõi dẫn đến việc phát sinh tranh chấp và không có tài liệu đối chiếu cho cơ quan chức năng của bà Sương hoàn toàn cấu thành hành vi vi phạm hành chính.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về họ, hụi, biêu, phường:

Mức phạt tiền hành chính: Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ họ có hành vi: *"Không lập sổ hụi"*.

Kết luận: Với hành vi vi phạm này, bà S sẽ bị cơ quan nhà có thẩm quyền ra quyết định xử phạt tiền với mức phạt từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Việc xử phạt hành chính này không làm chấm dứt nghĩa vụ dân sự của bà Sương; bà Sương vẫn phải có trách nhiệm phối hợp với các thành viên ông Kiệm, ông Đà và bà Thảo để giải trình nguồn tiền, giải quyết dứt điểm tranh chấp quyền lợi tài chính theo quy định của pháp luật dân sự.

Tình huống số 62. Sau khi ly hôn, theo quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án, anh Hùng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con gái chưa thành niên (hiện đang sống cùng mẹ) với số tiền là 02 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, do áp lực kinh tế để chuẩn bị cưới vợ mới, trong suốt 5 tháng liên tục gần đây, anh Hùng tự ý cắt giảm và chỉ gửi cho chị Mai 01 triệu đồng/tháng.

Chị Mai đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu anh Hùng phải thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án nhưng anh Hùng đều né tránh, không hợp tác. Quá bức xúc trước thái độ của chồng cũ, chị Mai đã kiên quyết cấm cản, không cho phép anh Hùng đến gặp và thăm nom con gái nữa.

Việc làm của chị Mai (ngăn cản anh Hùng thăm con) có đúng quy định của pháp luật hiện hành hay không? Pháp luật giải quyết quyền và nghĩa vụ của đôi bên trong trường hợp này như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hành vi của cả chị Mai và anh Hùng trong tình huống trên đều không đúng quy định pháp luật. Cụ thể như sau:

1. Việc làm của chị Mai là SAI PHÁP LUẬT

Mặc dù anh Hùng vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng, chị Mai cũng không có quyền ngăn cản anh Hùng thăm nom con.

- Quyền thăm nom con sau ly hôn là bất khả xâm phạm: Theo khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con (anh Hùng) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Trách nhiệm của người trực tiếp nuôi con: Theo khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chị Mai (người trực tiếp nuôi con) có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện cho anh Hùng thực hiện quyền thăm nom, giáo dục con. Chị chỉ có quyền hạn chế quyền thăm nom này nếu anh Hùng có hành vi lạm dụng, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của đứa trẻ và phải được Tòa án ra quyết định hạn chế (theo Điều 85).

Lưu ý: Việc anh Hùng thiếu tiền cấp dưỡng không phải là căn cứ pháp lý để chị Mai tước bỏ quyền thăm con của anh. Nếu chị Mai tiếp tục cản trở, chị có thể bị xử phạt vi phạm hành chính từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng theo quy định về xử phạt trong lĩnh vực hôn nhân gia đình (Điều 4 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).

2. Hành vi của anh Hùng cũng SAI PHÁP LUẬT

Anh Hùng tự ý giảm tiền cấp dưỡng xuống còn 1/2 với lý do "chuẩn bị lấy vợ mới, hết tiền" là vi phạm nghiêm trọng Bản án/Quyết định của Tòa án và vi phạm Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 (Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn).

Việc lấy vợ mới không giải trừ hay làm giảm nhẹ nghĩa vụ nuôi dưỡng con ruột của anh.

3. Để giải quyết triệt để và đúng pháp luật, hai bên nên thực hiện theo các phương án sau:

- Đối với chị Mai**:** Thay vì tự ý cấm cản anh Hùng thăm con, chị Mai nên làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc anh Hùng phải thi hành đúng bản án/quyết định, truy thu toàn bộ số tiền cấp dưỡng còn thiếu (5 triệu đồng trong 5 tháng qua) và buộc thực hiện đủ 2 triệu đồng/tháng cho các kỳ tiếp theo.

Bên cạnh đó, chị Mai có thể lựa chọn phương án thứ 2: Đề nghị nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng cha, mẹ; nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP).

- Đối với anh Hùng: Nếu thực sự gặp khó khăn bất khả kháng về kinh tế (như mất việc làm, tai nạn...), anh Hùng không được tự ý giảm tiền mà phải làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khi chưa có quyết định mới của Tòa, anh vẫn phải đóng đủ 2 triệu đồng/tháng.

Tình huống số 63. Ông Chinh và bà Huyền là vợ chồng hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, hai ông bà cùng tích lũy và mua được một căn nhà gắn liền với mảnh đất diện tích 600m². Do sự thuận tiện tại thời điểm đó, trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đứng tên một mình ông Chinh.

Năm 2025, ông Chinh đột ngột qua đời do đột quỵ và không kịp để lại di chúc. Một năm sau ngày ông mất, hai người con chung là chị Dung và anh Tân trở về, yêu cầu bà Huyền phải chia đều toàn bộ diện tích 600m² đất và căn nhà làm 3 phần bằng nhau cho 3 mẹ con.

Bà Huyền kiên quyết phản đối yêu cầu này. Bà cho rằng mảnh đất này là tài sản do công sức của hai vợ chồng bà cùng gây dựng, chưa kể suốt thời gian ông Chinh đau ốm, một mình bà lo toan chạy chữa và chăm sóc, còn hai con không hề ngó ngàng hay đóng góp gì. Cuộc tranh chấp giữa mẹ và các con ngày càng gay gắt khiến không khí gia đình vô cùng căng thẳng.

Câu hỏi đặt ra: Theo quy định của pháp luật hiện hành, mảnh đất đứng tên một mình người chồng quá cố nhưng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân thì được xác định là tài sản của ai? Việc phân chia di sản thừa kế trong trường hợp này sẽ được thực hiện cụ thể như thế nào?

Trả lời

Để giải quyết mâu thuẫn gia đình trên, cơ quan chức năng hoặc các bên tranh chấp cần bóc tách quyền sở hữu tài sản chung vợ chồng trước, sau đó mới tiến hành phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

1. Xác định quy mô khối di sản thừa kế của ông Chinh

- Cơ sở pháp lý: Theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp được thừa kế riêng, tặng cho riêng. Việc Giấy chứng nhận chỉ đứng

tên một mình ông Chinh không làm thay đổi bản chất đây là tài sản chung của ông Chinh và bà Huyền (vì được mua trong thời kỳ hôn nhân).

- Chia tài sản trước khi chia thừa kế: Theo Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, khi một bên vợ hoặc chồng chết thì tài sản chung được chia đôi. Bà Huyền mặc nhiên sở hữu 50% khối tài sản (tương đương ½ căn nhà và 300m² đất). Phần này thuộc quyền sở hữu riêng của bà Huyền, các con không có quyền đòi chia. 50% khối tài sản còn lại (tương đương ½ căn nhà và 300m² đất còn lại) thuộc quyền sở hữu của ông Chinh và đây chính là Di sản thừa kế dùng để phân chia.

2. Phân chia di sản thừa kế của ông Chinh theo pháp luật

Do ông Chinh mất đột ngột và không để lại di chúc, phần di sản của ông (50% mảnh đất và ½ nhà) sẽ được chia theo pháp luật dựa trên nguyên tắc hàng thừa kế (Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015).

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Chinh gồm có: Vợ (bài Huyền), con đẻ (chị Dung, anh Tân) và cha đẻ, mẹ đẻ của ông Chinh (nếu còn sống tại thời điểm ông Chinh mất).

Giả sử tại thời điểm ông C mất, cha mẹ ông Chinh đã qua đời, thì hàng thừa kế thứ nhất chỉ gồm 03 người: Bà Huyền, chị Dung và anh Tân.

Nguyên tắc chia: Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau (Khoản 2 Điều 651). Do đó, 50% di sản của ông Chinh sẽ được chia đều làm 3 phần cho bà Huyền, chị Dung và anh Tân.

Như vậy, từ tình huống trên có thể nhận thấy:

- Yêu cầu của chị Dung và anh Tân là SAI: Việc hai người con đòi chia đều toàn bộ căn nhà và 600m² đất làm 3 phần bằng nhau (mỗi người 200m²) là trái pháp luật, vì họ đã xâm phạm vào quyền sở hữu 50% tài sản chung hợp pháp của mẹ mình (bà Huyền).

- Lập luận của bà Huyền đúng một phần nhưng chưa đủ: Việc bà Huyền cho rằng các con không chăm sóc lúc bố ốm đau nên không được chia đất là không có căn cứ pháp lý. Pháp luật chỉ tước quyền thừa kế của con cái nếu họ có hành vi ngược đãi nghiêm trọng, xúc phạm danh dự hoặc cố ý sát hại cha mẹ (Điều 621 Bộ luật dân sự 2015). Việc các con lơ là không lo toan chỉ vi phạm đạo đức, họ vẫn là hàng thừa kế hợp pháp của ông Chinh và vẫn được hưởng phần di sản của người cha để lại.

Tình huống số 64. Bà Nguyễn Thị Hoa năm nay 82 tuổi, có hai người con là anh Sơn và chị Phương đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Từ ngày chị Phương đi lấy chồng và ra ở riêng, bà Hoa sống chung với vợ chồng anh Sơn tại chính căn nhà của bà. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh Sơn thường xuyên có thái độ bất kính, xúc phạm và đối xử tệ bạc với mẹ mình.

Chứng kiến cảnh mẹ già bị ngược đãi, chị Phương đã chủ động gặp gỡ và bàn bạc với vợ chồng anh Sơn để đón bà Hoa về nhà mình chăm sóc, phụng dưỡng. Tuy nhiên, vì lòng tham, vợ chồng anh Sơn kiên quyết không đồng ý. Họ lo sợ rằng nếu bà Hoa chuyển về sống cùng con gái thì sau này bà sẽ để lại căn nhà đang ở cho chị Phương. Chính vì lý do này, anh Sơn đã dùng nhiều lời lẽ xúc phạm, thiếu tế nhị đối với chị Phương và ngăn cản không cho chị đón mẹ đi, khiến mâu thuẫn giữa hai anh em ngày càng trở nên gay gắt, căng thẳng.

Quá trình hòa giải:

Sau khi gặp gỡ, tiếp xúc với các bên để tìm hiểu rõ ngọn ngành vụ việc, nắm bắt tâm tư và xác định bản chất tranh chấp, Tổ hòa giải đã lựa chọn thời gian, địa điểm phù hợp để tiến hành buổi hòa giải.

1. Xác định mâu thuẫn và nguyên nhân

Mâu thuẫn: Tranh chấp giữa anh Sơn và chị Phương về việc nuôi dưỡng, phụng dưỡng mẹ già (bà Hoa).

Nguyên nhân: Xuất phát từ lối cư xử thiếu đạo đức của vợ chồng anh Sơn đối với mẹ, khiến chị Phương muốn đón bà về chăm sóc. Tuy nhiên, do lòng tham và sự ích kỷ, sợ mất quyền thừa kế căn nhà, vợ chồng anh Sơn đã cản trở, gây nên xung đột gia đình.

2. Nội dung phân tích và thuyết phục của Tổ hòa giải

Tổ hòa giải đã tập trung phân tích thấu tình đạt lý cho vợ chồng anh Sơn nhận thức được bổn phận làm con. Con cái phải luôn kính trọng, hiếu thảo và có nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ khi về già hoặc lúc ốm đau. Công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ sâu nặng như trời biển, không gì có thể đong đếm được. Đúng như câu ca dao mà ông cha ta đã răn dạy:

"Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng thờ mẹ, kính cha,

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con."

2. Căn cứ pháp lý để giải quyết

Để giúp các bên nhận thức rõ quy định của pháp luật, Tổ hòa giải đã viện dẫn các căn cứ sau:

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Khoản 2, Điều 70: Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

Khoản 2, Điều 71: Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ già yếu, ốm đau. Trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau gánh vác trách nhiệm này.

- Luật Người cao tuổi:

Điều 3: Người cao tuổi được bảo đảm các nhu cầu cơ bản và có quyền quyết định sống chung với con cháu hoặc sống riêng theo ý muốn.

Điều 10: Con, cháu là người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi.

- Bộ luật Dân sự năm 2015 (Điều 610): Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

3. Căn cứ vào đạo đức xã hội và phong tục tập quán

Tổ hòa giải nhắc nhở riêng anh Sơn đừng vì vật chất, tiền tài hay những toan tính ích kỷ nhất thời mà đánh mất đi đạo hiếu làm con, làm rạn nứt tình anh em ruột thịt để rồi phải hối hận cả đời.

Cả anh Sơn và chị Phương đều có nghĩa vụ ngang nhau trong việc phụng dưỡng bà Hoa. Vì vợ chồng anh Sơn chăm sóc không chu đáo, lại có hành vi ngược đãi mẹ, nên anh Sơn không có quyền cấm đoán chị Phương đón mẹ về, càng không có quyền ép buộc bà Hoa phải ở lại. Tài sản của bà Hoa là thuộc quyền định đoạt của cá nhân bà, bà muốn cho ai sau này là quyền hợp pháp của bà, con cái không được phép can thiệp hay lấy đó làm điều kiện để đối xử tệ bạc với mẹ. Nếu vợ chồng anh Sơn tiếp tục cản trở sẽ là hành vi vi phạm nghiêm trọng cả về pháp luật lẫn đạo đức truyền thống.

4. Kết quả hòa giải

Sau khi nghe Tổ hòa giải phân tích kỹ lưỡng dưới góc độ pháp luật và đạo lý, vợ chồng anh Sơn đã nhận thức được những hành vi sai trái của mình. Anh Sơn và vợ đã xin lỗi, mong bà Hoa tha thứ, đồng thời hứa nếu bà tiếp tục ở lại sẽ hết lòng phụng dưỡng chu đáo. Trong trường hợp bà muốn chuyển sang nhà con gái, vợ chồng anh cũng sẽ vui vẻ đồng ý và tạo điều kiện thuận lợi để chị Phương đón bà đi.

Đứng trước sự hối lỗi của con trai và con dâu, bà Hoa đã rộng lòng tha thứ. Tuy nhiên, bà bày tỏ nguyện vọng muốn chuyển về sống cùng chị Phương một thời gian để thay đổi không khí và khuây khỏa tinh thần. Khi nào cảm thấy thời điểm thích hợp để quay về sống với vợ chồng anh Sơn, bà sẽ chủ động thông báo sau. Buổi hòa giải kết thúc trong sự đồng thuận và nhẹ nhàng của các bên.

Tình huống số 65. Gia đình ông Cường và bà Thủy là hai hộ dân sống liền kề nhau. Ranh giới giữa hai nhà từ hơn 20 năm nay là một hàng cây dâm bụt. Để chuẩn bị tổ chức lễ cưới cho con trai, ông Cường đề nghị phá bỏ hàng cây dâm bụt này để xây dựng một bức tường rào chung, tuy nhiên bà Thủy không đồng ý.

Theo quan điểm của bà Thủy, nếu ông Cường muốn xây tường thì phải xây hoàn toàn trên phần đất của nhà mình, vì nếu phá hàng dâm bụt sẽ dễ dẫn đến việc lấn sang phần đất nhà bà. Ngược lại, ông Cường cho rằng hàng

cây dâm bụt là ranh giới chung và việc xây tường rào kiên cố là vì lợi ích của cả hai nhà. Do đó, ông vẫn quyết định khởi công bất chấp sự phản đối của hàng xóm.

Vào ngày ông Cường tiến hành xây dựng, các con của bà Thủy đã ra ngăn cản, dẫn đến việc hai bên cãi vã to tiếng và có nguy cơ xảy ra xung đột lớn.

Qúa trình hòa giải:

1. Xác định mâu thuẫn và nguyên nhân

- Mâu thuẫn: Tranh chấp giữa ông Cường và bà Thủy về việc phá bỏ hàng cây dâm bụt (vốn là mốc giới tự nhiên hơn 20 năm) để xây dựng tường rào kiên cố làm mốc giới chung.

- Nguyên nhân: Do hai bên không đạt được thỏa thuận thống nhất về vị trí xây dựng và quyền lợi đối với đất ranh giới. Ông Cường tự ý thi công khi chưa có sự đồng thuận, trong khi phía gia đình bà Thủy phản ứng gay gắt để bảo vệ phần đất của mình, dẫn đến xung đột.

2. Phân tích tính chất đúng, sai của các bên

Theo quy định của pháp luật, ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận của các chủ sở hữu hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra, ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc ranh giới đã tồn tại ổn định từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp. Trong trường hợp này, dù hàng dâm bụt mới tồn tại hơn 20 năm nhưng cả ông Cường và bà Thủy đều thừa nhận đây là mốc phân chia hai nhà, do đó nó được coi là ranh giới hợp pháp và là sở hữu chung của hai gia đình.

- Đối với ông Cường: Việc ông tự ý phá bỏ hàng dâm bụt và cố tình xây dựng tường rào khi chưa được sự đồng ý của bà Thủy là sai quy định pháp luật.

- Đối với bà Thủy: Việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp là đúng, tuy nhiên cách ứng xử của gia đình bà (để các con ra ngăn cản gây cãi vã to tiếng) là chưa khéo léo, dễ làm rạn nứt tình làng nghĩa xóm. Bà Thủy cần được hướng dẫn dựa trên các quy định pháp lý để có giải pháp xử lý văn minh hơn.

3. Căn cứ giải quyết vụ việc

- Về mặt pháp lý

Dựa trên Khoản 1 và Khoản 2 Điều 176 Bộ luật Dân sự (BLDS) quy định về mốc giới ngăn cách các bất động sản:

“1. Chủ sở hữu bất động sản chỉ được dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình.

2. Các chủ sở hữu bất động sản liền kề có thể thỏa thuận với nhau về việc dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn trên ranh giới để làm mốc giới ngăn cách giữa các bất động sản; những vật mốc giới này là sở hữu chung của những người đó.

Trong trường hợp mốc giới ngăn cách chỉ do một bên tạo nên trên ranh giới và được chủ sở hữu bất động sản liền kề đồng ý thì mốc giới ngăn cách đó là sở hữu chung, chi phí để xây dựng do bên tạo nên chịu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác; nếu chủ sở hữu bất động sản liền kề không đồng ý mà có lý do chính đáng thì chủ sở hữu đã dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn phải dỡ bỏ."

- Về mặt đạo lý và tình nghĩa

Tình làng nghĩa xóm: Cuộc sống hàng ngày không tránh khỏi những lúc *"tối lửa tắt đèn có nhau", "bán anh em xa, mua láng giềng gần"*.

Ứng xử cộng đồng: Đề cao tinh thần *"dĩ hòa vi quý", "lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau"* để giữ gìn sự hòa thuận lâu dài.

4. Tiến trình hòa giải chi tiết

Hòa giải viên sẽ gặp gỡ riêng từng bên, sau đó tổ chức buổi hòa giải chung để phân tích thấu tình đạt lý cho các bên như sau:

- Phân tích đối với ông Cường:

Hàng dâm bụt là sở hữu chung, ông Cường có nghĩa vụ tôn trọng quyền sở hữu này của bà Thủy. Theo luật, ông chỉ được tự ý xây dựng nếu bức tường nằm hoàn toàn trên phần đất của nhà ông.

Nếu ông Cường vẫn cố tình phá hàng cây để xây tường rào chung khi bà Thủy không đồng ý, sau này bà Thủy có quyền khởi kiện yêu cầu dỡ bỏ. Lúc đó, công trình đã hoàn thiện bị đập bỏ sẽ gây thiệt hại lớn về kinh tế cho gia đình ông, chưa kể làm mất mặt gia đình ngay trong dịp đám cưới của con trai.

Giải pháp tốt nhất là ông nên cùng bà Thủy đo đạc lại cụ thể, xác định rõ tâm ranh giới (chính giữa hàng dâm bụt) để có phương án xây dựng hợp lòng cả hai bên.

- Phân tích đối với bà Thủy:

Việc ông Cường muốn xây tường rào kiên cố thực chất chỉ là thay đổi hình thức mốc giới (từ hàng cây sang tường gạch) nhằm giúp không gian sạch sẽ, an toàn hơn để chuẩn bị đón dâu, hoàn toàn không làm thay đổi ranh giới hay mất đi quyền sử dụng đất của nhà bà Thủy.

Nếu bà Thủy đồng ý, ông Cường sẽ chịu toàn bộ chi phí xây dựng, và bức tường này vẫn là sở hữu chung của hai nhà.

Ngược lại, nếu bà nhất quyết không đồng ý, ông Cường có quyền lùi lại và xây tường sát ranh giới trên phần đất của ông. Khi đó, bức tường vẫn mọc lên, hàng dâm bụt nhà bà có thể bị thiếu ánh sáng và lụi tàn dần, không gian ranh giới thực tế cũng không thay đổi, nhưng tình nghĩa đôi bên thì chính thức đổ vỡ.

(Lưu ý thêm của hòa giải viên: Khuyến khích giữ hàng cây nếu ở vùng nông thôn rộng rãi; nếu ở khu vực đô thị thì nên ủng hộ xây tường rào để đảm bảo mỹ quan và an ninh).

- Tác động về mặt tình cảm:

Hòa giải viên nhắc nhở hai gia đình về quãng thời gian hơn 20 năm làm hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau, đúng như câu tục ngữ: *"Cơm ăn không hết thì treo, việc làm không hết thì kêu xóm giềng"*. Lúc đau ốm, hoạn nạn, người bên cạnh ta đầu tiên luôn là láng giềng sát vách chứ không phải họ hàng ở xa. Đám cưới của con trai ông Cường là ngày vui lớn, rất cần sự chúc phúc và giúp đỡ của xóm giềng. Đừng vì một chút tự ái hay hiểu lầm nhỏ về bức tường rào mà để lại hiềm khích cho thế hệ con cháu về sau.

5. Kết luận hòa giải

Dựa trên những phân tích thấu đáo về cả lý lẫn tình, hòa giải viên thuyết phục bà Thủy đồng ý cho gia đình ông Cường phá bỏ hàng dâm bụt để xây dựng tường rào mới. Đồng thời, yêu cầu ông Cường cam kết xây dựng đúng tiến độ, chịu toàn bộ chi phí, đảm bảo xây chính xác trên trục ranh giới chung và bức tường sau khi hoàn thành sẽ là tài sản chung của hai gia đình.